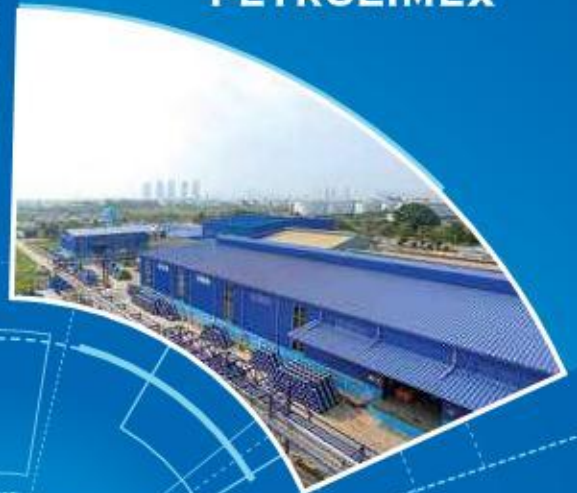


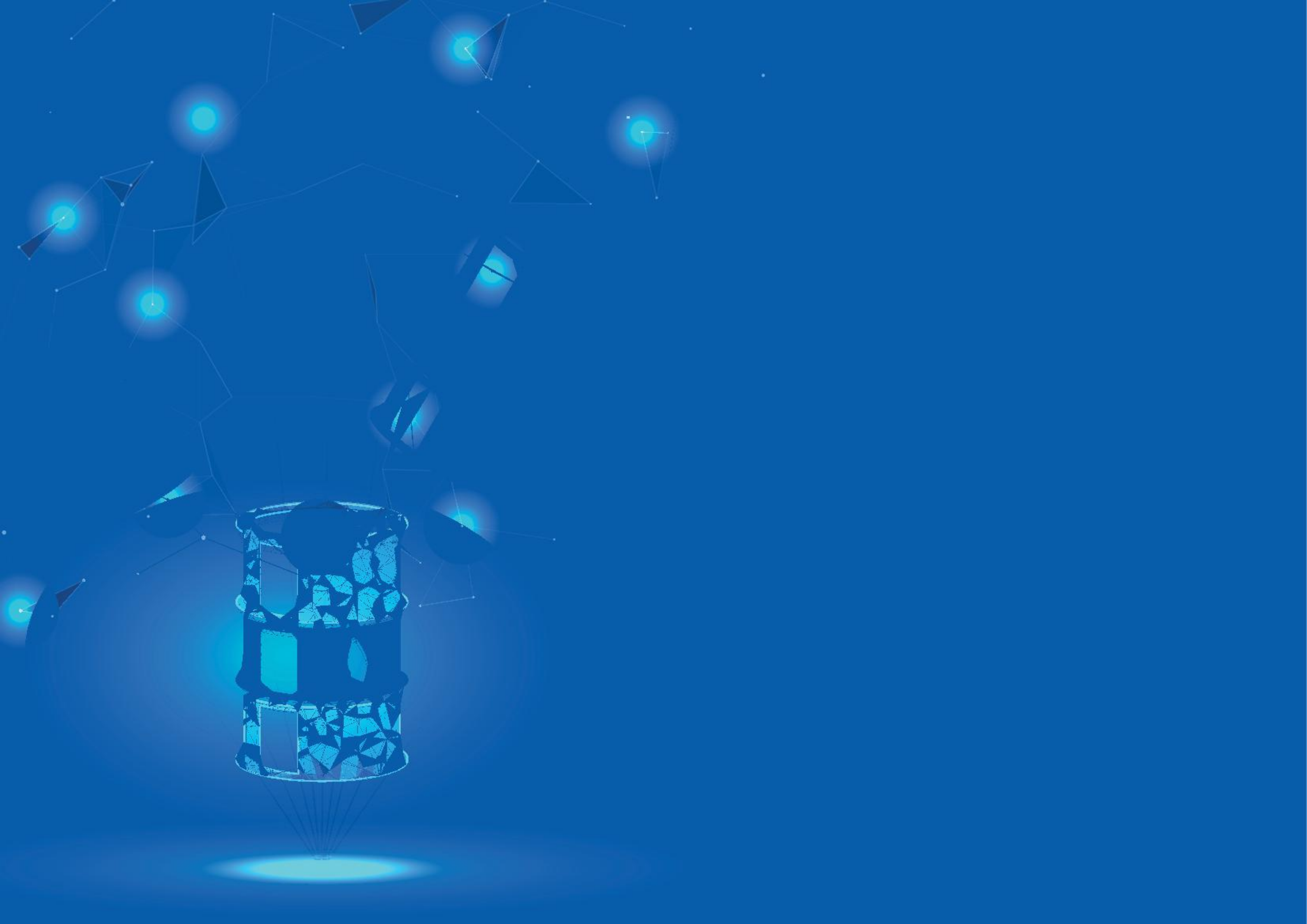


PETROLIMEX



Quản trị chuyển đổi để tiến xa hơn

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư,

Năm 2021, đại dịch Covid-19 với làn sóng thứ 4 ở Việt Nam đã tác động nghiêm trọng tới mọi mặt của đời sống – kinh tế - xã hội; Đây là cơ hội thử thách đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam thể hiện kinh nghiệm, ý chí và khả năng thích ứng linh hoạt của chính mình đồng hành cùng sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Chính phủ, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị từ Trung ương tới các địa phương, các gói kích thích kinh tế và chính sách tiêm chủng vắc xin đã giúp nền kinh tế ở các quốc gia trên thế giới và Việt Nam dần phục hồi và tăng trưởng trở lại. Đối mặt với những khó khăn thách thức này, kết thúc năm 2021 nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng dương 2,58% so với năm 2020.

Nhìn lại chặng đường năm 2021 mà PLC đã đi qua với những thời khắc vô cùng khó khăn và thách thức. Trong bối cảnh đó, PLC đã thực hiện “mục tiêu kép” vừa đảm bảo không bị đứt nguồn nguyên vật liệu, vừa thực hiện chống dịch, vừa đảm bảo an toàn, duy trì sản xuất và phân phối kinh doanh có hiệu quả, giữ vững thị trường, thị phần tạo được niềm tin, uy tín của doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán, tiếp tục khẳng định vị trí ngành hàng quan trọng xoay quanh trục chính xăng dầu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Kết quả hoạt động SXKD hợp nhất của PLC năm 2021 đều hoàn thành đạt và vượt kế hoạch. Sản lượng tăng 9,27% so với kế hoạch 2021. Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty PLC tăng 14,40 % so với kế hoạch 2021. Tổng lợi nhuận trước thuế tăng 9,04 % so với kế hoạch 2021. Giá trị vốn hóa thị trường: 3.345 tỷ đồng; Tổng tài sản: 4.702 tỷ đồng; Giá trị cổ phiếu trong vòng 2 năm vừa qua tăng trưởng rõ rệt. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 là thành quả của sự nỗ lực không ngừng, thể hiện sự bản lĩnh, sáng tạo, quyết tâm, đồng lòng, đoàn kết và cầu thị từ Hội

đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ, người lao động Tổng công ty PLC.

Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư,

Chúng ta đã và đang chứng kiến tiến trình phục hồi nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vốn đã gặp ghềnh do đại dịch Covid 19, nay càng trở nên khó khăn hơn khi căng thẳng địa chính trị giữa Nga, Ukraine và phương Tây kèm theo các biện pháp trừng phạt sẽ tiếp tục tác động khó lường và nhiều hệ lụy về giá năng lượng (xăng, dầu, gas...); đứt gãy nguồn nguyên liệu và chuỗi cung ứng, xáo trộn hệ thống tài chính quốc tế và nhiều vấn đề khác. Khó khăn còn ở phía trước, tuy nhiên cơ hội vẫn luôn mở ra cho tất cả chúng ta.

Tổng công ty PLC cam kết đồng lòng, quyết tâm cùng Chính phủ tận dụng mọi cơ hội, thời cơ, chủ động thích ứng; vận dụng tốt chủ trương, chính sách của chính phủ về đầu tư công để xây dựng chiến lược phát triển bền vững. Từng bước tăng cường hệ thống quản trị, chuyển đổi số thành công, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương trong toàn Tổng công ty, đảm bảo minh bạch, hiệu quả, khai thác tối ưu hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo vệ thị trường, thị phần.

Tăng cường nghiên cứu sản phẩm mới có tính trung hạn với mục tiêu sản phẩm chất lượng cao, hướng tới người tiêu dùng và thân thiện với môi trường.

Thay mặt Hội đồng quản trị, xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và nhà đầu tư đã tin nhiệm và ủng hộ HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ; Tổng công ty PLC mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các Quý vị cổ đông và nhà đầu tư.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đỗ Hữu Tạo

3.345
tỷ đồng
VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG

6.868
tỷ đồng
DOANH THU HỢP NHẤT

174,4
tỷ đồng
LỢI NHUẬN SAU THUẾ
HỢP NHẤT

220,7
tỷ đồng
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
HỢP NHẤT

769
người
SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN

3. DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2014
- Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2009
- Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2007



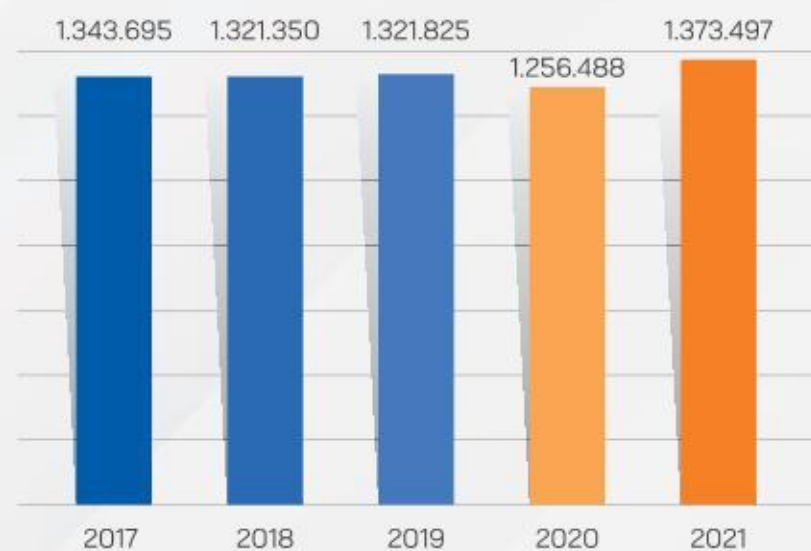
- Cờ Thi đua của Ủy Ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp năm 2021
- Chứng nhận Dấu mở nờn Petrolimex là Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2018 do Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao công nhận
- Chứng nhận Hàng Việt Nam tin dùng 2019 do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam và Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam công nhận
- Top 10 sản phẩm vàng Việt Nam 2019 do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam công nhận



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NỔI BẬT GIAI ĐOẠN 2017 – 2021

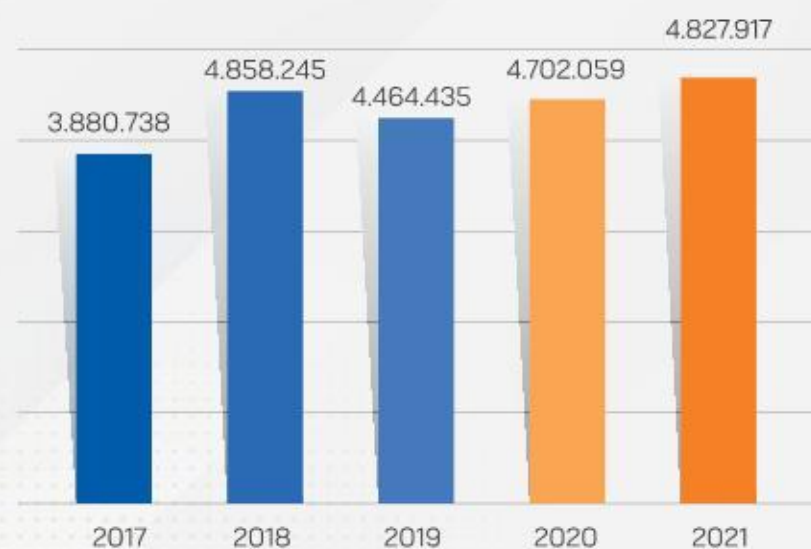
VỐN CHỦ SỞ HỮU

(Đơn vị tính: Triệu đồng)



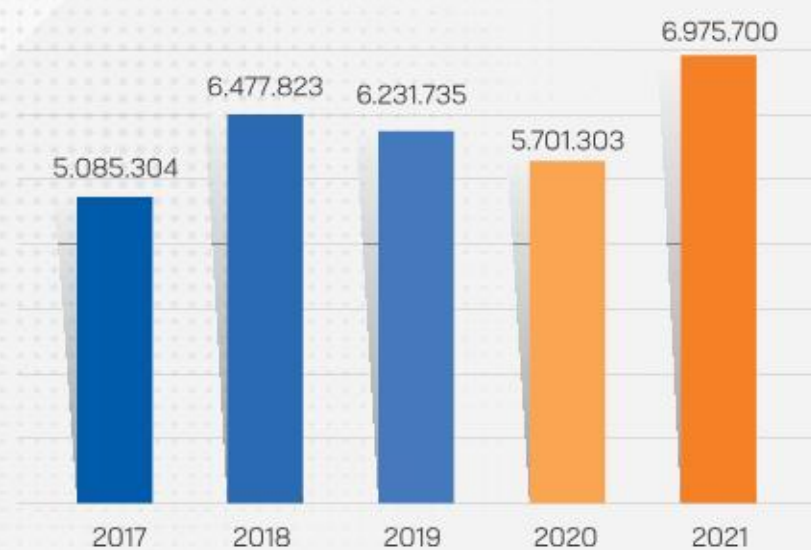
TỔNG TÀI SẢN

(Đơn vị tính: Triệu đồng)



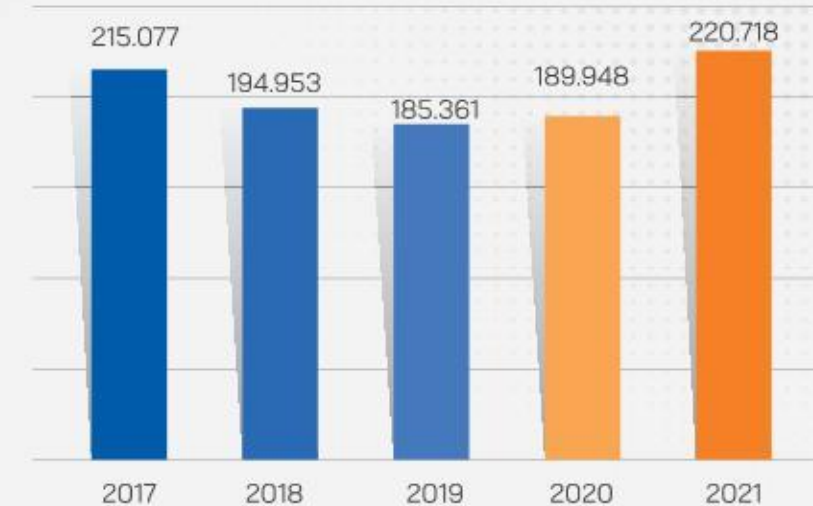
TỔNG DOANH THU

(Đơn vị tính: Triệu đồng)



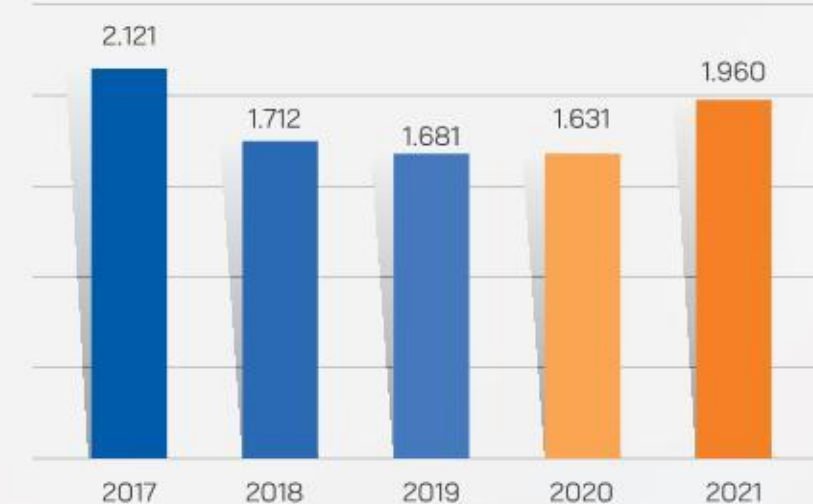
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

(Đơn vị tính: Triệu đồng)



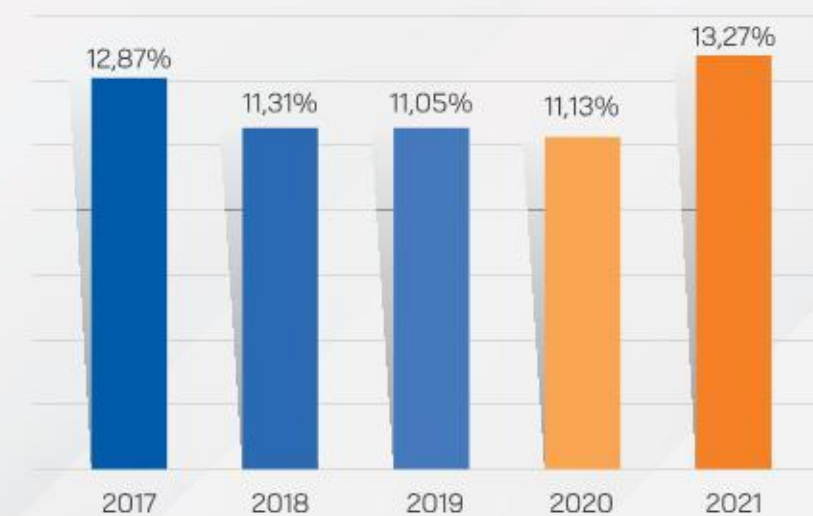
LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (EPS)

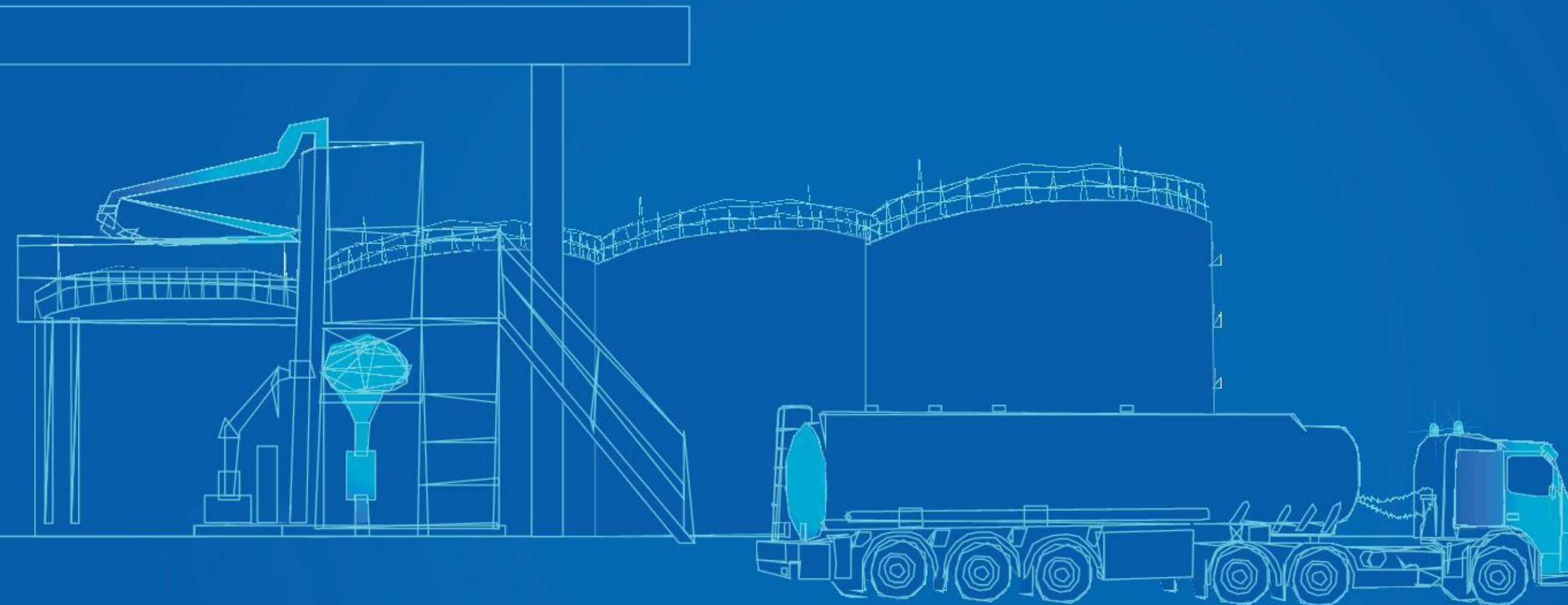
(Đơn vị tính: Đồng)



TỶ SUẤT LỢI NHUẬN/VỐN CHỦ SỞ HỮU (ROE)

(Đơn vị tính: %)





CHƯƠNG I GIỚI THIỆU VỀ TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX

Thông Tin Khái Quát	12
Tổng Quan Chung Về Tổng Công Ty Hóa Dầu Petrolimex	12
Thông Tin Vốn Cổ Phần Và Cổ Đông	27

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tiền thân là Công ty Dầu nhờn, được thành lập ngày 09/06/1994. Ngày 13/10/1998, Công ty Dầu nhờn được đổi tên thành Công ty Hóa dầu trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. Ngày 23/12/2003, Công ty Dầu nhờn được cổ phần hóa. Ngày 01/03/2004 Công ty CP Hóa dầu Petrolimex chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ là 150 tỷ đồng, trong đó Petrolimex nắm giữ cổ phần chi phối với tỷ lệ 85%. Trải qua nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện nay, vốn điều lệ của PLC đã đạt mức 808 tỷ đồng, trong đó Petrolimex sở hữu 79,07% vốn điều lệ.

Là doanh nghiệp nội địa đầu tiên tại Việt Nam kinh doanh chuyên ngành các sản phẩm hóa dầu bao gồm: dầu nhờn, nhựa đường, hóa chất. Hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con (gồm Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex), Tổng công ty PLC đã phát triển mạnh trên cả 3 ngành hàng chủ chốt, với các lĩnh vực chuyên sâu để trở thành những người tiên phong về công nghệ, hạ tầng cũng như nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ra thị trường. Ngoài kinh doanh chính, việc tham gia liên doanh, liên kết của Tổng công ty vào các doanh nghiệp khác, đều thuộc ngành nghề phụ trợ, trong chuỗi cung ứng của Tổng công ty PLC. Định hướng phát triển của Tổng công ty PLC là tập trung củng cố vị thế của thị trường trong nước, phát triển quy mô ba ngành hàng ra tầm khu vực và quốc tế.

Tên giao dịch	TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
Tên viết tắt	PLC
Giấy CNĐKDN số	0101463614
Vốn điều lệ	807.988.390.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	807.988.390.000 đồng
Địa chỉ:	Tầng 18 & 19, Số 229 phố Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(024) 38513205
Fax:	(024) 38513207
Website	http://www.plc.petrolimex.com.vn
Mã chứng khoán	PLC
Sàn niêm yết cổ phiếu tại	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Ngày bắt đầu niêm yết	27/12/2006
Số lượng CP niêm yết	80.798.839 cổ phần

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Các nước trong khu vực như Hong Kong, Đài Loan, Trung quốc, Lào, Campuchia

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Kinh doanh, xuất nhập khẩu Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường, Hóa chất và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực sản phẩm dầu mỏ và khí đốt;

Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành Hóa dầu;

Kinh doanh dịch vụ vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật Hóa dầu;

Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tháng 12/2017

Thoái vốn khỏi Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810

Tháng 1/2014

Giải thể và rút vốn khỏi công ty TNHH Đầu tư thương mại PLG

Tháng 04/2013

Đổi tên thành Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Tháng 4/2010

Góp vốn thành lập công ty TNHH Đầu tư thương mại PLG

Tháng 3/2008

Góp vốn thành lập Công ty CP vận tải Hóa dầu VP

Tháng 2/2007

Góp vốn thành lập Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810

Tháng 12/2006

Niêm yết cổ phiếu PLC trên HNX

Tháng 03/2006

Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Tháng 12/2005

Thành lập Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex

Tháng 03/2004

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối

Tháng 10/1998

Đổi tên thành Công ty Hóa dầu trực thuộc Petrolimex

Tháng 06/1994

Thành lập Công ty Dầu nhờn trực thuộc Petrolimex



4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX

Địa chỉ: Tầng 19, Số 229 Phố Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ: 361,4 tỷ VNĐ;

Tỷ lệ góp vốn của PLC: 100% Vốn điều lệ;

Ngành, nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu Nhựa đường và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực Nhựa đường; Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực Nhựa đường: vận tải thuê, cho thuê kho bãi, pha chế thuê, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT PETROLIMEX

Địa chỉ: Tầng 19, Số 229 Phố Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ: 254,3 tỷ VNĐ;

Tỷ lệ góp vốn của PLC: 100% Vốn điều lệ;

Ngành, nghề kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp. Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp: vận tải thuê, cho thuê kho bãi, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÓA DẦU VP

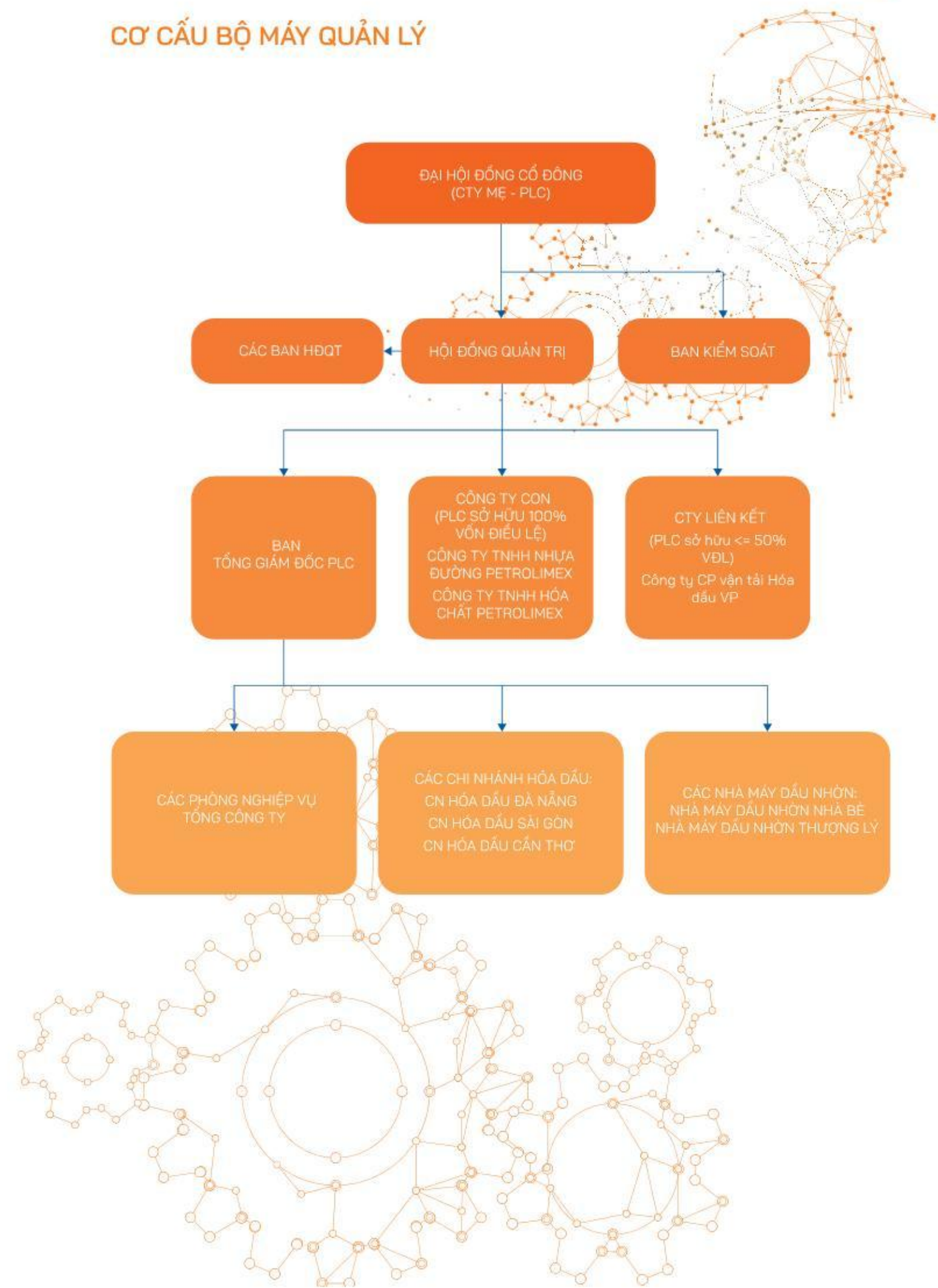
Địa chỉ: phòng 703 tầng 7, tòa nhà Central Tower, 43 Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng.

Vốn điều lệ: 150,76 tỷ VNĐ;

Tỷ lệ góp vốn của PLC: 43,78% Vốn điều lệ;

Ngành, nghề kinh doanh chính: Vận tải các sản phẩm hóa dầu; mua bán tầu; đầu tư tài chính.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



5. GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG ĐỖ HỮU TẠO

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Hóa dầu

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Nga

Vị trí công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)

Quá trình công tác:

02/2007 - 12/2008: Phó Phòng Kỹ thuật An toàn và Môi trường, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

01/2009 - 03/2012: Trưởng Phòng Kỹ thuật An toàn và Môi trường, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

04/2012 - 05/2020: Trưởng Ban Kỹ thuật Xăng dầu, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

Kiểm nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thiết bị Xăng dầu Petrolimex, NK 2013 - 2017, 2018 - 2022.

05/2020 - nay: Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không có



ÔNG LÊ QUANG TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân kinh tế,

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Quá trình công tác:

10/2000 - 03/2003: Cửa hàng trưởng - Cửa hàng chuyên doanh DMN Công ty Hóa dầu

03/2003 - 05/2004: Phó phòng Kinh doanh DMN Công ty Hóa dầu

05/2004 - 07/2004: Phó phòng Đảm bảo DMN Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

07/2004 - 03/2005: Phó phòng, phụ trách phòng Đảm bảo Dầu mỡ nhờn, Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

03/2005 - 10/2011: Trưởng phòng Đảm bảo DMN Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

10/2011 - 04/2019: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

04/2019 - 10/2020: TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

11/2020 - nay: TV HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex



ÔNG NGUYỄN THANH KHƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế lao động

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Quá trình công tác:

04/1996 - 01/1997: Phó trưởng phòng Phòng Tổ chức - Thanh tra bảo vệ Công ty Xăng dầu Bắc Thái

02/1997 - 11/1997: Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng Phòng Kinh doanh Công ty xăng dầu Bắc Thái

12/1997 - 06/1998

Trưởng phòng Phòng Kinh doanh Công ty xăng dầu Bắc Thái

07/1998 - 09/2000: Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Bắc Thái

03/2003 - 06/2006: Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh XD Bắc Cạn

07/2006 - 09/2006: Phó giám đốc Công ty Xăng dầu Bắc Thái

10/2006 - 06/2010: Giám đốc Công ty Công ty xăng dầu Bắc Thái

07/2010 - 06/2020: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty xăng dầu Bắc Thái

07/2020 - nay: TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex



5. GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG TRẦN TUẤN LINH

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh doanh, Thạc sĩ ngành Tài chính và kiểm soát quản trị

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Trưởng Ban Chiến lược và Đầu tư - HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Quá trình công tác:

08/2016 - 07/2018

Phó Trưởng ban Chiến lược và Đầu tư - HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

07/2018 - 05/2020

Trưởng ban Quản trị rủi ro - HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

05/2020 - 11/2020

Trưởng ban Quản trị rủi ro - HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Thành viên HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

12/2020 - nay

Trưởng Ban Chiến lược và Đầu tư - HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Thành viên HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex



ÔNG HÀ THANH TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh doanh

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

Quá trình công tác:

03/1993 - 08/1994: Phó Phụ trách Phòng TCKT Công ty Vận tải Thủy l

08/1994 - 09/2000: Phó phòng KTTC Công ty Dầu nhờn

10/2000 - 05/2002: Trưởng phòng KTTC Công ty Hóa dầu

05/2002 - 01/2004: Kế toán trưởng Công ty Hóa dầu

01/2004 - 12/2006: Thành viên HĐQT Công ty CP Hóa dầu Petrolimex. Kế toán trưởng Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

12/2005 - 09/2009: Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Hóa dầu Petrolimex. Giám đốc Cty TNHH Hóa chất Petrolimex

09/2009 - 06/2018:

Thành viên HĐQT Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP,

Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

15/06/2018 - nay: Thành viên HĐQT Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex



ÔNG NGUYỄN HÀ TRUNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Quốc tế (EMBA)

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Trưởng Ban Chiến lược và Đầu tư HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

Quá trình công tác:

08/2014 - 03/2015: Phó trưởng ban, Phụ trách Ban Tài chính HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

04/2015- 04/2018: Trưởng Ban Tài chính HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP

5/2018 – 6/2018: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Ban Tài chính HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

6/2018 – 7/2018: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Ban Tài chính HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

08/2018 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Ban Chiến lược và Đầu tư HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex

6. GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG LÊ QUANG TUẤN

Tổng giám đốc

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân kinh tế,

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex; Trưởng nhóm đại diện vốn của Tổng công ty PLC tại Công ty VP, Thành viên HĐQT Công ty VP



ÔNG NGUYỄN THANH KHƯƠNG

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế lao động

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex



BÀ TRẦN DIỄM HỒNG

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kinh tế Lao động- KTQD

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

ÔNG NGUYỄN ĐỨC LONG

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Công nghệ Hóa học- ĐH Bách Khoa, Cử nhân Kinh tế đối ngoại- ĐH Ngoại thương

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không có



BÀ PHƯƠNG THẢO HIỀN

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Kế toán trưởng Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không có

7. GIỚI THIỆU VỀ BAN KIỂM SOÁT



ÔNG ĐOÀN HỒNG SÁNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Quá trình công tác:

08/2012 - 06/2014: Phó trưởng phòng Tổng hợp - Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

07/2014 - 07/2015: Phó phụ trách phòng Tổng hợp - Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

08/2015 - 04/2018: Trưởng phòng Tổng hợp - Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ; Kiểm nhiệm KSV Công ty Xăng dầu KV2, Công ty Xăng dầu Vũng Tàu, Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ, nhiệm kỳ 3 năm

18/04/2018 - nay : Trưởng ban kiểm soát TCT Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không có

ÔNG PHẠM TUẤN PHƯƠNG

Kiểm soát viên

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Quá trình công tác:

10/2003 - 11/2004: Phó phòng Tổ chức hành chính - Công ty Hóa dầu Petrolimex

12/2004 - 05/2009: Phó phòng Tài chính Kế toán - Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

06/2009 - 8/2014: Phó Ban Tổng hợp HĐQT- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

09/2014 - 12/2015: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

01/2016 - 04/2018: Phó Ban Tài chính - Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex -CTCP

05/2018 - nay: Kiểm soát viên chuyên trách - Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Kiểm soát viên Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex từ ngày 15/06/2018.



BÀ ĐINH THỊ KIỀU TRANG

Kiểm soát viên (từ ngày 19/4/2021)

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm.

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Nga

Vị trí công tác hiện nay: Kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Quá trình công tác:

12/1996 - 10/2000: Trợ lý Trưởng Phòng Kế toán Tài chính – CTCP Bảo hiểm Petrolimex

11/2000 - 05/2005: Phó Trưởng Phòng Kế toán Tài chính – CTCP Bảo hiểm Petrolimex

06/2005 - 04/2006: Phụ trách Phòng Kế toán Tài chính – CTCP Bảo hiểm Petrolimex

05/2006 - 05/2013: Trưởng Phòng Kế toán Tài chính – CTCP Bảo hiểm Petrolimex

Từ 08/2016 - 03/2022: Phó Ban Kiểm toán HĐQT - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Từ 29/03/2022 đến nay: Kiểm soát viên Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Kiểm soát viên Công ty Xăng Dầu B12, Công ty Xăng Dầu Phú Khánh.

8. THÔNG TIN VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

• Cổ phần

Tổng số cổ phiếu lưu hành:
80.798.839 cổ phiếu,
100% tự do chuyển nhượng.

Trong đó:

Cổ phiếu quỹ: **1.273** cổ phần

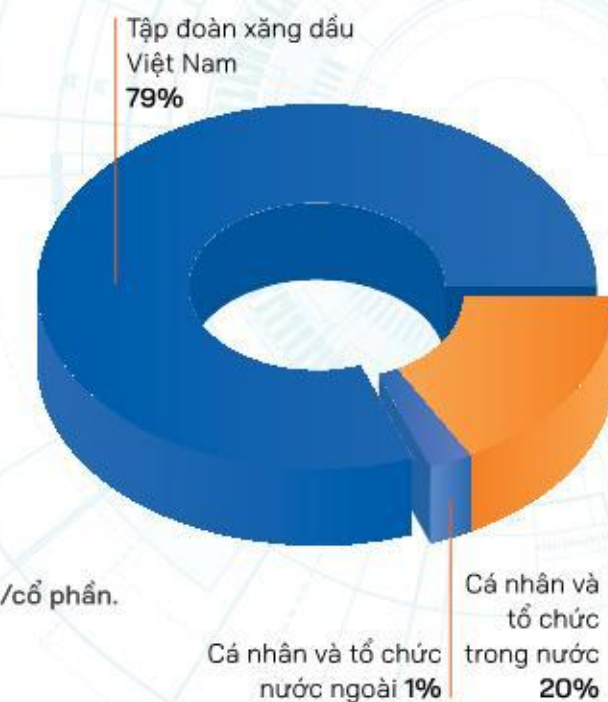
Cổ phiếu của cổ đông hiện hữu: **80.797.566** cổ phần

Cổ phiếu ưu đãi: **0** cổ phần

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2021 là: **16.780** đồng/cổ phần.

Lãi trên cổ phiếu năm 2021 là:
1.960 đồng/cổ phần.

• Cơ cấu cổ đông chốt ngày 31/12/2021:



STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
I	Trong nước	4.958	79.966.189	98.97%
1	Cá nhân, trong đó	4.921	13.859.715	17.15%
	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ			
2	Tổ chức	37	66.106.474	81.82%
-	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1	63.889.259	79.07%
-	Tổ chức khác	36	2.217.215	2.74%
II	Nước ngoài	79	832.650	1.03%
1	Cá nhân	60	130.821	0.16%
2	Tổ chức	19	701.829	0.87%
	Tổng cộng (I) + (II)	5.037	80.798.839	100,00%

• Danh sách cổ đông lớn

STT	Cổ đông	Số cổ phần	% vốn góp	Đối tượng sở hữu
1	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam - Số 1 Khâm Thiên - Đống Đa - Hà Nội	63.889.259	79,07%	Tổ chức trong nước



CHƯƠNG II CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1. Chiến lược Phát triển	30
2. Phát triển Nguồn Nhân lực	32
3. Chiến lược Phát triển Sản phẩm	32
4. Tái Cấu trúc Doanh nghiệp	32
5. Chiến lược Chuyển đổi Số	32
6. Văn Hóa Doanh nghiệp	33

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Petrolimex. Là doanh nghiệp nội địa đầu tiên tại Việt Nam kinh doanh chuyên ngành các sản phẩm Hóa dầu bao gồm: dầu nhờn, nhựa đường, hóa chất.

Sau khi tái cấu trúc năm 2006, hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con, Tổng công ty đã phát triển mạnh trên cả 3 ngành hàng chủ chốt, với các lĩnh vực chuyên sâu để trở thành những người tiên phong về công nghệ, hạ tầng cũng như nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ra thị trường. Ngoài kinh doanh chính, việc tham gia liên doanh, liên kết của Tổng công ty vào các doanh nghiệp khác, đều thuộc ngành nghề phụ trợ, trong chuỗi cung ứng của Tổng công ty. Chính vì vậy, khi gặp những biến động trên thị trường, Tổng công ty vẫn vững vàng vượt qua thử thách. Định hướng phát triển của Tổng công ty là tập trung củng cố vị thế của thị trường trong nước, phát triển quy mô ba ngành hàng ra tầm khu vực và quốc tế. Định hướng này được cụ thể hóa bằng các mục tiêu:

01

Phát triển bền vững trên 3 ngành hàng chính là dầu mỡ nhờn, nhựa đường và hóa chất; Tiếp tục ổn định và phát triển thị trường dầu nhờn trong và ngoài nước dựa trên sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, theo hướng hợp tác chặt chẽ, sâu rộng với tất cả các thành viên Petrolimex.

02

Tiếp tục mở rộng thị trường trong nước và đặc biệt là thị trường ngoài nước;

03

Chú trọng công tác nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới, đa dạng hóa các nhóm sản phẩm, đặc biệt là nhóm sản phẩm có chất lượng cao và hiệu quả bền vững;

04

Tiếp tục đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật để duy trì lợi thế kinh doanh trên cả 3 ngành hàng chính;

05

Không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp nhằm mang lại giá trị tối đa cho các Cổ đông đầu tư vào Tổng công ty;

06

Quan tâm phát triển lợi ích cộng đồng và xã hội.

CÁC KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC VÀ RỦI RO ĐỐI VỚI TỔNG CÔNG TY PLC TRONG THỜI GIAN TỚI:

Nhãn hiệu hàng hóa Petrolimex của Tổng công ty PLC là thương hiệu mạnh quốc gia, có uy tín và được người tiêu dùng bình chọn trên thị trường Việt Nam. Hưởng ứng cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam hiện nay, Tổng công ty luôn xác định đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ để giữ thị phần và khẳng định vị thế của Petrolimex trên thị trường. Tuy nhiên, Tổng công ty PLC cũng nhận diện được một số khó khăn, thách thức và rủi ro trọng yếu như sau:

THỊ TRƯỜNG VÀ ĐỐI THỦ CẠNH TRANH:

Thị trường đầu ra của cả 3 ngành hàng chủ yếu là thị trường nội địa, với hầu hết khách hàng là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, thương mại, vận tải và hạ tầng giao thông. Do vậy, các chính sách vĩ mô của nhà nước nhằm kiểm soát lạm phát hay kích thích tăng trưởng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quy mô và hiệu quả kinh doanh của các ngành hàng.

Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt và khốc liệt diễn ra ở cả 3 lĩnh vực kinh doanh. Nhiều đối thủ với tiềm lực tài chính mạnh, thương hiệu từ các tập đoàn lớn trên thế giới (DMN: BP Castrol, Total, Caltex, Shell, Mobile, JXNipon Oil, Idemitsu ... Nhựa đường: Adco, ICT, Tratimex, RED, BEST, Vina Asphalt,... Hóa chất: Sam sung, Top Solvent, Dealim, Kaiser, PKG...) đã và đang tham gia sâu vào thị trường Việt Nam khiến cho việc chiếm lĩnh và giữ vững thị phần của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn và thách thức.

RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

Rủi ro về giá dầu và chính sách tiền tệ: Là một doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hóa dầu, nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào nhập khẩu, trong khi xuất khẩu chỉ chiếm tỷ trọng chưa cao trong cơ cấu bán hàng của TCT PLC. Do vậy, kết quả kinh doanh phụ thuộc rất nhiều nguồn cung và giá dầu mỏ trên thế giới và chính sách điều hành tỷ giá, lãi suất... của Nhà nước, đặc biệt là sự biến động không ổn định từ thị trường trong một số giai đoạn và thời điểm khó lường định.

Rủi ro cạnh tranh: Các sản phẩm kinh doanh của PLC hầu hết là nguyên, phụ liệu đầu vào của các ngành công nghiệp khác. Áp lực cạnh tranh về giá, tồn kho...ngày càng gia tăng.

Rủi ro cơ cấu tài sản và nguồn vốn: cơ cấu nguồn vốn của các đơn vị trong PLC hiện nay đang tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguồn vốn chủ sở hữu chỉ đáp ứng được cơ bản nhu cầu cân đối cho giá trị tài sản

dài hạn; hệ số nợ thường xuyên duy trì ở mức cao và đặc biệt phụ thuộc nhiều vào nguồn vay ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng. Theo đó, khi có thay đổi trong chính sách tiền tệ của Nhà nước hay khả năng siết chặt hạn mức và chính sách của các tổ chức tín dụng có ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh của PLC, đặc biệt là ngành hàng Nhựa đường và Hóa chất.

Rủi ro khác: Rủi ro về việc hàng giả, hàng nhái, kém chất lượng; rủi ro cơ chế chính sách thay đổi đến từng lĩnh vực kinh doanh; rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, ảnh hưởng điều kiện môi trường, dịch bệnh ... có tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của từng ngành hàng cũng như của Tổng công ty.

MỘT SỐ THÁCH THỨC CỦA PLC TRONG THỜI GIAN TỚI:

Sự phát triển và cạnh tranh mạnh mẽ từ các đối thủ trong cả 03 ngành hàng đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới (có chất lượng, chi phí và giá thành sản xuất cạnh tranh); nâng cao được năng suất lao động, tăng cường khả năng quản trị rủi ro tại đơn vị; tối ưu hóa được hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Việc xác lập kênh phân phối, chính sách sản phẩm, chính sách marketing, PR... và quản lý cân đối nguồn lực tài chính là vấn đề lớn đặt ra đối với cả ba lĩnh vực kinh doanh.

Phải xây dựng chiến lược, mục tiêu phát triển trung và dài hạn; Mô hình tổ chức, quản trị, cơ cấu nguồn lực (tài sản, vốn, nhân lực, hệ thống công nghệ...) phù hợp điều kiện phát triển và tính cạnh tranh thị trường; Nghiên cứu, phát triển mở rộng hoạt động SXKD, đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh mới phù hợp chiến lược phát triển dài hạn...

Chuyển đổi số là áp dụng mô hình mới và công nghệ mới, đặc biệt là các công nghệ số hoá, tự động hoá, trong đó có những công nghệ, mô hình chưa được áp dụng thực tế tại Việt Nam và trong TCT PLC. Do vậy, việc lựa chọn mô hình, giải pháp, nền tảng công nghệ kỹ thuật số phù hợp với đặc thù các ngành hàng của PLC, vừa đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành, vừa đảm bảo hiệu quả đầu tư trước mắt cũng như lâu dài là một vấn đề cần được quan tâm trong quá trình triển khai. Hiện nay, công tác chuyển đổi số tại PLC do nhiều nguyên nhân nhưng thực tế là còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị doanh nghiệp trong tình hình mới.

1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Phát triển Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex thành doanh nghiệp vững mạnh, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao, đóng vai trò chủ đạo trong ngành kinh doanh Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường và Hóa chất trên toàn quốc; đồng thời nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển bền vững của toàn PLC.

Thực hiện sứ mệnh kinh doanh có hiệu quả, gia tăng lợi ích, mang lại lợi nhuận tối đa cho các cổ đông.

Giữ vững và duy trì được vị thế là doanh nghiệp lớn trên thị trường Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường và Hóa chất mang thương hiệu Petrolimex, trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam về quy mô doanh nghiệp và hiệu quả kinh doanh.

Nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng trưởng doanh thu, quản lý chi phí hiệu quả và có lợi nhuận cao trên cơ sở đổi mới tổ chức, phương thức kinh doanh, cơ chế quản lý và vận hành hệ thống, nâng cao năng lực kỹ thuật công nghệ, nâng cao năng lực nguồn nhân lực, năng lực cạnh tranh, tổ chức quản lý tốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Thực hiện tốt vai trò doanh nghiệp chủ đạo trong cân đối cung - cầu và đảm bảo cung cấp các sản phẩm hóa dầu mang thương hiệu Petrolimex đáp ứng nhu cầu sản xuất, phát triển kinh tế.

Tăng cường công tác quản trị rủi ro doanh nghiệp đặc biệt rủi ro chính sách, rủi ro dòng tiền, công nợ, tồn kho ...

2. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CHUYÊN SÂU

Tập trung nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực: Tổ chức tuyển chọn/thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao bên ngoài làm việc tại TCT PLC đồng thời nâng cao kiến thức, chuyên môn nguồn nhân lực nội tại, nhằm tăng cường hiệu quả trong quản lý và nghiệp vụ chuyên môn.

Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp, quản trị chuyên biệt theo các ngành hàng..., các kiến thức, kỹ năng về quản lý doanh nghiệp trong điều kiện kinh doanh mới.

3. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM VÀ CHÍNH SÁCH THỊ TRƯỜNG LINH HOẠT

PLC và các đơn vị thành viên tiếp tục nghiên cứu, cung cấp nhiều sản phẩm chất lượng cao ra thị trường đủ sức cạnh tranh tại thị trường nội địa và xuất khẩu (các sản phẩm mới, chất lượng như: sản phẩm dầu nhờn cao cấp bán tổng hợp Enersyn bao bì 4L, tổng hợp Power syn 5L; dầu

cao cấp PLC Cater Pro; các sản phẩm nhựa đường Polymer, nhũ tương chất lượng cao ...).

Quy hoạch tổng thể và duy trì chiến lược phát triển hệ thống CSVCKT của toàn PLC; trọng tâm là thúc đẩy quá trình khai thác tối ưu; xây dựng hệ thống tự động hóa các khâu sản xuất, phân phối ... nhằm nâng cao vị thế, năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh của ba ngành hàng.

Nâng cao khả năng quản trị về chính sách thị trường trong đó trọng tâm là chính sách bán hàng gắn liền với phân tích, đánh giá thị trường toàn diện, đẩy mạnh các hoạt động quảng cáo, tiếp thị ... xây dựng các kênh phân phối đa dạng gắn với điều kiện thực tế từng vùng, miền và chính sách thị trường linh hoạt.

4. TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP PHÙ HỢP VỚI TỪNG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA PLC

Tiếp tục nghiên cứu, đẩy mạnh quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp, phù hợp điều kiện kinh doanh mới song song với các mục tiêu hoàn thiện quy chế, quy định, quy trình quản lý phù hợp với chính sách và chiến lược phát triển.

Thường xuyên nghiên cứu, cơ cấu lại nguồn lực của ba ngành hàng (tài sản, vốn, nhân lực, công nghệ thông tin ...) để nâng cao khả năng quản trị và hiệu quả sử dụng nguồn lực tại PLC.

Nghiên cứu và có lộ trình cổ phần hóa các công ty con phù hợp với từng giai đoạn phát triển của PLC nhằm cơ cấu và huy động nguồn lực; gia tăng khả năng hoạt động và phát triển bền vững của từng ngành hàng.

5. XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Xây dựng và thường xuyên cập nhật chiến lược chuyển đổi số phù hợp với từng giai đoạn phát triển của TCT PLC. Xây dựng và ban hành mục tiêu phát triển công nghệ thông tin của toàn PLC đến năm 2025, tầm nhìn 2030. Ban hành các quy định và thực hành văn hóa để cao sự chuẩn hóa, đổi mới quy trình làm việc, quy trình nghiệp vụ, gia tăng mức độ tự động hóa và không giấy tờ, dựa trên công nghệ số.

Tập trung xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp bằng các ứng dụng CNTT tiên tiến, áp dụng đồng bộ, thống nhất từ TCT đến các đơn vị thành viên.

Tập trung hệ thống số hóa các công cụ quản trị rủi ro toàn PLC; tạo dựng nền tảng và cơ sở dữ liệu tập trung toàn PLC.

6. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP GẮN VỚI VĂN HÓA PETROLIMEX

Phát triển bền vững 3 ngành hàng chính là dầu mỡ nhờn, nhựa đường và hóa chất; tiếp tục ổn định và phát triển thị trường dầu nhờn trong và ngoài nước dựa trên sức mạnh của liên kết nội bộ Tập đoàn Petrolimex, theo hướng hợp tác chặt chẽ, sâu rộng với tất cả các thành viên Petrolimex. Từng thành viên PLC không ngừng sáng tạo để hướng tới mục tiêu CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM và CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNG ĐẦU và tự hào mang thương hiệu và văn hóa Petrolimex.

Tập trung xây dựng môi trường làm việc "chuyên nghiệp, thân thiện, đoàn kết, năng động, sáng tạo và trách nhiệm" gắn với văn hóa Petrolimex trong toàn PLC.

PLC luôn ý thức và có trách nhiệm với môi trường và xã hội: (i) Luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động và PCCC; (ii) Tích cực tham gia các chương trình an sinh xã hội, có hoạt động và đóng góp thiết thực tại các địa phương.





CHƯƠNG III TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Đánh Giá Của Hội Đồng Quản Trị Về Hoạt Động Của Tổng Công Ty PLC	36
2. Báo Cáo Và Đánh Giá Của Ban Tổng Giám Đốc	39
3. Tình Hình Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh	54
4. Tổ Chức Và Nhân Sự	56
5. Tình Hình Đầu Tư Và Thực Hiện Các Dự Án	59
6. Tình Hình Tài Chính Hợp Nhất	60
7. Báo Cáo Tình Hình Hoạt Động Và Tình Hình Tài Chính Của Các Công Con, Công Ty Liên Kết	62

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX



1.1 ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong bối cảnh thị trường dầu mỏ thế giới có nhiều biến động, phức tạp: giá dầu gốc liên tục tăng cao, nguồn hàng khan hiếm, ... và đại dịch Covid-19 với chủng mới Omicron bùng phát ở mức độ toàn cầu tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng: nhiều ngành kinh tế suy giảm, nhu cầu sử dụng dầu mỡ nhờn giảm, ... HĐQT Tổng công ty PLC đã có nhiều biện pháp chỉ đạo các hoạt động SXKD đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ 2021 thông qua. Một số chỉ tiêu chính:

Tổng công ty PLC chấp hành đầy đủ, kịp thời Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, các quy định của Nhà nước và chỉ đạo của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; tổ chức thành công Hội nghị Tổng kết toàn Tổng công ty PLC; đã rà soát, bổ sung, sửa đổi và ban hành nhiều văn bản quản lý nội bộ, trong hoạt động quản lý, điều hành, như: Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị của PLC, ... để phù hợp hơn với tình hình thực tế.

TỔNG SẢN LƯỢNG

412.263 tấn

đạt 109,27% KH
bằng 98,06% CK

TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT

220 tỷ đồng

đạt 116% KH
bằng 116% CK

TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT

6.868 tỷ đồng

đạt 114,43% KH
bằng 122,47% CK

1.2 ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tổng công ty PLC luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Pháp luật về Bảo vệ môi trường. Ưu tiên công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, ứng dụng khoa học kỹ thuật, đầu tư công nghệ mới, hiện đại trong sản xuất. Trong năm 2021, không để xảy ra sự cố nghiêm trọng về cháy nổ và ô nhiễm môi trường, góp phần tạo lập môi trường ổn định cho sản xuất kinh doanh và phát triển.

Với tinh thần tương thân tương ái, cảm thông và sẻ chia những khó khăn với cộng đồng và CB-NLĐ, Tổng công ty PLC luôn dành một phần ngân sách cho các hoạt động từ thiện, hỗ trợ các trung tâm nuôi dưỡng trẻ em mồ côi khuyết tật, trẻ em đường phố có hoàn cảnh khó khăn cũng như thăm và tặng quà cho người già neo đơn, CB-NLĐ trong hệ thống Petrolimex bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Đây là những hoạt động thường niên của Tổng công ty PLC nhằm góp phần xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng. Năm 2021, Tổng công ty PLC đã chi 3.246,5 triệu đồng cho công tác an sinh xã hội, đạt 172% so với kế hoạch.

NĂM 2021

3.246,5
triệu đồng

1.3 ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC :

Năm 2021, Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đề ra; quyết liệt trong mọi mặt hoạt động, tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành tại các kho, nhà máy, các chi nhánh, cũng như trong các phương án đầu tư...Ngoài ra, việc tăng cường giám sát, quản lý, hạn chế hao hụt, cập nhật và cải tiến quy trình quản lý sản xuất đã được Ban điều hành thực hiện đem lại hiệu quả rõ nét trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất.

Nhìn chung, trong bối cảnh năm 2021 dịch Covid-19 diễn biến vẫn còn rất phức tạp ảnh hưởng rất lớn đến công tác tổ chức SXKD của toàn TCT PLC. Nhưng với sự tập trung chỉ đạo, cùng với những giải pháp điều hành đồng bộ, linh hoạt của Tổng giám đốc và Ban điều hành trong thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch, vừa duy trì ổn định các hoạt động SXKD, TCT PLC đã vượt qua năm 2021 đầy khó khăn, thách thức với những kết quả sản xuất kinh doanh nổi bật, nhiều chỉ tiêu quan trọng đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, đồng thời tiếp tục nâng cao năng lực quản lý và chăm lo đời sống cho người lao động.

1.4 HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021

Hội đồng quản trị hoạt động theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng quy định. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Tổng công ty PLC để đề ra và triển khai thực hiện các Nghị quyết. Ngoài 13 phiên họp được triệu tập, Chủ tịch HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 38 lần để ban hành các văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định.

+ HĐQT đã lãnh đạo Tổng công ty PLC sản xuất kinh doanh năm 2021 có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông; Năm 2021 Tổng công ty PLC vinh dự được Ủy Ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp tặng cờ thi đua vì những thành tích xuất sắc đã đạt được.

+ HĐQT đã chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021 theo đúng quy định.

+ HĐQT đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD và các kế hoạch khác trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

+ HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường

xuyên với Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Tổng công ty PLC.

+ Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động SXKD các Công ty hàng quý theo quy định.

+ Ban hành, yêu cầu chỉnh sửa bổ sung một số các quy chế nội bộ cho phù hợp với điều kiện quản lý và tổ chức kinh doanh mới.

+ Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

+ Các đề xuất của Ban Tổng giám đốc đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

+ HĐQT đã chỉ đạo công tác tổ chức bộ máy, tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.

+ HĐQT quyết liệt chỉ đạo, giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, công tác vay vốn ngắn hạn và dài hạn tại các Công ty.

1.5 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tổng công ty PLC tiếp tục đánh giá tổng thể các yếu tố kinh tế xã hội để xây dựng kế hoạch SXKD 2022 phù hợp với tình hình thực tế để trình ĐHĐCĐ thường niên 2022. Toàn Tổng công ty đã chuẩn bị sẵn sàng tâm thế và chủ động với một tinh thần quyết tâm, trách nhiệm cao nhất; đối mặt và ứng phó với những thách thức; chủ động kết hợp giữa tư duy đổi mới, sáng tạo với các biện pháp phát triển truyền thống để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược do lãnh đạo Tổng công ty đặt ra.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện năm 2021 và dự báo tình hình năm 2022, cùng với định hướng kế hoạch của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty PLC đề ra những định hướng, chỉ tiêu kế hoạch cơ bản và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho năm 2022 như sau:

Hai là, đầu tư và áp dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất kinh doanh, thúc đẩy nghiên cứu sản phẩm mới chất lượng cao.

Bốn là, xây dựng chiến lược chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực quản trị và điều hành doanh nghiệp.

Sáu là, tiếp tục phát huy cao hơn nữa những thành quả đã đạt được trong năm 2021 về hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở ưu tiên đảm bảo an toàn tuyệt đối phải được đặt lên hàng đầu.



2. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



2.1 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2021, đại dịch Covid-19 tiếp tục tác động nặng nề, toàn diện đối với kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, việc tìm kiếm và triển khai các giải pháp thích ứng với đại dịch nhằm thúc đẩy phục hồi các hoạt động kinh tế - xã hội là sự nỗ lực nổi bật của tất cả các quốc gia và cộng đồng quốc tế trong năm qua.

Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi hai đợt bùng phát dịch và ảnh hưởng nghiêm trọng nhất là làn sóng thứ 4 kéo dài từ cuối tháng 4 và tháng 7 lan trên diện rộng tại các tỉnh, thành phố lớn, các vùng kinh tế trọng điểm cả 2 đầu đất nước. Một loạt các tỉnh, thành phố "đầu tàu" về sản xuất công nghiệp và thu ngân sách như: TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bắc Ninh, Bắc Giang, Bình Dương, Đồng Nai... phải thực hiện giãn cách xã hội nhiều tháng liên tục. Riêng tại TP Hồ Chí Minh, thời điểm giãn cách xã hội, thành phố chỉ có 2.000 doanh nghiệp hoạt động, chiếm 0,7% tổng số doanh nghiệp toàn thành phố. Dịch bệnh với tốc độ lây lan nhanh, nguy hiểm buộc Chính phủ phải chỉ đạo áp dụng các biện pháp phòng chống dịch quyết liệt để bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân.

Dịch bệnh, phong tỏa, cách ly khiến hoạt động sản xuất bị đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, sức mua giảm mạnh, đời sống nhân dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Quý III lần đầu tiên đầu tàu kinh tế TP Hồ Chí Minh tăng trưởng giảm tới 24,39%. Trong quý này cả nước có tới hơn 1,8 triệu người thiếu việc làm, tăng 700 nghìn người so với quý trước. Theo đó, tăng trưởng kinh tế cả nước quý III giảm mạnh tới 6,17% - là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý đến nay.

Nền kinh tế nước ta đã bị ảnh hưởng rất lớn, tổng sản phẩm trong nước (GDP) Quý 3 năm 2021 giảm 6,02% so với cùng kỳ năm 2020. Đến Quý 4, nhờ áp dụng các chính sách thích ứng linh hoạt với dịch bệnh, kinh tế trong nước đã có sự khởi sắc, GDP Quý 4 tăng 5,22%, đưa GDP cả nước tăng 2,58% so với năm 2020.

Tuy nhiên với việc thay đổi đối sách từ zero COVID sang thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch theo Nghị quyết 128/NQ-CP về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam đã phục hồi trở lại và có nét khởi sắc trong các tháng cuối năm 2021 do đã cơ bản kiểm soát được dịch bệnh và từng bước mở cửa nền kinh tế.

Những yếu tố bất lợi nêu trên đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác tổ chức hoạt động SXKD của TCT PLC trong năm 2021. Nhưng với sự tập trung lãnh đạo, chỉ của HĐQT cùng với các giải pháp điều hành đồng bộ, linh hoạt, có hiệu quả của Ban điều hành; sự phối hợp, giúp đỡ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, các đối tác, khách hàng và đặc biệt là của các CTXD cùng sự nỗ lực của toàn thể CB-NLĐ PLC trong thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch, vừa duy trì ổn định các hoạt động SXKD, TCT PLC đã vượt qua năm 2021 đầy khó khăn, thách thức với những kết quả sản xuất kinh doanh nổi bật, nhiều chỉ tiêu quan trọng đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

NGÀNH HÀNG DẦU MỠ NHỜN

a. Thuận lợi:

Tập đoàn luôn chỉ đạo sát sao đối với các Công ty, Chi nhánh, Xí nghiệp Xăng dầu Petrolimex (KHPLX) trong việc kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ; đặc biệt là kinh doanh DMN Petrolimex, giao các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lãi gộp, tiền lương trong hoạt động KD DMN tại các KHPLX. Các TCT, Công ty XD thành viên Tập đoàn tiếp tục quan tâm, ủng hộ và phối hợp triển khai nhiều giải pháp cụ thể, phù hợp với từng vùng miền thị trường, vì vậy, hoạt động KD DMN Petrolimex đã mang lại hiệu quả thiết thực không chỉ cho các TCT, CTXD mà mang lại thu nhập tốt, ổn định cho người lao động.

Thương hiệu DMN Petrolimex được khẳng định về chất lượng, nhãn hiệu và được khách hàng tin dùng. Các sản phẩm DMN Petrolimex ngày càng đa dạng, có chất lượng cao (mức chất lượng cao nhất theo phân cấp Viện dầu khí Hoa Kỳ API là CK-4; đã sản xuất và đưa ra thị trường dầu tổng hợp, bán tổng hợp); đa dạng, phong phú có khả năng thay thế các sản phẩm DMN của các hãng nước ngoài như CastrolBP, Shell, Total, Caltex....

Tổng công ty PLC tổ chức các chương trình khuyến mại, hỗ trợ bán hàng phù hợp thị trường và thời gian kiểm soát dịch bệnh từng địa phương. Chính sách giá bán cho KHCN linh hoạt tạo điều kiện để DMN Petrolimex cạnh tranh với các hãng khác; hỗ trợ tiếp thị, chủ động hơn khi đàm phán với khách hàng.

Tổng công ty PLC triển khai nhiều cuộc họp trực tuyến đối với KHPLX theo từng khu vực trên toàn quốc để đánh giá kết quả thực hiện và truyền thông tới khách hàng về diễn biến tình hình nguyên vật liệu; xu hướng thị trường trong thời gian tới và được các KHPLX đánh giá cao.

Công tác nhập khẩu nguyên vật liệu dầu gốc, phụ gia và các nguyên vật liệu khác hợp lý, kịp thời. Do vậy, trong khi một số Công ty dầu nhờn trong nước thiếu nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất dẫn tới cắt giảm sản lượng cho các nhà phân phối thì TCT PLC luôn đảm bảo số lượng hàng hóa, cấp hàng theo đúng nhu cầu, thời điểm cho khách hàng.

TCT PLC luôn đảm bảo cấp hàng đúng theo lịch trình của tàu trong và ngoài nước với sự phối hợp tích cực của hệ thống Total Lubmarine toàn cầu.

Dịch vụ kỹ thuật được đánh giá cao, đáp ứng yêu cầu của các khách hàng.

Trong quý 4/2021, Tổng công ty PLC cùng với Castrol BP hoàn thành các thủ tục đánh giá năng lực sản xuất của các NMDN Thượng Lũy và NMDN Nhà Bè để thực hiện pha chế, đóng rót các sản phẩm của Castrol BP.

b. Khó khăn:

Tình hình thị trường DMN Petrolimex tiếp tục còn gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid 19 chủng mới Omicron bùng phát ở mức độ toàn cầu; tiếp tục ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Nhiều ngành kinh tế suy giảm, nhu cầu sử dụng DMN giảm, trong đó có DMN lon hộp giảm mạnh.

Sự cạnh tranh trong ngành hàng dầu nhờn; Các hãng dầu nhờn đều tiếp tục tổ chức các chương trình khuyến mại, hỗ trợ bán hàng lớn để thu hút khách hàng, gia tăng sản lượng và thị phần.

Tình hình nguyên vật liệu sản xuất dầu nhờn có nhiều biến động đột biến, khó lường và rất khó khăn về công tác tạo nguồn. Giá dầu gốc liên tục tăng cao, nguồn hàng khan hiếm do một số nhà máy lọc dầu buộc phải cắt giảm sản lượng, một số nhà máy dừng hoạt động để bảo dưỡng. Đến nay, giá dầu gốc đã tăng bình quân từ 100 - 150%, có loại tăng tới 250%; các loại phụ gia tăng từ 10 - 25%; bao bì vỏ fuy tăng 45%; lon nhựa, carton tăng từ 10 - 25%. Với mức tăng giá nguyên vật liệu và bao bì như vậy, giá thành sản phẩm dầu nhờn tăng từ 60% đến 80% tùy nhóm mặt hàng.

Giá dầu mỡ nhờn các hãng có mức tăng giá rất khác nhau, gây ra sự hỗn loạn về giá bán trên thị trường. Nhiều nhà phân phối tích trữ hàng trước tăng giá hoặc có các chính sách riêng để giữ giá cho các khách hàng lớn nhằm cạnh tranh lẫn nhau gây ra nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh bán hàng.

Hầu hết các khách hàng đều khó khăn trong sản xuất nên dòng tiền luân chuyển chậm, công nợ bị ảnh hưởng, khả năng thanh toán của các khách hàng nhìn chung đều bị chậm.

Trong quý 4/2021, để gia tăng sản lượng phần đầu hoàn thành kế hoạch năm 2021; TCT PLC thực hiện điều chỉnh giảm giá bán công bố từ 10 - 15% và thực hiện các Chương trình hỗ trợ bán hàng bổ sung để các khách hàng có nguồn lực cạnh tranh với các Hãng trên thị trường.

Mặc dù có nhiều khó khăn trong năm 2021 nhưng ngành hàng DMN đã hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận được HĐQT TCT giao: Tổng sản lượng đạt 26.674 tấn, bằng 93,21% KH 2021 và bằng 96,01% TH 2020; tổng Doanh thu đạt 1,511 tỷ đồng, bằng 94,65% KH 2021 và bằng 108,8% TH 2020; Lợi nhuận trước thuế đạt 140,03 tỷ đồng, bằng 101,82% KH 2021 và bằng 89,17% TH 2020.





NGÀNH HÀNG NHỰA ĐƯỜNG

a. Thuận lợi:

Hệ thống kho bể, công nghệ của Công ty được đầu tư đồng bộ, nâng cấp kịp thời đem lại hiệu quả tồn chứa và sản xuất cho Công ty.

Hệ thống Nhà máy trải dài trên cả nước đem lại lợi thế cho Công ty trong việc cung cấp sản phẩm cho các dự án với cự ly vận chuyển hợp lý. Đồng thời với dàn xe chở nhựa đường được đầu tư chuyển nghiệp đặc biệt đội xe chở, phun tưới nhũ tương đã khẳng định vị trí nhà cung cấp nhựa đường của Công ty đối với một số dự án lớn.

Công tác dịch vụ, kỹ thuật sản phẩm cho Khách hàng chính là điểm lợi thế của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh khẳng định vị thế chất lượng sản phẩm đồng thời hỗ trợ Khách hàng trong công tác thi công.

Thương hiệu Nhựa đường Petrolimex - Nhà cung cấp nhựa đường hàng đầu Việt Nam đã được khẳng định không chỉ đối với các Chủ đầu tư, nhà thầu mà còn có sự hợp tác, hỗ trợ của các Vụ, Viện, Phòng thí nghiệm trọng điểm giúp Công ty thâm nhập vào các dự án chất lượng.

Năm 2021, lãi suất vay ngân hàng có xu hướng giảm so với năm 2020 bên cạnh việc tỷ giá USD ổn định tạo thuận lợi cho hoạt động tài chính của Công ty.

b. Khó khăn:

Nhựa đường là sản phẩm chủ yếu phục vụ các dự án giao thông đường bộ như nâng cấp, cải tạo, làm mới; Nguồn vốn của các dự án này phần lớn dựa vào vốn ODA, Ngân sách nhà nước, xã hội hóa như BT, BOT..., Các dự án này phụ thuộc vào kế hoạch, chính sách của Quốc hội và Nhà nước trong từng giai đoạn, phụ thuộc vào hoạt động đầu tư công của chính phủ. Năm 2021, nguồn vốn giải ngân đầu tư công đạt tỷ lệ thấp so với kế hoạch cũng như so với cùng kỳ năm 2020. Theo số liệu thống kê từ Tổng cục thống kê, 11 tháng năm 2021 tổng vốn đầu tư công giải ngân đạt 367,7 nghìn tỷ bằng 73,8% so với kế hoạch năm và giảm 8,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Cạnh tranh về cung cấp sản phẩm nhựa đường ở thị trường ngày càng gay gắt; Công ty Nhựa đường Petrolimex có các lợi thế về hệ thống kho bể ở khu vực miền Trung, tuy nhiên vẫn bị ảnh hưởng mạnh bởi các đối thủ cạnh tranh như Tratimex, ICT, ADco đã triển khai xây dựng kho bể với công suất lớn ở Quảng Nam, Cam Ranh.

Trên thị trường cũng hình thành các Công ty đại lý, đại diện thương mại tham gia sâu vào kinh doanh nhựa đường với giá bán thấp gây lũng loạn, làm rối thị trường và cũng là một trong các nguyên nhân khiến khó tăng giá. Các đối thủ cũng tăng cường tiếp cận với chủ đầu tư, tư vấn các dự án, tiếp xúc và tạo các tác động để điều chỉnh, chi phối việc lựa chọn nguồn, lựa chọn nhà cung cấp, làm tăng chi phí bán hàng và giảm hiệu quả kinh doanh, gây khó khăn cho việc bán nhựa đường vào các dự án, kể cả đã được chấp thuận. Ngoài ra các đối thủ cạnh tranh cũng rất linh hoạt trong việc gia hạn tín dụng, công nợ, bán hàng qua đại lý vv..

Một số dự án yêu cầu về chỉ tiêu thí nghiệm chất lượng nhựa, đòi hỏi chi phí cao để được chấp thuận nguồn vào dự án cũng gây khó khăn không nhỏ cho công tác bán hàng của Tiếp thị.

Bên cạnh đó, dịch Covid-19 tái bùng phát ở Việt Nam cũng như diễn biến phức tạp tại Campuchia và Lào đã ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh trong nước và xuất khẩu của Công ty.

Với những thuận lợi và khó khăn trong năm 2021 đã nêu trên nhưng đây là năm thứ 2 liên tiếp, ngành hàng nhựa đường đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được HĐQT PLC giao năm 2021 ở mức cao, cụ thể: Tổng sản lượng đạt 243.905 tấn, bằng 116,15% KH 2021 và bằng 93,76% TH 2020; Tổng doanh thu đạt 2.814 tỷ đồng, bằng 123,26% KH 2021 và bằng 111,45% TH 2020; Lợi nhuận trước thuế đạt 88 tỷ đồng, bằng 196,38% KH 2021 và bằng 273,99% TH 2020.



NGÀNH HÀNG HÓA CHẤT

a. Thuận lợi:

Là doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm dung môi, hóa chất có uy tín, lâu năm trên thị trường, Công ty đã có được các điều kiện thuận lợi nhất định trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm dung môi, hóa chất. Thương hiệu hóa chất Petrolimex đã được tạo dựng và khẳng định trên thị trường. Công ty đã tạo dựng được và phát triển hệ thống các nhà cung cấp và khách hàng của riêng mình. Hệ thống CSVCKT của Công ty được đặt ở cả 2 miền Nam Bắc bao gồm: Kho Dung môi Hóa chất Đình Vũ, Thượng Lũy tại TP Hải Phòng và Kho Dung môi Hoá chất Nhà Bè - tại TP Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kinh doanh.

b. Khó khăn:

Dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trong năm 2021 đã ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng các sản phẩm dung môi, hoá chất: hoạt động kinh doanh các sản phẩm dung môi, hoá chất của Công ty cũng bị ảnh hưởng nặng nề: sản lượng và doanh số bán hàng của Công ty tại phía Bắc sụt giảm mạnh trong Quý I và Quý II/2021, tăng trưởng chậm trong Quý III và Quý IV/2021; sản lượng và doanh số bán hàng của Công ty tại phía Nam giảm mạnh trong Quý III/2021 do dịch bệnh Covid-19 bùng phát, nhu cầu thị trường có sự hồi phục trong Quý IV/2021. Đây cũng là tình trạng chung của các công ty trong ngành dung môi, hoá chất tại thị trường Việt Nam. Một số công ty hoá chất trong ngành còn xuất hiện tình trạng tồn hàng không bán được làm tăng chi phí tồn chứa, bảo quản hàng và tăng chi phí quản lý.

Đứt gãy chuỗi cung ứng trên thế giới và tại Việt Nam: Nguồn cung hàng ổn định vốn là thế mạnh của Công ty trong kinh doanh hàng năm nhưng năm 2021 là năm đầu tiên trong nhiều năm trở lại đây, nguồn cung của Công ty gặp khó. Dịch bệnh và phong toả tại nhiều nước khiến nhiều nhà sản xuất dung môi – hoá chất lớn trên thế giới phải cắt giảm sản lượng hoặc tạm ngừng hoạt động dẫn đến thiếu hụt nguồn hàng, mặt khác tình trạng ách tắc tại các cảng biển xếp dỡ hàng hoá, tình trạng thiếu thuyền viên dẫn đến thiếu tàu vận chuyển, giá cước tăng rất cao...Trong năm 2021, dịch bệnh không chỉ ảnh hưởng đến nguồn cung và nhu cầu sử dụng hàng hoá mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến việc vận chuyển hàng hoá. Giá cước vận tải biển trên thế giới và tại Việt Nam liên tục tăng phi

mã với mức cước tăng gấp 3 thậm chí gấp 5 lần so với năm liền kế trước đó. Bên cạnh việc tăng giá cước, thời gian chuyển chở hàng hoá cũng kéo dài gấp nhiều lần so với trước kia.

Khó khăn trong việc tìm nguồn bao bì hàng hoá: hàng hoá nhập khẩu của Công ty được giao đến tay khách hàng dưới hai dạng bao bì chủ yếu là hàng xá và hàng đóng phuy trong đó sản lượng hàng đóng phuy chiếm đến 60% tổng sản lượng hàng. Nguồn vỏ phuy của Công ty đa phần là vỏ phuy cũ mua từ các nhà cung cấp vỏ phuy truyền thống do khách hàng chỉ có nhu cầu đóng hàng vào phuy cũ và do giá thành của vỏ phuy mới cao hơn nhiều giá thành của vỏ phuy cũ. Từ cuối năm 2020, tình trạng thiếu vỏ phuy cũ đã bắt đầu mạnh mẽ và đến năm 2021, tình trạng thiếu vỏ phuy cũ càng ngày càng trở nên trầm trọng.

Với những khó khăn trong năm 2021 đã nêu trên nhưng kết quả hoạt động năm 2021 của ngành hàng hóa chất đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao: Tổng sản lượng: đạt 141.684 tấn, bằng 108,16% KH 2021 và bằng 106,91% TH 2020; Tổng doanh thu: đạt 2.549 tỷ đồng, bằng 113,25% KH 2021 và bằng 149,97% TH 2020; Tổng Lợi nhuận trước thuế đạt 0,819 tỷ đồng, bằng 118,71% KH 2021 và bằng 148,92% TH 2020.



2.1.4 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY LIÊN KẾT (CÔNG TY CP VẬN TẢI HÓA DẦU VP):

Từ cuối năm 2020 đến thời điểm hiện tại, thị trường nhựa đường khu vực có sự thay đổi bất thường theo chiều hướng không có lợi cho hoạt động của công ty. Tại Việt Nam, Tết nguyên đán kéo dài gần đến hết tháng 02/2021, hoạt động làm đường tại Việt Nam gần như không thi công nên lượng hàng về Việt Nam cũng ít.

Ở khu vực phía Bắc, từ cuối năm 2020, nhà máy Simosa Mailiao, Đài Loan đóng cửa bảo dưỡng hệ thống định kỳ từ giữa tháng 3 đến cuối tháng 04/2021. Nhiều chuyến, công ty đã phải giảm giá cước để chờ tuy nhiên vẫn không ký được hợp đồng. Các tàu của công ty phải chạy những chuyến rất xa như Hải Phòng - Singapore, Nhà Bè - Mailiao, Thái Lan - Hải Phòng để giảm thiểu thời gian nằm không, cố gắng giảm trừ chi phí.

Ở khu vực phía Nam, chủ yếu là Singapore, nguồn hàng mặc dù vẫn có, tuy nhiên, bị ảnh hưởng rất lớn bởi 3 yếu tố chính:

Khu vực phía Bắc không có nhu cầu vận chuyển Nhựa đường, do vậy phần lớn các tàu chở Nhựa đường tập trung khai thác thị trường phía Nam.

Shell Bukom vẫn chưa chấp nhận cho 02 tàu VP SPHALT 1, VP ASPHALT 2 của công ty VP vào cảng Shell Bukom lấy hàng làm cho thị trường vận tải của VP bị thu hẹp đáng kể (mất thị trường chiến lược Indonesia và 1 phần Malaysia). Công ty VP và nhà quản lý đã nhiều lần liên hệ để làm việc bằng email nhưng chưa có kết quả. Trong bối cảnh Covid 19 vẫn diễn biến phức tạp như hiện tại, Công ty chưa thể sang Singapore để làm việc trực tiếp với Shell về vấn đề này. Việc thông tin cảng Shell Bukom Singapore không chấp thuận cho tàu của VP vào lấy hàng không chỉ ảnh hưởng mất chuyến chặng Singapore - Indonesia (chặng này đang là lợi thế cạnh tranh của tàu VP) mà còn khiến cho

các cảng khác nâng rào cản kỹ thuật kiểm tra ngặt nghèo hồ sơ tàu VP khi vào cảng của họ. Các tàu VP bị đưa vào danh sách thông báo lưu ý của các cảng và không được hỗ trợ lịch xếp hàng. Các chi phí không đáng có sẽ phát sinh nhiều. Công ty Nhựa đường cũng nhiều lần đàm phán nhờ các đối tác có uy tín sử dụng tàu VP lấy hàng cảng Shell Bukom qua mối quan hệ khách hàng nhưng phía Shell rất cứng nhắc kiên quyết từ chối tàu VP và buộc các đối tác của Công ty sử dụng tàu khác.

Mặt khác, nhiều đối thủ vừa là người bán hàng vừa có đội tàu vận chuyển nên họ ưu tiên đối với đội tàu của họ trước khi sử dụng các tàu khác. Việc Shell Bukom không chấp nhận tàu VP làm mất đi ưu thế của đội tàu tại các cảng nước nông của Indonesia. Đây là tuyến chiến lược, vì vậy việc này ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của công ty.

Những khó khăn trong thời gian tới:

Lợi nhuận trước thuế năm 2021 của Công ty VP là -18,9 tỷ đồng, như vậy lỗ lũy kế của Công ty hết năm 2021 là 98,7 tỷ đồng, chiếm 65% vốn điều lệ của Công ty.

Doanh thu vận tải không đủ bù đắp chi phí và giá vốn vận tải, dòng tiền hoạt động của Công ty lâm vào tình trạng rất khó khăn. Công ty có thể rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Sang năm 2022 cả 2 tàu đều đến hạn bảo dưỡng định kỳ, vì vậy sẽ phát sinh thêm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu, đồng thời ngày tàu hoạt động cũng bị giảm làm giảm doanh thu. Mặt khác sự cố đột xuất tàu VP2 làm ảnh hưởng rất lớn đến chi phí và tình hình kinh doanh của Công ty.

Khó khăn về nhân sự do mức lương thuyền viên không còn hấp dẫn. Các chi phí khác như cảng phí, chi phí phòng chống dịch covid-19 vẫn còn phát sinh trong thời gian tới.



2.1.5 KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH HỢP NHẤT NĂM 2021

Đvt: Tấn, Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH2020	KH2021	TH2021	%KH	% cùng kỳ 2020
	Sản lượng	420.433	377.296	412.263	109,27%	98,06%
1.1	Dầu mỡ nhờn	27.781	28.616	26.674	93,21%	96,01%
1.2	Nhựa đường	260.128	210.000	243.905	116,15%	93,76%
1.3	Hóa chất (*)	132.524	131.000	141.684	108,16%	106,91%
	Doanh thu	5.608.435	6.002.055	6.868.374	114,43%	122,47%
2.1	Dầu mỡ nhờn	1.383.423	1.597.381	1.504.788	94,20%	108,77%
2.2	Nhựa đường	2.525.304	2.283.306	2.814.494	123,26%	111,45%
2.3	Hóa chất (*)	1.699.708	2.250.914	2.549.092	113,25%	149,97%
	LN trước thuế	189.948	190.000	220.718	116,17%	116,20%
3.1	Dầu mỡ nhờn	157.032	137.527	140.033	101,82%	89,17%
3.2	Nhựa đường	32.253	45.000	88.370	196,38%	273,99%
3.3	Hóa chất (*)	550	690	819	118,71%	148,92%
3.4	Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	113	-2.527	-8.503		
	Nộp NSNN	616.425		694.622		112,69%

(*) Kế hoạch Tài chính Tổng hợp năm 2021 của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex được điều chỉnh theo Quyết định 81/QĐ-PLC-HĐQT ngày 30/11/2021.

Về sản lượng: đạt 412.263 tấn, bằng 109,27% KH 2021 và bằng 98,06% TH 2020.

Về doanh thu: đạt 6.868 tỷ đồng, bằng 114,43% KH2021 và bằng 122,47% TH2020.

Về LNTT: đạt 220,7 tỷ đồng, bằng 116,17% KH 2021 và bằng 116,20% TH 2020.

2.3 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2021

TÀI SẢN HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2021

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	So sánh năm 2021 với năm 2020	
				Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng tài sản	triệu đồng	4.702.059	4.827.917	125.859	102,68%
Tài sản ngắn hạn	triệu đồng	3.550.517	3.782.713	216.270	106,09%
Tài sản dài hạn	triệu đồng	1.151.542	1.045.205	-106.337	90,77%

CƠ CẤU TÀI SẢN GIAI ĐOẠN 2018 - 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tiền và các khoản tương đương tiền	583.655	416.999	698.533	375.859
Hàng tồn kho	1.139.100	989.891	1.041.011	1.246.676
Phải thu của khách hàng	1.961.788	1.671.966	1.496.779	1.642.760
Tài sản cố định	687.069	767.704	879.627	818.660
Đầu tư tài chính dài hạn	43.534	31.533	31.646	23.143
Tài sản khác	245.901	237.646	231.702	221.116

TÀI SẢN VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2021

S T T	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2020		Năm 2021		So năm 2021 với năm 2020		Tỷ lệ tăng/giảm
			Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ %	
A	Tổng tài sản	tr.đ	4.702.059	100,00%	4.827.917	100,00%	125.859	102,68%	2,68%
1	Tài sản ngắn hạn	tr.đ	3.550.517	75,51%	3.782.713	78,35%	232.196	106,54%	6,54%
2	Tài sản dài hạn	tr.đ	1.151.542	24,49%	1.045.205	21,65%	-106.337	90,77%	-9,23%
B	Tổng nguồn vốn	tr.đ	4.702.059	100,00%	4.827.917	100,00%	125.859	102,68%	2,68%
1	Nợ phải trả	tr.đ	3.445.571	73,28%	3.454.420	71,55%	8.850	100,26%	0,26%
-	Nợ ngắn hạn	tr.đ	3.403.973	72,39%	3.453.253	71,53%	49.279	101,45%	1,45%
-	Nợ dài hạn	tr.đ	41.597	0,88%	1.168	0,02%	-40.429	2,81%	-97,19%
2	Vốn chủ sở hữu	tr.đ	1.256.488	26,72%	1.373.497	28,45%	117.009	109,31%	9,31%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	So sánh
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)
1	Tổng doanh thu thuần	Trđ	5.608.435	6.868.374	122,47%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Trđ	189.948	220.718	116,20%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	Trđ	147.842	174.474	118,01%
4	Tổng tài sản	Trđ	4.702.059	4.827.917	102,68%

VỀ QUẢN LÝ VỐN LƯU ĐỘNG:

Vốn bằng tiền

Từ kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh khả quan liên tục trong nhiều năm, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã duy trì được mức giá trị vốn bằng tiền ở mức cao, đồng thời quản lý dòng tiền có hiệu quả, linh hoạt và an toàn, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh cũng như các dự án đầu tư theo kế hoạch.

Nợ phải thu khách hàng

Chiếm 34,03% tổng tài sản. Trong năm, TCT PLC đã tiếp thu ý kiến cổ đông chỉ phối về việc tăng cường công tác quản trị rủi ro công nợ phải thu khách hàng. Tuy nhiên, với đặc thù của doanh nghiệp vừa sản xuất, vừa kinh doanh thương mại nên TCT PLC vẫn phải tiếp tục duy trì chính sách quản lý nợ phải thu, chính sách tín dụng khách hàng theo hướng tạo điều kiện để khách hàng mở rộng thị phần, tăng sản lượng.

Hàng tồn kho

Chiếm 25,82% tổng tài sản. Vòng quay hàng tồn kho tăng so với năm 2020 từ 4,59 lên 5,19. Chính sách quản lý hàng tồn kho được duy trì.

Nợ phải trả người bán ngắn hạn

Chiếm 35,64% tổng nguồn vốn. Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex duy trì chính sách thanh toán với nhà cung cấp hợp lý và chặt chẽ, phù hợp với tình hình hoạt động, trong năm 2021 không phát sinh nợ phải trả quá hạn.

VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN DÀI HẠN:

Năm 2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng 2,5%, từ 1.637 tỷ đồng lên 1.678 tỷ đồng. Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đang duy trì chính sách quản lý tài sản dài hạn và đầu tư mới đã được thiết lập để đảm bảo việc quản lý tài sản đạt hiệu quả cao, phù hợp với sự tăng trưởng trong tương lai, không để xảy ra lãng phí và thất thoát tài sản.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP:

Năm 2021, Tổng công ty không thực hiện đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CSVCKT NĂM 2021.

Năm 2021, các công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư các hạng mục công trình trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính, tạo điều kiện quan trọng để các công ty nâng cao vị thế, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường; không đầu tư ra ngoài ngành hàng kinh doanh chính. Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2021 là 36.260 triệu đồng, đạt 29,8% so với kế hoạch đầu tư được duyệt trong năm 2021 trong đó: Giá trị thực hiện đầu tư mới là 18.863 triệu đồng, đạt 18,8% so với kế hoạch được duyệt; giá trị sửa chữa lớn là 17.397 triệu đồng, đạt 81,5% so với kế hoạch được duyệt.

Đơn vị tính: Triệu đồng				
STT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ	KH 2021	TH 2021	TH/ KH 2021 (%)
I	TCT PLC (Công ty mẹ)	76.813	27.883	36,3%
1	Đầu tư mới	64.103	16.423	25,6%
2	Sửa chữa lớn	12.710	11.460	90,2%
II	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	40.517	7.855	19,4%
1	Đầu tư mới	33.628	1.918	5,7%
2	Sửa chữa lớn	6.889	5.937	86,2%
III	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	4.186	522	12,5%
1	Đầu tư mới	2.436	522	21,4%
2	Sửa chữa lớn	1.750	0	0,0%
Tổng cộng (I+II+III):		121.516	36.260	29,8%
Trong đó:				
1	Đầu tư mới	100.167	18.863	18,8%
2	Sửa chữa lớn	21.349	17.397	81,5%

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2021 đạt thấp so với kế hoạch đề ra là do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, kéo dài nên Tổng công ty PLC không triển khai được một số hạng mục công trình theo kế hoạch.

2.4 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ - ĐIỀU HÀNH

Sửa đổi, bổ sung, ban hành lại nhiều quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định mới của Nhà nước và pháp luật;

Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung công việc liên quan dự án phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp với mục tiêu đảm bảo thống nhất áp dụng đồng bộ cho Tổng công ty PLC và các Công ty con.

Đã triển khai xong phân hệ chấm công của ứng dụng quản trị nhân sự PLC.HRM, đã chính thức áp dụng; đang tiếp tục triển khai phần tiền lương, hồ sơ nhân sự để tiến tới áp dụng tại Công ty mẹ trong năm 2022.

Tiếp tục tăng cường điều hành tài chính hiệu quả giữa các đơn vị trong Tổng công ty.

Trong năm 2021, TCT PLC đã có một số thay đổi trong cơ cấu mô hình tổ chức, mô hình quản trị để đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới, cụ thể:

Thành lập Ban Kiểm toán Nội bộ HĐQT TCT PLC và sau đó để phù hợp với nhiệm vụ được giao, Ban Kiểm toán Nội bộ được đổi tên thành Ban Kiểm toán HĐQT TCT PLC.

Đổi tên Ban Tài chính - Đầu tư HĐQT TCT PLC thành Ban Chiến lược - Đầu tư HĐQT TCT PLC.

Tại các Chi nhánh Hóa dầu thuộc Công ty mẹ: sáp nhập phòng KD DMN Tổng đại lý và phòng KD DMN Lon hộp để thành lập phòng Kinh doanh Tổng hợp; sáp nhập phòng TCHC vào phòng TCKT và đổi tên phòng TCKT thành phòng Kế toán tổng hợp.

Tại các Nhà máy Dầu nhờn thuộc Công ty mẹ: thành lập phòng Kế toán tổng hợp Nhà máy trên cơ sở sáp nhập phòng Quản trị tổng hợp và chuyển một phần chức năng nhiệm vụ của phòng TCKT TCT PLC.

CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT RỦI RO, TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

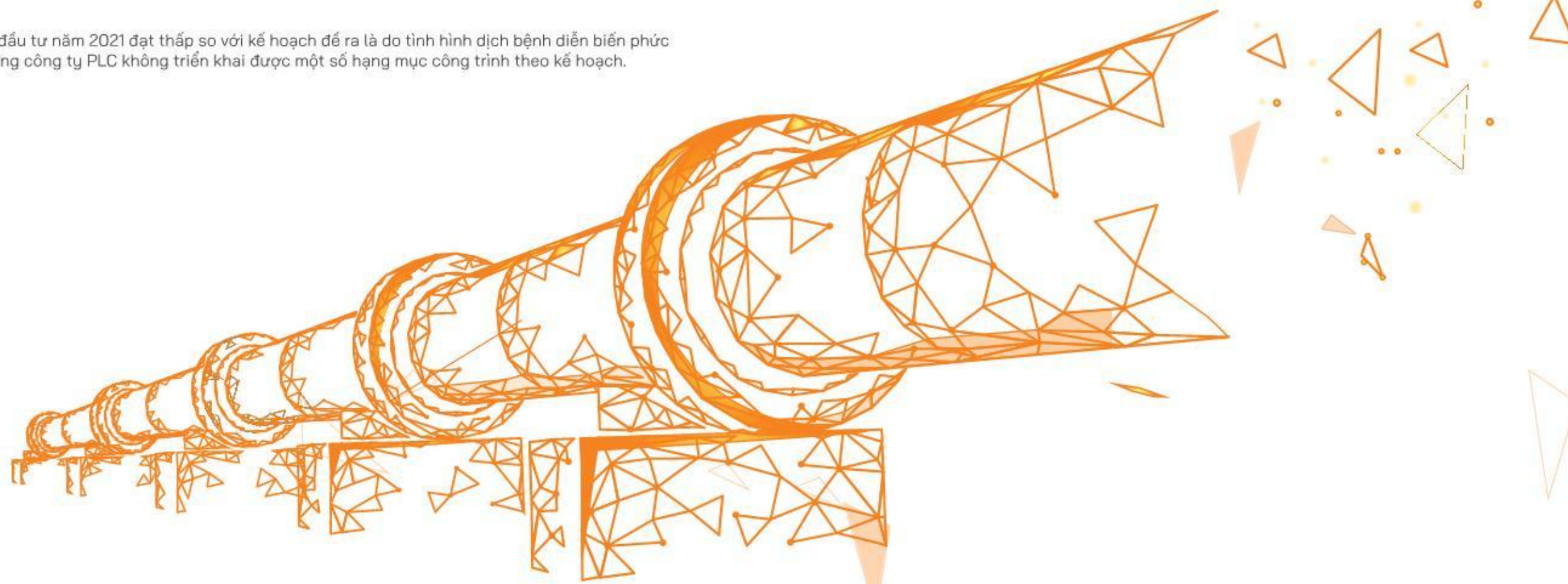
Nâng cao vai trò quản trị doanh nghiệp thông qua việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các Quy chế quản lý nội bộ.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất, giám sát trong toàn Tổng công ty.

Tăng cường trong công tác quản lý, giám sát để tiết giảm chi phí.

Phối hợp thường xuyên, liên tục, chặt chẽ giữa các phòng, ban nhằm kiểm soát tốt các diễn biến của thị trường, nhanh chóng đưa ra các giải pháp trong từng tình huống cụ thể.

Tập trung mọi nguồn lực vào lĩnh vực chuyên ngành, không đầu tư vào các ngành nghề không phải là thế mạnh đối với Tổng công ty.



2.5 KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2022

Năm 2022 dịch COVID-19 được dự đoán có thể còn tiếp tục diễn biến phức tạp, biến động bất thường theo từng đợt, trên từng châu lục, quốc gia do các biến chủng mới xuất hiện; Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2022 cũng được dự báo là không đồng đều và chưa vững chắc.

Trong nước, kinh nghiệm, năng lực, khả năng ứng phó dịch bệnh tiếp tục được nâng lên, nhưng sức chống chịu và nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân giảm sút do tình trạng dịch bệnh đã kéo dài sang năm thứ 3. Nguy cơ chậm phục hồi kinh tế, suy giảm tăng trưởng vẫn còn tiềm ẩn nếu không kiểm soát được dịch bệnh một cách cơ bản để mở cửa trở lại nền kinh tế; rủi ro lạm phát gia tăng.

Trong bối cảnh tình hình quốc tế, trong nước dự báo có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp với nhiều biến thể khó lường sẽ tác động tiêu cực trên nhiều mặt đến kinh tế thế giới và nước ta, Quốc hội và Chính phủ đã thông qua mục tiêu cho năm 2022 là: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6-6,5% và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện năm 2021 và dự báo tình hình năm 2022, cùng với định hướng kế hoạch của Tập đoàn XDVN, PLC đề ra những định hướng, chỉ tiêu kế hoạch cơ bản và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho năm 2022 như sau:



MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG:

Tiếp tục phấn đấu đảm bảo an toàn mọi mặt trong hoạt động SXKD, đảm bảo và từng bước nâng cao đời sống của cán bộ người lao động.

Tiếp tục thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ toàn PLC.

Thực hiện đúng quy trình, quy định về đầu tư. Đầu tư tập trung để rút ngắn thời gian triển khai, nhanh chóng đưa các công trình vào khai thác, sử dụng để tạo lợi thế, tận dụng được cơ hội kinh doanh.

Triển khai đồng bộ các chính sách phát triển thị trường, gia tăng sản lượng bán, tiết giảm chi phí kinh doanh, chi phí tài chính trong toàn hệ thống; tăng cường quản lý và hoàn thiện hệ thống định mức chi phí; Tăng vòng quay hàng tồn kho; hạn chế và kiểm soát tốt công nợ; tiếp tục tăng cường điều hành tài chính tập trung.

Quyết tâm triển khai nhanh, hiệu quả phần mềm quản trị hệ thống ERP trong toàn hệ thống Công ty mẹ & các Công ty con.

Nghiên cứu sản xuất và tiếp thị để nhanh chóng đưa các sản phẩm mới có hiệu quả kinh doanh cao vào thị trường tại Việt Nam và đưa sản phẩm PLC vươn ra thị trường các nước trong khu vực.

VỀ KẾ HOẠCH TCTH:

Lợi nhuận trước thuế toàn PLC tối thiểu 190 tỷ đồng.

Chỉ tiêu cổ tức không thấp hơn 12%/năm.

Về kế hoạch đầu tư CSVCKT:

Tiếp tục tập trung đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống CSVCKT, nâng cao năng lực sản xuất, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, đáp ứng cho hoạt động SXKD, của TCT PLC:

Đẩy nhanh tiến độ triển khai ứng dụng phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP; hệ thống tự động hóa sản xuất... để nâng cao năng lực quản trị và sản xuất.



2.6 ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG:

Năm 2021 là năm thứ 2 ảnh hưởng rất lớn của đại dịch Covid - 19 nhưng với chỉ đạo của HĐQT TCT PLC, quyết tâm của Ban điều hành cùng toàn thể CB-NLĐ TCT PLC đã phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao; do đó, tiền lương, tiền thưởng và thu nhập của NLĐ được ổn định, và tăng hơn so với năm 2020.

Tổng công ty đã ban hành bản cấu trúc lương mới, thực hiện giao và quyết toán tiền lương cho các đơn vị theo lao động định biên, ngày càng gần tiền lương với năng suất lao động và hiệu quả công việc, hướng dẫn các đơn vị cơ sở thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo Quy chế.

Tiền lương bình quân của người lao động năm 2021 tăng 11,1% so với năm 2020.

CHẾ ĐỘ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG VÀ BẢO HIỂM:

TCT PLC thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định.

100% cán bộ, người lao động làm việc tại PLC đều được ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động. TCT PLC thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định của luật lao động như: BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, trợ cấp hưu trí, thai sản;

Ngoài chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật lao động, PLC còn tổ chức mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe của Tổng công ty CP Bảo hiểm Petrolimex cho toàn bộ cán bộ, người lao động PLC, với bảo hiểm chăm sóc sức khỏe này đã góp phần giúp cán bộ, người lao động PLC được thanh toán một phần/toàn bộ các chi phí liên quan đến khám, chữa bệnh khi ốm đau.

Quyền lợi của người lao động đối với các chương trình, kế hoạch mà PLC đã đề ra luôn được đảm bảo và thực hiện đúng, đầy đủ.

CÁC PHÚC LỢI KHÁC:

Cán bộ, người lao động của PLC được hưởng các chế độ khác từ nguồn Quỹ phúc lợi và từ các quy định cụ thể trong Thỏa ước Lao động Tập thể của PLC. Bên cạnh đó, PLC trích 01 tháng lương từ chi phí (theo quy định của Chính phủ) để chi những khoản như tham quan nghỉ mát, hỗ trợ cước tàu xe nghỉ phép, chi các dịp Lễ, Tết, chi ngày truyền thống ngành xăng dầu, ngày thành lập TCT PLC, ... cho cán bộ, người lao động; Mức chi và nội dung chi các thời điểm khác nhau phụ thuộc vào điều kiện thực tế hoạt động SXKD của PLC và các quy định cụ thể trong Thỏa ước Lao động Tập thể của PLC.

Thực hiện công văn số 45/2021/PLX-CV-CĐ ngày 21/05/2021 của Công đoàn Xăng dầu Việt Nam (CĐXDVN) v/v Hỗ trợ kinh phí phòng, chống Covid-19 lần thứ 4; Công đoàn Tổng công ty PLC đã thực hiện chi số tiền do CĐXDVN hỗ trợ là: 317.400.000 đồng đến đúng các đối tượng, kịp thời động viên các CB-NLĐ có bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Chi hỗ trợ bữa ăn cho CB-NLĐ thực hiện 3 tại chỗ theo công văn số 100/2021/PLX-CV-CĐ ngày 06/09/2021 số tiền 137.000.000 đồng. Chi thăm hỏi động viên nữ CB-NLĐ nhân ngày 20/10 Tổng công ty PLC đã thực hiện chi số tiền do CĐXDVN hỗ trợ là 90.500.000 đồng.

- Công đoàn Tổng công ty PLC đã chi 661.800.000 đồng; Các Công đoàn CSTV đã chi 687.000.000 đồng. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã trích từ Quỹ Khen thưởng phúc lợi tập trung số tiền 383.800.000 đồng; Chính quyền các đơn vị 1.434.000.000 đồng.





3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

3.1 NGÀNH HÀNG DẦU MỠ NHỜN

Thương hiệu DMN Petrolimex tiếp tục được khẳng định về chất lượng, nhãn hiệu ngày càng được khách hàng chấp nhận. Các sản phẩm DMN Petrolimex ngày càng đa dạng, phong phú có khả năng thay thế hầu hết các sản phẩm DMN của các hãng nước ngoài như CastrolBP, Shell, Total, Caltex,...

Năm 2021, ngành hàng DMN của PLC gặp nhiều khó khăn: dịch Covid-19 bùng phát mạnh ở khắp các tỉnh, thành phố cả nước; giá các nguyên vật liệu đầu vào đều tăng cao... đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PLC. Tuy nhiên, lĩnh vực sản xuất kinh doanh Dầu mỡ nhờn đã có những phần đầu, nỗ lực nhất định để tiếp tục là ngành hàng đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất trong PLC, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được giao.

Sản lượng tiêu thụ DMN năm 2021 là 26.674 tấn/m³, bằng 93,2% kế hoạch năm được giao, bằng 96% so với năm 2020.

Doanh thu bán DMN trong năm hơn 1.511 tỷ đồng, bằng 94,54% kế hoạch năm 2021, bằng 108,7% so với năm 2020.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021 của ngành hàng DMN hơn 140,03 tỷ đồng, tiếp tục đóng góp lớn nhất vào Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn PLC, chiếm 63,4% tổng lợi nhuận hợp nhất, vượt 1,82% kế hoạch năm được giao, bằng 89% so với năm 2020.

3.2 NGÀNH HÀNG NHỰA ĐƯỜNG

Bên cạnh những thuận lợi như: hệ thống Nhà máy, Chi nhánh trải đều khắp Việt Nam; đội xe chuyên chở, phun tưới được đầu tư chuyên nghiệp cũng như công tác dịch vụ, kỹ thuật sản phẩm hỗ trợ khách hàng tại chân công trình, thương hiệu Nhựa đường Petrolimex - Nhà cung cấp nhựa đường hàng đầu Việt Nam đã được khẳng định đối với các Chủ đầu tư, nhà thầu và các đối tác thi trong năm vừa qua Công ty Nhựa đường cũng gặp không ít khó khăn trong công tác kinh doanh như: Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nguồn vốn giải ngân đầu tư công đạt tỷ lệ thấp so với kế hoạch năm 2021 cũng như so với cùng kỳ năm 2020, các dự án giao thông chậm triển khai; Nhu cầu sử dụng các sản phẩm cao cấp giai đoạn này còn ít, đặc biệt không có nhiều dự án lớn sử dụng nhựa đường Polime và nhũ tương là các sản phẩm đem lại tỷ lệ lãi gộp/lợi nhuận cao cho Công ty. Dịch Covid-19 tái bùng phát Việt Nam và diễn biến phức tạp tại Campuchia và Lào, cùng các biện pháp thắt chặt tại vùng biên giới đã ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh trong nước và xuất khẩu của Công ty. Hoạt động xuất khẩu bán hàng của Công ty tại Chi nhánh Lào/ Chi nhánh Campuchia bị ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt tại thị trường Campuchia xuất khẩu hầu như bị đình trệ.

Tổng sản lượng đạt 243.905 tấn, bằng 116,15% KH 2021 và bằng 93,76% TH 2020; Tổng doanh thu đạt 2.814 tỷ đồng, bằng 123,26% KH 2021 và bằng 111,45% TH 2020; Lợi nhuận trước thuế đạt 88 tỷ đồng, bằng 196,38% KH 2021 và bằng 273,99% TH 2020.

3.3 NGÀNH HÀNG HÓA CHẤT

Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex tiếp tục là một trong những nhà cung cấp các sản phẩm dung môi, hoá chất lớn trên thị trường Việt Nam, Công ty có hệ thống cơ sở vật chất kho bãi đồng bộ, thuận lợi cho công tác tạo nguồn và tổ chức phân phối. Thương hiệu Petrolimex đã được tạo dựng và phát triển trên thị trường.

Tuy nhiên, đặc thù của thị trường hóa chất là biến động giá mạnh và cạnh tranh gay gắt nên các đối thủ trên thị trường đều hướng tới xây dựng mô hình tổ chức kinh doanh linh hoạt, đáp ứng nhu cầu thị trường một cách nhanh nhất. Các đối thủ cạnh tranh đều không phải là doanh nghiệp có vốn nhà nước nên dễ dàng áp dụng và thay đổi các chính sách nhất là chính sách về giá. Giá cả các mặt hàng dung môi, hoá chất biến động mạnh, nhanh nhạy so với biến động giá của dầu thô trên thị trường khu vực và thế giới, thông thường cùng xu hướng nhưng có thời điểm lại trái chiều với giá dầu thô... dẫn đến rất khó lường và khó dự báo xu thế biến động giá trên thị trường trong và ngoài nước... Với những công ty có hệ thống kho bãi tồn kho hàng hóa lớn sẽ tiềm ẩn rủi ro cao về giá hàng tồn kho... Sản lượng tiêu thụ toàn công ty năm 2021 đạt 141.684 tấn/m³, bằng 108% so với kế hoạch năm 2021 và bằng 107% so với cùng kỳ năm 2020.

Tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ năm 2021 của Công ty đạt hơn 2.549 tỷ đồng; bằng 113% kế hoạch năm 2021 và bằng 150% so với thực hiện cùng kỳ năm 2020.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021 Công ty đạt 819 triệu đồng, bằng 118,71% KH 2021 và bằng 148,92% TH 2020.

Đơn vị tính: Tấn, m³/triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch SXKD năm 2021	Thực hiện năm 2021	So thực hiện năm 2020	
					TH năm 2020	KH năm 2021
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	420.433	377.296	412.263	98,06%	109,27%
2	Tổng doanh thu thuần	5.608.435	6.002.055	6.868.374	122,47%	114,43%
*	Giá vốn	4.656.912	5.089.646	5.933.349	127,41%	116,58%
*	Lãi gộp /Doanh thu	16,97%	15,20%	13,61%	80,24%	89,55%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	189.948	190.000	220.718	116,20%	116,17%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	147.842	152.000	174.474	118,01%	114,79%
*	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	2,64%	2,53%	2,54%	96,37%	100,31%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	11,13%	11,56%	13,27%	119,25%	114,78%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	18,30%	18,81%	21,59%	118,01%	114,79%
7	Tỷ lệ cổ tức	15%	Tối thiểu 12%	Tối thiểu 12%		



4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Hành vi vi phạm pháp luật	Quyền lợi mâu thuẫn với PLC	Lợi ích liên quan đối với PLC
1	Ông Lê Quang Tuấn	Tổng giám đốc	6.782	0,0084%	0	Không	Không	Không
2	Ông Nguyễn Thanh Khương	Phó Tổng giám đốc	0	0%	0	Không	Không	Không
3	Bà Trần Diễm Hồng	Phó Tổng giám đốc	0	0%	0	Không	Không	Không
4	Ông Nguyễn Đức Long	Phó Tổng giám đốc	5.252	0,0065%	0	Không	Không	Không
5	Bà Phương Thảo Hiền	Kế toán trưởng	18.820	0,0233%	0	Không	Không	Không

THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH:

Năm 2021, Tổng công ty PLC đã thực hiện quy trình bổ sung 02 Phó Tổng giám đốc Tổng công ty, Ngày 30/12/2021 Hội đồng quản trị đã Ban hành các Quyết định bổ nhiệm Bà Trần Diễm Hồng và Ông Nguyễn Đức Long giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty PLC kể từ ngày 01/01/2022.

Ngày 11/11/2021 bổ nhiệm lại Bà Phương Thảo Hiền tiếp tục giữ chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty PLC.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

TỔNG QUAN LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

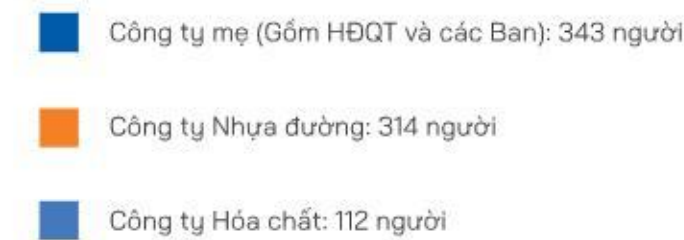
Số lượng lao động có mặt đến ngày 31/12/2021 là 769 người (Số lượng lao động tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 731 người).

Tổng công ty PLC chủ trương sử dụng lao động tiết kiệm, hiệu quả; phát triển nguồn nhân lực có tính kế thừa và đảm bảo cơ cấu lao động hợp lý, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

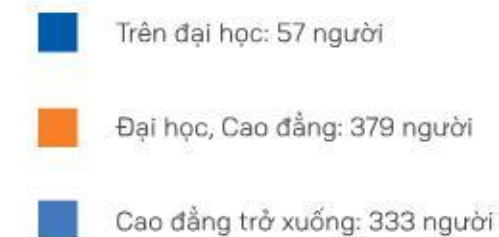
TỔNG SỐ CB-NLĐ:

769 NGƯỜI

Cơ cấu nhân sự theo ngành hàng



Cơ cấu nhân sự theo trình độ



Cơ cấu nhân sự theo giới tính



CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Điều kiện làm việc ở Tổng công ty PLC luôn được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần người lao động được nâng cao, góp phần xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động làm việc nhiệt huyết, ổn định, gắn bó lâu dài với Tổng công ty.

Mục tiêu trả lương ổn định đời sống và khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, an toàn vệ sinh lao động và các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty.



Tổng công ty là đơn vị vừa có sản xuất, vừa kinh doanh sản phẩm có đặc tính chuyên môn kỹ thuật cao, yêu cầu về trình độ chuyên môn cũng như các kỹ năng, kỹ thuật chuyên ngành sâu. Do vậy, ngoài những yêu cầu ban đầu về trình độ đối với người lao động, việc đào tạo, tập huấn chuyên môn hàng năm rất được Tổng công ty chú trọng thực hiện. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức nhiều khóa huấn luyện về sản phẩm, nguyên vật liệu cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và đại diện bán hàng.



làm việc nhiệt huyết, ổn định, gắn bó lâu dài với Tổng công ty.

Năm 2021, Tổng công ty đã mua bảo hiểm thân thể cho 100% cán bộ, người lao động của PLC.

Với ý thức của một doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm liên quan đến cháy nổ, các quy trình, quy phạm về an toàn và sản xuất rất được chú trọng trong phổ biến và giám sát thực hiện hàng ngày. Khi các dự án đầu tư, dây chuyền sản xuất mới được trình duyệt cũng là lúc các quy trình an toàn được thiết lập và được hướng dẫn, tập huấn thực hành cho người lao động.

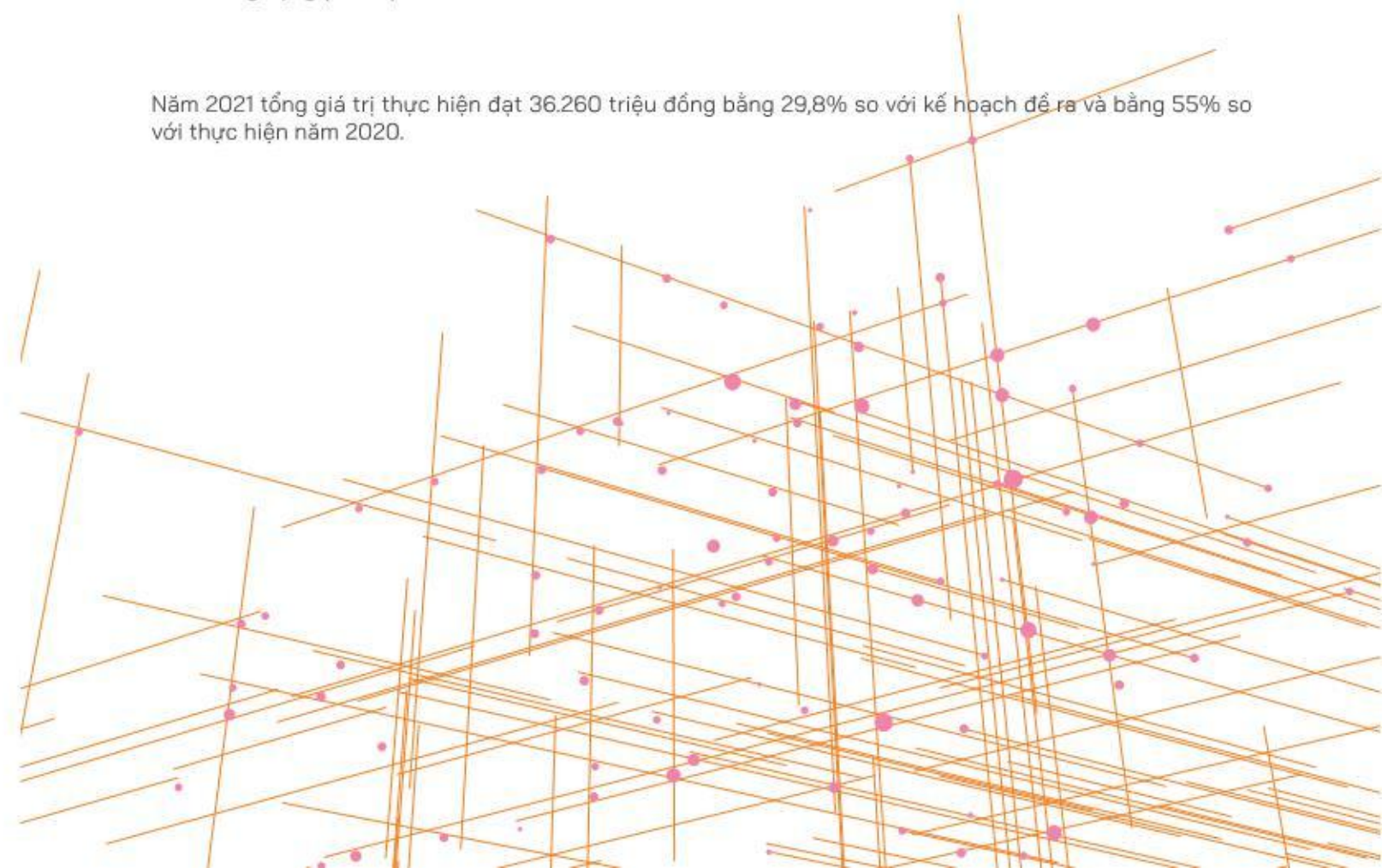
Việc Tổng công ty đảm bảo an toàn tuyệt đối, không xảy ra tai nạn lao động trong năm 2021 chính là thành quả ghi nhận trách nhiệm của Tổng công ty đối với người lao động và tài sản của cổ đông.

Điều kiện làm việc ở PLC luôn được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần người lao động được nâng cao góp phần xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động

5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TT	NỘI DUNG	KH ĐẦU TƯ 2021 (triệu đồng)	KQ TH NĂM 2021		SO VỚI TH NĂM 2020	
			GIÁ TRỊ (triệu đồng)	TỶ LỆ HT	GIÁ TRỊ TH 2020 (triệu đồng)	% SO VỚI TH 2020
I	TCT PLC (Công ty mẹ)	76.813	27.883	36,3%	31.980	87%
1	Đầu tư mới (đã bao gồm CNTT)	64.103	16.423	25,6%	20.490	80%
2	Sửa chữa lớn	12.710	11.460	90,2%	11.490	100%
II	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	40.517	7.855	19,4%	34.377	23%
1	Đầu tư mới	33.628	1.918	5,7%	26.540	7%
2	Sửa chữa lớn	6.889	5.937	86,2%	7.837	76%
III	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	4.186	522	12,5%	110	475%
1	Đầu tư mới	2.436	522	21,4%	110	475%
2	Sửa chữa lớn	1.750	0	0,0%	0	-
Tổng cộng (I+II+III):		121.516	36.260	29,8%	66.467	55%

Năm 2021 tổng giá trị thực hiện đạt 36.260 triệu đồng bằng 29,8% so với kế hoạch đề ra và bằng 55% so với thực hiện năm 2020.



6. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu (đơn vị tính triệu đồng)	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	So sánh 2021/2020
Doanh thu thuần	tr.đ	5.608.435	6.868.374	122,47%
Giá vốn hàng bán	tr.đ	4.656.912	5.933.349	127,41%
Lợi nhuận gộp	tr.đ	951.523	935.025	98,27%
Chi phí bán hàng	tr.đ	528.107	542.272	102,68%
Chi phí quản lý	tr.đ	204.214	187.301	91,72%
Lợi nhuận khác	tr.đ	10.626	8.636	81,27%
Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	189.948	220.718	116,20%
Thuế TNDN	tr.đ	42.107	46.244	109,83%
Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	147.842	174.474	118,01%
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	3.550.517	3.782.713	106,54%
Tài sản dài hạn	tr.đ	1.151.542	1.045.205	90,77%
Tổng tài sản	tr.đ	4.702.059	4.827.917	102,68%
Tổng vay ngắn hạn và dài hạn	tr.đ	1.884.853	1.548.635	82,16%
Vốn chủ sở hữu	tr.đ	1.256.488	1.373.497	109,31%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu		16,97%	13,61%	80,24%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu		2,64%	2,54%	96,37%
Nợ vay trên tổng tài sản		40,09%	32,08%	80,02%
Nợ vay trên vốn chủ sở hữu		150,01%	112,75%	75,16%
LNST trên vốn chủ sở hữu (ROE)		11,13%	13,27%	119,25%
LNST trên Tổng tài sản (ROA)		3,23%	3,67%	113,75%
EPS		1.631	1.960	120,17%

(VCSH và VDL để tính ROE và ROA là bình quân đầu kỳ và cuối kỳ chia cho 2; các chỉ tiêu TSNH, TSDH, TTS,VCSH, Tổng vay ngắn hạn và dài hạn tính tại thời điểm 31/12/2020)

TÌNH HÌNH TÀI SẢN HỢP NHẤT TẠI 31/12/2021

Tổng tài sản toàn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2021 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP là 4.827.917 triệu đồng, tăng 125.859 triệu đồng và tương ứng tăng 2,68% so với cuối kỳ năm 2020. Trong đó:

+ Tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2021 là 1.045.205 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 21,65% và giảm 106.337 triệu đồng, tương ứng giảm 9,23% so với năm 2020. Trong tổng tài sản dài hạn, tài sản cố định chiếm tỷ lệ chủ yếu là 78,33%, tài sản dài hạn khác chiếm 16,01%, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và đầu tư tài chính dài hạn chiếm 5,17%. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu do tài sản cố định giảm 60.967 triệu đồng và tài sản dài hạn khác giảm 15.683 triệu đồng.

+ Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 là 3.782.713 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 78,35% và tăng 232.196 triệu đồng, tương ứng tăng 6,54% so với năm 2020. Trong tổng tài sản ngắn hạn, các khoản phải thu chiếm tỷ trọng là 37,24%, hàng tồn kho chiếm 32,96%, đầu tư tài chính chiếm 18,44%, tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 9,94%. Cơ cấu tài sản ngắn hạn biến động tăng chủ yếu ở khoản mục đầu tư tài chính tăng 238.255 triệu đồng, hàng tồn kho tăng 205.664 triệu đồng và các khoản phải thu tăng 105.853 triệu đồng.

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN HỢP NHẤT TẠI 31/12/2021

Tổng nguồn vốn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2021 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP là 4.827.917 triệu đồng, tăng 125.658 triệu đồng và tương ứng tăng 2,68% so với cuối kỳ năm 2020. Trong đó:

+ Nợ phải trả tại ngày 31/12/2021 là 3.454.420 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 71,55% và tăng 8.849 triệu đồng, tương ứng tăng 0,26% so với năm 2020. Trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 3.453.252 triệu đồng, tăng 49.279 triệu đồng chủ yếu là Nợ phải trả nhà cung cấp và Nợ vay các TCTD tăng; Nợ phải trả dài hạn là 1.168 triệu đồng, giảm 40.429 triệu đồng. Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của tại ngày 31/12/2021 là 2,52 lần, giảm so với năm 2020 là 2,74 lần.

+ Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021 là 1.373.497 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 28,45% và tăng 117.009 triệu đồng, tương ứng tăng 9,31% so với năm 2020. Vốn chủ sở hữu tăng chủ yếu ở khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển tăng trong khi nguồn vốn chủ sở hữu và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu không thay đổi.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH:

STT	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,04	1,10	
-	Hệ số thanh toán tức thời (lần)	0,21	0,11	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,73	0,72	
-	Hệ số nợ/ Vốn Chủ sở hữu (lần)	2,74	2,52	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	4,59	5,19	
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	1,22	1,44	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần	2,64%	2,54%	
-	Tỷ suất LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	11,13%	13,27%	
-	Tỷ suất LNST/ Tổng tài sản (ROA)	3,23%	3,67%	

Khả năng thanh toán:

hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2021 là 1,1 lần, cao hơn năm 2020 là 1,04 lần và luôn giữ ở mức lớn hơn 1. Theo đó, các khoản nợ đến hạn đều được đảm bảo bằng các tài sản có tính thanh khoản tốt. Đây là một chỉ số quan trọng trong bối cảnh thực tế Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn vay ngắn hạn.

Hệ số thanh toán tức thời (tiền và các khoản tương đương tiền trên nợ ngắn hạn):

năm 2021 là 0,11 lần, giảm so với năm 2020 là 0,21 lần. Tỷ lệ này cho thấy việc sử dụng vốn hiệu quả, không bị tổn đọng và đủ khả năng thanh toán tức thì các khoản nợ đến hạn khi cần thiết.

Hiệu quả hoạt động:

Vòng quay hàng tồn kho 5,19 năm 2021, tăng so với năm 2020 là 4,59 cho thấy công tác bán hàng tốt hơn, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, ít rủi ro hơn. Doanh thu thuần/tổng tài sản năm 2021 là 1,44 lần, cao hơn năm 2020 là 1,22 lần cho thấy năm 2021 Tổng công ty hoạt động tốt, tạo ra nhiều doanh thu hơn trên mỗi đồng đầu tư vào tài sản.

Khả năng sinh lời:

khả năng sinh lời từ một đồng vốn chủ sở hữu của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex năm 2021 tăng so với năm 2020 cho thấy hiệu quả kinh doanh năm 2021 tốt, cải thiện hơn so với năm 2020.

7. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX

TỔNG QUAN:

Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex chính thức được thành lập tháng 12/2005 với cơ sở vật chất cũng như mọi nguồn lực vẫn còn khiêm tốn, phải đối mặt với một thị trường hết sức khó khăn, sự cạnh tranh khốc liệt của các tập đoàn dầu khí lớn không chỉ tại Việt Nam mà còn trên thế giới như tập đoàn Shell, Chevron, Exxon Mobil,...

Trải qua quá trình phát triển, đến nay, Công ty có 01 Công ty con, 06 Chi nhánh và 07 Nhà máy Nhựa đường trải dài trên cả nước, đem lại lợi thế cho Công ty trong việc cung cấp sản phẩm cho các dự án với cự ly vận chuyển hợp lý. Đồng thời với dàn xe chở nhựa đường được đầu tư chuyên nghiệp đặc biệt đội xe chở, phun tưới nhũ tương đã khẳng định vị trí nhà cung cấp nhựa đường của Công ty đối với một số dự án lớn.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021:

Sản lượng tiêu thụ năm 2021 là: 243.905 tấn, đạt 116,15 % kế hoạch, bằng 93,76% so với năm 2020.

Doanh thu bán hàng trong năm 2021 là 2.814 tỷ đồng đạt 123,26% kế hoạch và bằng 111,45% so với năm 2020.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021 Công ty đạt 88 tỷ đồng đạt 196,38 % so với kế hoạch và bằng 273,99% so với năm 2020.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2022:

Công ty xác định tiếp tục ổn định và phát triển trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với quá trình vận hành tổ chức kinh doanh của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex và phát huy tiềm năng, lợi thế đội ngũ cán bộ quản lý năng động, có kiến thức quản trị và bản lĩnh.

Giai đoạn 2022 - 2025 được dự báo là giai đoạn tăng trưởng cao của mặt hàng nhựa đường do các dự án giao thông lớn, trọng điểm đã đến giai đoạn sử dụng nhựa cũng như việc các dự án giao thông mới được đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn. Bên cạnh đó, xu hướng sử dụng sản phẩm, phương pháp thi công đường bộ mới trong giai đoạn này cũng sẽ được dự báo thay đổi do tính ưu việt của các sản phẩm như nhựa đường nhũ tương...

CÁC GIẢI PHÁP LỚN CỦA CÔNG TY LÀ:

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ toàn Công ty.

Triển khai đồng bộ các chính sách phát triển thị trường, nắm bắt thông tin thị trường thường xuyên, kịp thời để điều hành và xử lý tồn kho đạt hiệu quả cao nhất trong những trường hợp giá biến động mạnh. Thực hiện tiết giảm chi phí kinh doanh, chi phí tài chính; tăng cường quản lý và hoàn thiện hệ thống định mức chi phí; Tăng vòng quay hàng tồn kho; hạn chế và kiểm soát tốt công nợ.

Tăng cường đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm có dẫn xuất của nhựa đường đi kèm theo đó là nâng cao công tác dịch vụ sản phẩm, hỗ trợ khách hàng trong quá trình thi công nhằm phát huy lợi thế và khẳng định vị thế chất lượng sản phẩm cũng như dịch vụ cung ứng đồng bộ.

Tăng cường thúc đẩy và hỗ trợ bán hàng cho các thị trường xuất khẩu Lào và Campuchia đem lại hiệu quả và khuyến khích thương mại cho thị trường mới và nhiều tiềm năng.

CÔNG TY TNHH HOÁ CHẤT PETROLIMEX

TỔNG QUAN:

Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex chính thức được thành lập tháng 12/2005 với cơ sở vật chất cũng như mọi nguồn lực vẫn còn khiêm tốn, phải đối mặt với một thị trường hết sức khó khăn, sự cạnh tranh khốc liệt của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp tư nhân.

Trải qua quá trình hình thành, xây dựng và phát triển, đến nay, Công ty đã vươn lên trở thành doanh nghiệp hàng đầu trên thị trường dung môi, hoá chất tại Việt Nam với thương hiệu Hoá chất PETROLIMEX.

Công ty hiện có 02 Chi nhánh và 03 Kho Hoá chất đặt tại 2 thị trường lớn là phía Bắc (Kho Hoá chất Đình Vũ, Kho Hoá chất Thượng Lý) và phía Nam (Kho Hoá chất Nhà Bè) với sức chứa lớn, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty được đánh giá là đồng bộ và hiện đại, tuy nhiên, trước sự cạnh tranh quyết liệt từ các đối thủ thì Công ty cần tiếp tục đầu tư mở rộng, nâng cấp hệ thống CSVCKT để tăng thêm sức cạnh tranh, củng cố vững chắc vị thế trên thị trường.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021:

Sản lượng tiêu thụ toàn công ty năm 2021 đạt 141.636 tấn/m³, bằng 108% so với kế hoạch năm 2021 và bằng 107% so với cùng kỳ năm 2020.

Tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ năm 2021 của Công ty đạt hơn 2.549 tỷ đồng; bằng 113% kế hoạch năm 2021 và bằng 150% so với thực hiện cùng kỳ năm 2020.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021 Công ty đạt 819 triệu đồng, hoàn thành KH HĐQT Tổng công ty PLC giao, cùng kỳ năm 2020 Tổng LNTT là 550 triệu đồng.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2022:

Tiếp tục củng cố, tăng cường mối quan hệ với các Nhà cung cấp nước ngoài truyền thống, đồng thời tìm kiếm các Nhà cung cấp nước ngoài khác nhằm đảm bảo nguồn hàng và tạo lợi thế cạnh tranh, đảm bảo nguồn cung hàng liên tục và hạn chế tối đa tình trạng bị gián đoạn nguồn cung hàng. Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu thị trường cũng cần chú ý và quan tâm đúng mức để phân tích, đánh giá được tình hình thị trường cũng như xu hướng giá hàng để có những quyết định kịp thời nhằm mua được những lô hàng với giá thành hợp lý và quyết định chính sách bán hàng phù hợp trong những thời điểm quan trọng.

CÁC GIẢI PHÁP LỚN CỦA CÔNG TY LÀ:

Tiếp tục kiến nghị, đề xuất với Chủ sở hữu đẩy mạnh chủ trương tái cấu trúc doanh nghiệp, tăng cường nguồn lực tài chính cũng như đổi mới công nghệ, tạo điều kiện để Công ty nâng cao sức cạnh tranh, tăng năng suất lao động và hiệu quả hoạt động góp phần vào kết quả chung của hệ thống TCT PLC.

Bổ sung, kiện toàn đội ngũ cán bộ, NLĐ nhằm ổn định lực lượng lao động, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản trị, quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Kiến nghị, đề xuất Chủ sở hữu đẩy mạnh đầu tư hệ thống phần mềm ERP nhằm cải thiện khả năng quản trị, hỗ trợ cho công tác ra quyết định của Lãnh đạo Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm lao động, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

TỔNG QUAN:

Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP (Công ty VP) thành lập 16/03/2008 với số vốn góp ban đầu là 50 tỷ đồng; đến nay, vốn điều lệ của Công ty là 150.761 triệu đồng. Hiện nay, Công ty có đội tàu chở nhựa đường gồm 02 tàu VP Asphalt 1, VP Asphalt 2 có tải trọng khoảng 2.300 tấn với chất lượng, tình trạng kỹ thuật và công tác vận hành, khai thác hai tàu tốt, luôn phù hợp với các quy định của các tổ chức đăng kiểm và các đợt kiểm tra của hàng Shell, đáp ứng được yêu cầu của người thuê tàu trong khu vực.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021:

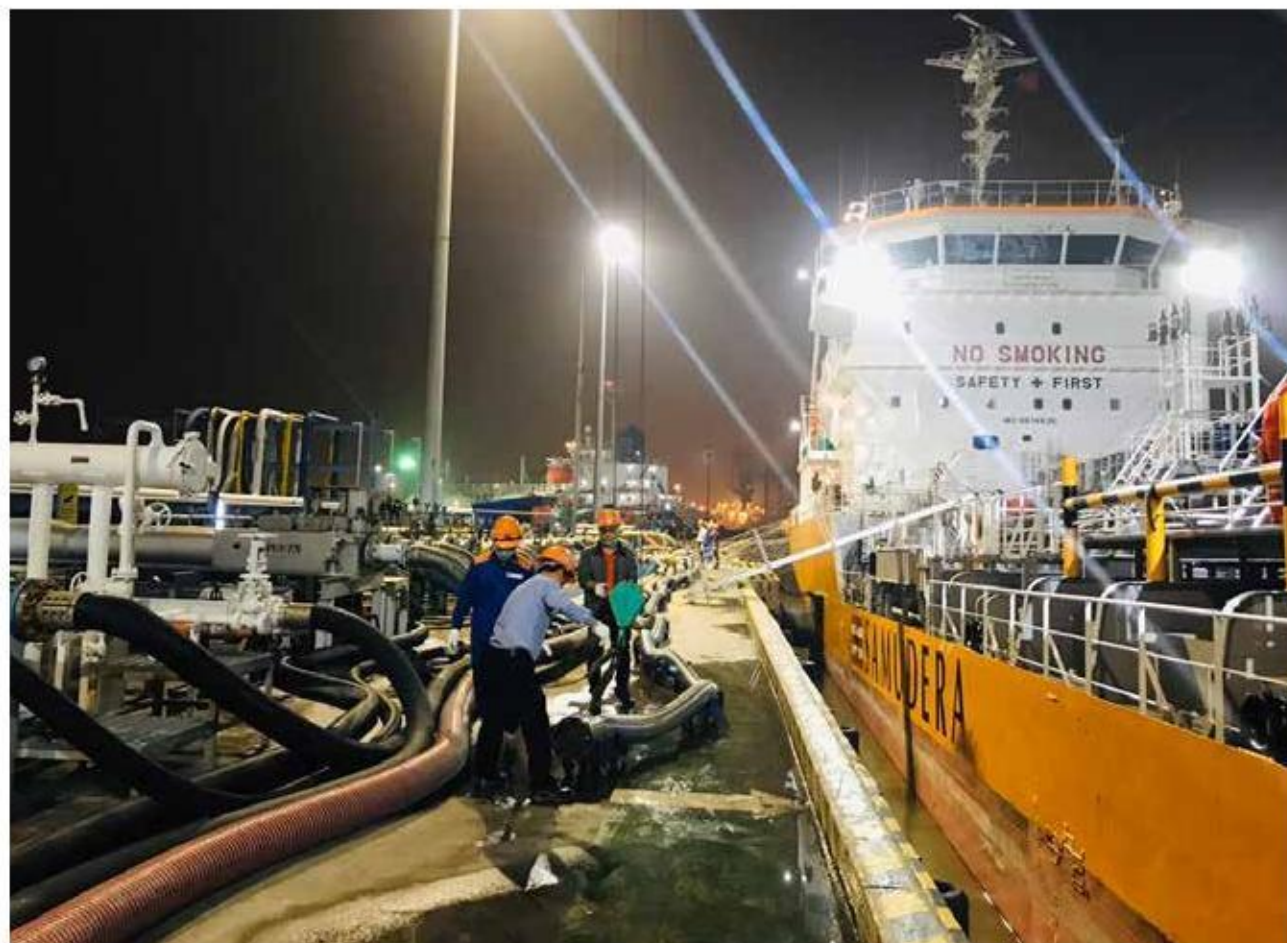
Trong năm 2021, tình hình dịch bệnh covid tiếp tục diễn biến phức tạp tác động nặng nề, toàn diện đối với kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, nhu cầu vận tải giảm sút cùng với sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị trong cùng lĩnh vực đã có những ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Một số chỉ tiêu thực hiện của Công ty chưa hoàn thành so với kế hoạch giao.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2022:

Trong năm 2022 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đề xuất Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tạo điều kiện hỗ trợ cho Công ty VP tiếp cận, thực hiện các đơn hàng vận chuyển phù hợp với quá trình vận hành tổ chức kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên; đồng thời chỉ đạo đơn vị thành viên trực thuộc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex tiếp tục ưu tiên lựa chọn sử dụng dịch vụ vận tải của Công ty VP đối với các nhu cầu vận tải hàng hóa phục vụ hoạt động kinh doanh.

Chủ động xây dựng phương án mở rộng mạng lưới khách hàng ngoài Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex để gia tăng ngày vận doanh.

Thành lập Ban chỉ đạo xử lý các vấn đề của Công ty nhằm tìm giải pháp tháo gỡ các khó khăn hiện nay.





CHƯƠNG IV QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Cơ Cấu Và Hoạt Động Của Hội Đồng Quản Trị	68
2. Cơ Cấu Và Hoạt Động Của Ban Kiểm Soát	70
3. Báo Cáo Hoạt Động Của Ban Kiểm Soát	71
4. Các Giao Dịch, Thù Lao Và Các Khoản Lợi Ích Của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc Và Ban Kiểm Soát	76
5. Giao Dịch Cổ Phiếu Của Cổ Đông Nội Bộ Và Người Có Liên Quan	77

1. CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính đến 31/12/2021, HĐQT Tổng công ty PLC có 06 thành viên.

Trong năm 2021 có sự thay đổi về nhân sự Hội đồng quản trị như sau: Kể từ ngày 01/08/2021 Ông Vũ Văn Chiến nguyên Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty PLC nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí.

Ngoài số cổ phần được Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ủy quyền đại diện vốn tại Tổng công ty PLC, các TV HĐQT có số lượng cổ phần nắm giữ như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Hành vi vi phạm pháp luật	Quyền lợi mâu thuẫn với PLC	Lợi ích liên quan đối với PLC
1	Ông Đỗ Hữu Tạo	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	0	0%	0	Không	Không	Không
2	Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên (Tổng giám đốc)	6.782	0,0084%		Không	Không	Không
3	Ông Nguyễn Thanh Khương	Thành viên (Phó Tổng giám đốc)				Không	Không	Không
4	Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên				Không	Không	Không
5	Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên	40.000	0,049		Không	Không	Không
6	Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên				Không	Không	Không

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thời gian	Nội dung	Kết quả
1	8/1/2021	Rà soát đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các công trình xây dựng dở dang của PLC Công tác tổ chức Hội nghị Tổng kết toàn TCT PLC Triển khai công tác ERP	Nghị quyết số 01/NQ-PLC-HĐQT ngày 11/01/2021
2	5/4/2021	Công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên 2021. Một số nội dung khác	Nghị quyết số 05/NQ-PLC-HĐQT ngày 06/04/2021
3	26/4/2021	Công tác giao kế hoạch năm 2021 cho Công ty mẹ và các công ty con của PLC Một số nội dung khác	Thông báo kết luận cuộc họp số 51/TB-PLC-HĐQT ngày 26/04/2021
4	14/5/2021	Đề xuất đổi tên Ban TC-ĐT HĐQT và phân công lại nhiệm vụ các Ban HĐQT Chức năng nhiệm vụ và quyền hạn các Ban HĐQT Lựa chọn đv kiểm toán độc lập BCTC theo NQ ĐHCĐ và thống nhất phương pháp làm việc, phối hợp giữa các bên trong PLC với kiểm toán độc lập	Thông báo kết luận cuộc họp số 56/TB-PLC-HĐQT ngày 17/05/2021
5	16/7/2021	Công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT Một số nội dung khác	Thông báo kết luận cuộc họp số 80A/TB-PLC-HĐQT ngày 16/07/2021
6	20/7/2021	Công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT Một số nội dung khác	Thông báo kết luận cuộc họp số 84/TB-PLC-HĐQT ngày 20/07/2021
7	23/7/2021	Công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT	Các Thành viên HĐQT thống nhất với các nội dung cuộc họp
8	21/10/2021	Đánh giá kết quả SXKD 9 tháng 2021 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm Quý 4/2021 Công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT	Thông báo kết luận cuộc họp số 104/TB-PLC-HĐQT ngày 22/10/2021
9	2/11/2021	Đổi tên Ban KTNB HĐQT TCT PCL thành Ban Kiểm toán HĐQT Chủ trương bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm toán HĐQT; giới thiệu nhân sự bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm toán HĐQT TCT PLC	Các Thành viên HĐQT thống nhất với các nội dung cuộc họp
10	8/11/2021	Thông qua Kế hoạch công tác Tổ chức - Cán bộ quý 4/2021 và năm 2022 Một số nội dung khác	Nghị quyết số 11a/NQ-PLC-HĐQT ngày 8/11/2021
11	29/11/2021	Công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT Một số nội dung khác	Thông báo kết luận cuộc họp số 121/TB-PLC-HĐQT ngày 30/11/2021
12	21/12/2021	Công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT Một số nội dung khác	Các Thành viên HĐQT thống nhất với các nội dung cuộc họp
13	30/12/2021	Công tác chuẩn bị tổ chức Hội nghị tổng kết toàn Tổng công ty PLC năm 2021 Thống nhất chủ trương bổ nhiệm Trưởng Ban Tổng hợp HĐQT và Phó Ban Tổng hợp HĐQT phụ trách L&TL	Thông báo kết luận cuộc họp số 137/TB-PLC-HĐQT ngày 31/12/2021

2. CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã có sự thay đổi về nhân sự: Ông Tống Văn Hải thôi Kiểm soát viên Tổng công ty PLC kể từ ngày 19/4/2021.

Hiện nay, Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, cơ cấu Ban Kiểm soát như sau:

STT	Thành viên BKS	Chức danh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Hành vi vi phạm pháp luật	Quyền lợi mâu thuẫn với PLC	Lợi ích liên quan đối với PLC
1	Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban (Chuyên trách)	0	0%	0	Không	Không	Không
3	Ông Phạm Tuấn Phương	Kiểm soát viên (chuyên trách)	353	0,0004%	114	Không	Không	Không
3	Bà Đinh Thị Kiều Trang (kể từ ngày 19/04/2021)	Kiểm soát viên (chuyên trách)	0	0	0	Không	Không	Không

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Cuộc họp	Thời gian	Nội dung chính	Tham dự
1	Lần 1		Sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm 2021, triển khai kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2021	100%
2	Lần 2		Tổng kết hoạt động năm 2021, Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2022 của BKS Tổng công ty PLC	100%

3. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tích cực, chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên các Công ty con để triển khai công việc theo quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát với một số hoạt động cụ thể:

► Xây dựng và ban hành Kế hoạch công tác giám sát năm 2021 tại văn bản số 01/PLC-KH-BKS ngày 11/01/2021.

► Xây dựng Báo cáo của Ban kiểm soát, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Tờ trình chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Tổng công ty PLC.

► Tham gia thảo luận, góp ý xây dựng, sửa đổi điều lệ, các quy chế, quy định quản lý, quản trị của Tổng công ty và các công ty con.

Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT PLC.

► Giám sát việc tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD 2021.

► Thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ.

► Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của Ban kiểm soát.

► Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên đề Tổ chức Quản lý Vận hành HDSX tại các Nhà máy/Kho chứa của Tổng công ty và 2 công ty con TNHH MTV.

► Lập Báo cáo kiểm soát hoạt động Tổng công ty định kỳ đúng quy định, gửi Hội đồng quản trị Tập đoàn XDVN.

► Thực hiện các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty...

► Năm 2021, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ theo quy định, đảm bảo dân chủ, minh bạch. Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin qua Email, điện thoại đối với những công việc liên quan đến hoạt động của đơn vị cần có ý kiến của Ban kiểm soát.

Năm 2021, từng thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đảm bảo khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát; Mỗi thành viên Ban kiểm soát đều phát huy được thế mạnh của từng cá nhân, phối hợp tốt với các đơn vị, các Phòng/Ban của Tổng công ty cũng như các Công ty con trong quá trình triển khai công việc được giao.



KẾT QUẢ GIÁM SÁT, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2021	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
I	Tổng tài sản	Tr. đồng	1.836.256	4.827.917
1	Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	833.626	3.782.713
2	Tài sản dài hạn	Tr. đồng	1.002.630	1.045.205
3	Lợi thế thương mại	Tr. đồng		
II	Tổng nguồn vốn	Tr. đồng	1.836.256	4.827.917
1	Nợ phải trả	Tr. đồng	539.827	3.454.420
2	Vốn chủ sở hữu	Tr. đồng	1.296.429	1.373.497
3	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tr. đồng		
III	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,54	1,10
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,32	0,73
IV	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	29,40%	71,55%
2	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	70,60%	28,45%
V	Khả năng sinh lời			
	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Tr. đồng	104.687	174.474
1	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu bq)	%	15,67%	13,27%
2	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bq)	%	9,35%	3,67%
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đ/CP		1.960



Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2021:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh (%)
1. Sản lượng tiêu thụ (m³/tấn)			
a. Toàn Tổng công ty	377.296	412.263	109,27%
b. Công ty mẹ	28.616	26.674	93,21%
2. Tổng doanh thu thuần (tỷ đồng)			
a. Hợp nhất	6.002	6.868	114,43%
b. Công ty mẹ	1.597	1.523	95,37%
3. Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)			
a. Hợp nhất	190	221	116,17%
b. Công ty mẹ	135	132	97,43%
4. Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)			
a. Hợp nhất	152	174	114,78%
b. Công ty mẹ	108	104	96,93%
5. Tổng giá trị đầu tư (tỷ đồng)			
a. Toàn Tổng công ty	122	36	29,84%
b. Công ty mẹ	77	28	36,30%
6. Chia cổ tức	Tối thiểu 12%	Tối thiểu 12%	

Năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bất lợi như dịch bệnh covid kéo dài từ cuối tháng 4 và tháng 7 lan trên diện rộng tại các tỉnh, thành phố lớn, các vùng kinh tế trọng điểm cả 2 đầu đất nước; một số tỉnh thực hiện phong tỏa, cách ly khiến hoạt động sản xuất bị đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, sức mua giảm mạnh; giá dầu gốc liên tục tăng và khan hiếm nguồn hàng, cạnh tranh ngày càng gay gắt. Tuy nhiên Tổng công ty đã vượt qua khó khăn và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua, cụ thể:

Tổng sản lượng tiêu thụ toàn Tổng công ty: 412.263 m³/tấn, đạt 109,27% kế hoạch năm và bằng 98,06% so với thực hiện năm 2020.

Tổng doanh thu thuần hợp nhất: 6.868 tỷ đồng, đạt 114,43% kế hoạch năm, bằng 122,47% so với thực hiện năm 2020.

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 220 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch năm, bằng 116% so với thực hiện năm 2020.

Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 174,47 tỷ đồng, đạt 114,79% kế hoạch năm, bằng 118,01% so với thực hiện năm 2020.

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/ Vốn điều lệ bq đạt 19,60%.

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/ Vốn CSH bq đạt 13,27%.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:**

Trong năm 2021, HĐQT đã triển khai thực hiện tích cực, kịp thời các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao theo đúng định hướng và chiến lược của Tổng công ty.

HĐQT đã tổ chức 13 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 38 lần để ban hành Nghị quyết, Quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp của HĐQT Tổng công ty diễn ra nghiêm túc, thuận lợi cho các thành viên HĐQT tham gia. Các thành viên HĐQT tham gia đã thảo luận thẳng thắn, có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT đã ban hành 17 Nghị quyết, 84 Quyết định và một số văn bản theo thẩm quyền để quản lý và định hướng các hoạt động của Tổng công ty, đồng thời tổ chức công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành Tổng công ty và 2 Công ty con nhằm đảm bảo theo đúng các kế hoạch, mục tiêu và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC:

Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD trong bối cảnh vừa SXKD vừa phòng chống dịch covid, đảm bảo an toàn cho người lao động, duy trì HĐSXKD được liên tục không bị gián đoạn, Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của HĐQT giao.

Ban kiểm soát nhận thấy nhìn chung Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ các quy định của Tổng công ty và của Pháp luật.

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC:

Sự phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử (E-mail) và Văn bản. Sự phối hợp này luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng Công ty và vì lợi ích chung của toàn Tổng công ty.

Các văn bản tài liệu của BKS như: kế hoạch hoạt động, chương trình giám sát, biên bản họp BKS, biên bản kiểm tra giám sát, các báo cáo định kỳ của BKS đều được gửi tới HĐQT theo quy định.

Các văn bản tài liệu Ban Tổng giám đốc gửi HĐQT đều được gửi tới BKS, đồng thời các văn bản tài liệu HĐQT định hướng chỉ đạo cũng được gửi cho BKS theo quy định.

Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến đóng góp với HĐQT trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm quy định.



NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để hoạt động SXKD của Tổng công ty tiếp tục phát triển an toàn, hiệu quả, Ban kiểm soát kiến nghị với HĐQT, Tổng giám đốc một số nội dung sau:

Tiếp tục rà soát đánh giá để tái cấu trúc mô hình cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nội bộ; Rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn tại các công ty con và công ty liên kết.

Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD, không ngừng tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tất cả lĩnh vực hoạt động nhằm phát hiện ngăn ngừa và hạn chế thấp nhất rủi ro có thể xảy ra.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2022

Năm 2022, Ban kiểm soát tập trung thực hiện Kế hoạch công tác giám sát đã xây dựng tại văn bản số 01/PLC-KH-BKS ngày 12/01/2022 với các nội dung trọng tâm sau đây:

Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ thường niên 2022 của Tổng công ty PLC, HĐQT Tổng công ty PLC; công tác điều hành tổ chức hoạt động SXKD của Tổng giám đốc.

Tham gia giám sát, thẩm định việc xây các Kế hoạch SXKD, đầu tư xây dựng, tài chính tổng hợp năm 2022.

Thẩm định các Báo cáo tài chính năm 2021; Quý 1,2,3 năm 2022 của Tổng công ty PLC.

Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên đề Quản lý chi phí HĐ SXKD tại Tổng công ty và 2 công ty con TNHH MTV;

Tổ chức thực hiện kiểm tra kết quả thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam về công tác quản lý công nợ, triển khai dự án ERP tại Tổng công ty PLC

Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát toàn diện hoạt động của Chi nhánh Nhựa đường Lào.

Tham gia các cuộc họp của HĐQT để có ý kiến đóng góp kịp thời trong phạm vi, quyền hạn của Ban kiểm soát.

Tham gia các cuộc họp quan trọng của Ban TGD để nắm bắt có ý kiến đóng góp kịp thời công tác chỉ đạo điều hành các hoạt động SXKD của Tổng công ty.

4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH:

Việc trả tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng Tổng công ty và Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty con được trả theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của Tổng công ty gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. Theo đó, Tổng QTL và thù lao HĐQT năm 2021 là: 2.417 tỷ đồng.

Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2021 thực hiện theo phương án được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua. Theo đó, Tổng lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2021 là 1.382 tỷ đồng.

Các thu nhập khác thực hiện theo quy định về chính sách đối với người lao động của Nhà nước và của Tổng công ty.

5. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên HĐQT	56.700	0,07%	0	0%	Bán
2	Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên HĐQT	95.800	0,12%	40.000	0,05%	Bán

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

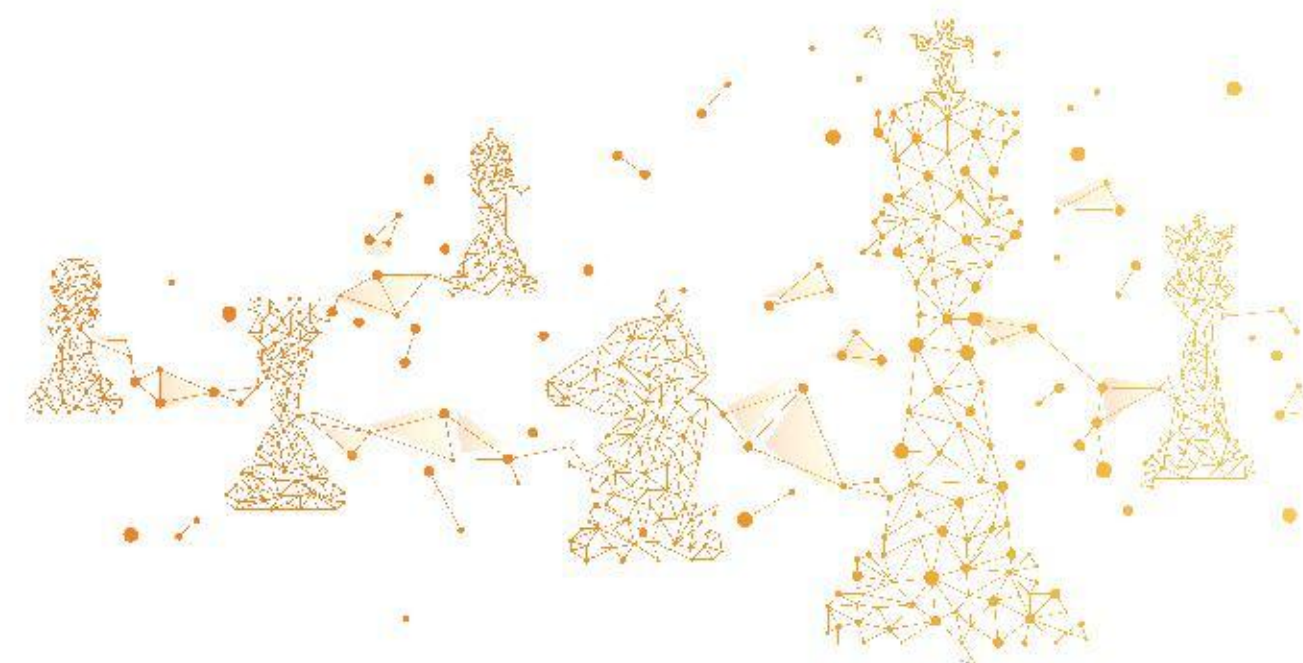
Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

HĐQT Tổng công ty PLC luôn nghiêm túc thực hiện các quy định về quản trị Công ty, thực hiện CBTT đúng quy định.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống quy trình, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến. HĐQT đã chỉ đạo ban hành, sửa đổi bổ sung một số Quy chế: Quản lý, sử dụng nhà, đất của Tổng công ty PLC; Quy chế quản lý lao động và phân phối tiền, lương, thưởng của Người lao động Tổng công ty PLC; Quy chế Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty PLC...

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thống nhất thông qua và ban hành Điều lệ Tổng công ty PLC; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty PLC

Tiếp tục chỉ đạo triển khai ứng dụng hệ thống thông tin quản trị hiện đại vào quản lý, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.





CHƯƠNG V PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Mục Tiêu Và Định Hướng Chiến Lược Phát Triển Bền Vững	80
2. Mối Quan Hệ Bền Vững Với Các Bên Liên Quan	81
3. Tiêu Chuẩn Môi Trường	83
4. Hiệu Quả Kinh Tế	84
5. Tiêu Chuẩn Xã Hội	86

1. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.1 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2022:

Trước tình hình diễn biến dịch Covid-19 diễn ra phức tạp tại các địa phương trong cả nước, tình hình giá xăng dầu tăng cao do ảnh hưởng xung đột tại Ukraine ... Trên cơ sở đánh giá, dự báo tình hình năm 2022, PLC đặt ra 3 nhiệm vụ trọng tâm cho mục tiêu phát triển bền vững như sau:

- Thực hiện mục tiêu kép vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả vừa an toàn chống dịch, ổn định đời sống, thu nhập CB-NLĐ trong toàn hệ thống PLC.
- Tiếp tục chú trọng công tác chuyển đổi số, đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới sạch, thân thiện với môi trường.
- Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của CB-NLĐ; có các giải pháp, chương trình hành động nhằm động viên, khuyến khích CB-NLĐ gắn bó lâu dài với PLC.

1.2. Định hướng phát triển bền vững trung và dài hạn của PLC:

Về kinh tế

Tiếp tục duy trì và phát triển cao hơn nữa các thành quả đạt được trong năm 2021 trên cơ sở ưu tiên đảm bảo an toàn tuyệt đối trong mọi hoạt động SXKD trên cơ sở nền tảng quản trị vững chắc, định hướng, chỉ đạo sát sao của HĐQT PLC và của Tập đoàn XDVN. Trong 5 năm tới phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu Kế hoạch do ĐHCĐ giao.

Về môi trường

(i) Tiếp tục đầu tư và nâng cao trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường, đảm bảo sức khỏe cho CB-NLĐ, khách hàng; Triển khai đồng bộ các giải pháp chuyển đổi số trong việc bảo vệ môi trường tại các Nhà máy. (ii) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới sạch, thân thiện với môi trường, mang lại giá trị thương hiệu cho PLC, đồng thời không ngừng đổi mới, sáng tạo để có thể hội nhập sâu rộng hơn trong khu vực.

Về xã hội

Giữ vững mục tiêu là doanh nghiệp phát triển kinh tế hiệu quả gắn liền với phát triển bền vững, thực hiện đầy đủ trách nhiệm với xã hội và cộng đồng thông qua việc tạo việc làm ổn định, bền vững cho CB-NLĐ; góp phần phát triển kinh tế địa phương; hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước cũng như tích cực trong công tác an sinh xã hội.

2. MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã xác định rõ sự thương hiệu và thành công của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex phải gắn liền thương hiệu Petrolimex cùng với việc xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan. Các giá trị văn hóa cốt lõi của PLC cũng là giá trị cốt lõi của Petrolimex, về Giá trị thương hiệu (Di sản, Đa dạng, Phát triển, Nhân bản) và Tính cách thương hiệu (Lạc quan, Nhiệt huyết, Trách nhiệm, Tin cậy) là nguyên tắc trong việc xây dựng mối quan hệ bền vững của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex nhằm mang giá trị, lợi ích không ngừng gia tăng lâu dài cho các bên liên quan.

Các bên liên quan là những đối tượng có khả năng ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, hoặc chịu ảnh hưởng từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Petrolimex. Theo đó, các bên liên quan được Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex xác định bao gồm: Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và Các cơ quan quản lý Nhà nước; Khách hàng; Đối tác; Cổ đông, Nhà đầu tư; Cộng đồng và CB-NLĐ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.



* NGUYÊN TẮC TIẾP CẬN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong nội bộ PLC:

Sự tin cậy, lòng nhiệt huyết, tinh thần trách nhiệm và sự lạc quan là sợi dây kết nối giữa mỗi con người trong hệ thống PLC và Petrolimex;

Nhân lực là nguồn tài nguyên quý giá của doanh nghiệp, mỗi cá nhân đều nhận được sự hỗ trợ cần thiết nhằm phát huy tinh thần sáng tạo, nâng cao năng lực bản thân vì mục tiêu chung tạo động lực thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Mỗi cá nhân cần tuân thủ theo chính sách của PLC trong khi nỗ lực để nâng cao hiệu quả kinh doanh và quảng bá cho hình ảnh của doanh nghiệp.

Với đối tác:

Luôn nỗ lực, phấn đấu để duy trì và phát triển hình ảnh, thương hiệu một PLC đáng tin cậy, đầy nhiệt huyết trong tâm trí đối tác.

Tuân thủ quy trình đàm phán, quy trình giao dịch trên tinh thần đối xử công bằng và trách nhiệm theo đúng quy tắc đạo đức với nhà cung cấp và bạn hàng để xây dựng mối quan hệ lâu dài và bền vững.

Với pháp luật, Tập đoàn và các Cơ quan quản lý Nhà nước

Tuân thủ mọi quy định của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và Pháp luật của nhà nước.

Chủ động rà soát việc áp dụng, thi hành các văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý doanh nghiệp, từ đó liên tục cập nhật hệ thống văn bản quy phạm nội bộ.

Với cộng đồng

Cam kết đóng góp cho sự phát triển của đất nước thông qua các giá trị kinh tế.

Cam kết đóng góp cho cộng đồng thông qua các chương trình thúc đẩy sự phát triển, phúc lợi và bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng các địa phương, các chương trình giáo dục thể hệ trẻ...

Với khách hàng

Chủ động đặt ra những tiêu chuẩn cao nhất cho chất lượng sản phẩm, dịch vụ đưa ra thị trường, từ đó sẵn sàng cam kết rằng khách hàng có thể tin tưởng vào sản phẩm và dịch vụ của PLC.



Luôn quan tâm và lắng nghe nhu cầu khách hàng. Chủ động tìm giải pháp để xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình khách hàng sử dụng dịch vụ, sản phẩm của PLC một cách lịch sự, công bằng để duy trì và củng cố sự tin nhiệm của khách hàng với PLC.

Với cổ đông, nhà đầu tư

Cam kết phục vụ vì lợi ích cao nhất của cổ đông, đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển phần vốn góp của cổ đông cũng như tối đa giá trị cổ phiếu của doanh nghiệp.

Cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời và minh bạch về hoạt động của doanh nghiệp. Duy trì các chương trình kiểm toán chuyên nghiệp và cam kết đưa ra các báo cáo chất lượng, chính trực và minh bạch.

* PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Với chính phủ, cơ quan QLNN:

Tiếp tục tích cực áp dụng triển khai các chủ trương, chính sách, quy định mới của nhà nước; Tích cực tham gia và đóng góp ý kiến tại các hội nghị, hội thảo và chương trình làm việc chuyên ngành; Tích cực tương tác, chủ động đề xuất và đóng góp ý kiến điều chỉnh, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật; Tham gia các hội nghị, các tổ chức, hiệp hội.

Với cổ đông, nhà đầu tư:

Gặp gỡ, tham vấn tại ĐHĐCĐ trực tiếp/trực tuyến; Trao đổi với các cổ đông lớn liên quan đến các dự án đầu tư, kinh doanh; Tổ chức các chương trình gặp gỡ, giao lưu với nhà đầu tư; Tham vấn, lấy ý kiến bằng văn bản, email, mạng xã hội ...; Phát hành báo cáo thường niên, báo cáo phát triển bền vững.

Với khách hàng:

Cung cấp các sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng; Tham vấn lấy ý kiến, lắng nghe khách hàng trực tiếp/trực tuyến, qua email, mạng xã hội ...; Cập nhật thông tin qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

Với đối tác:

Đàm phán trong các chương trình làm việc, hội nghị trực tiếp/trực tuyến; Tiếp nhận thông tin phản hồi qua các kênh email, điện thoại, văn bản.

Với cộng đồng:

Phối hợp với chính quyền địa phương; Phổ biến và nâng cao nhận thức về an toàn môi trường.

Với CB-NLĐ:

Phản hồi và trao đổi qua email hoặc điện thoại; Tổ chức các buổi làm việc trực tuyến; Làm việc qua tổ chức công đoàn; Khảo sát ý kiến CB-NLĐ.

3. TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

Khối lượng nước thải trung bình của các kho, nhà máy của Tổng công ty: 18,8 m³/ngày đêm. Quá trình sản xuất, bảo quản hàng hóa tại các kho, nhà máy của Tổng công ty không sử dụng nước và không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất. Lượng nước phát sinh từ các Kho, Nhà máy chủ yếu là nước mưa chảy tràn bề mặt và nước sinh hoạt của khu nhà văn phòng.

Nước thải được thu gom vào rãnh thoát nước của Nhà máy, được xử lý qua các bể lắng gạn, sau đó đi vào hệ thống thoát nước của các Tổng kho xăng dầu trực thuộc Petrolimex trước khi chảy ra môi trường.

CHẤT THẢI RẮN (CTR):

Khối lượng chất thải sinh hoạt trung bình tại Kho, Nhà máy của PLC là 305 kg/tháng;

Chất thải sinh hoạt sau khi thu gom tại các Kho, Nhà máy sẽ chuyển giao cho các công ty môi trường thu gom, xử lý, như Công ty TNHH môi trường Đô thị Hải Phòng; Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Công ích Huyện Nhà Bè và Xí nghiệp Môi trường đô thị Gia Lâm.

TCT đã thực hiện khai báo hàng năm cơ sở dữ liệu môi trường định kỳ của TCT ngành Công thương;

Cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định, thông tư hướng dẫn mới về công tác bảo vệ môi trường của Chính phủ, Bộ Tài nguyên Môi trường, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU:

Nguyên vật liệu chính để sản xuất và pha chế dầu mỡ nhờn của Tổng công ty PLC là dầu gốc và phụ gia, đều phải nhập khẩu từ nước ngoài đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và theo tiêu chuẩn chất lượng do PLC công bố. PLC không sử dụng nguyên liệu tái chế để sản xuất sản phẩm.

Các sản phẩm bao bì, đóng gói thành phẩm dầu mỡ nhờn của PLC được sản xuất trong nước và là

bao bì mới. Các nhà cung cấp bao bì cho PLC đều đáp ứng các yêu cầu về quản lý môi trường.

PLC có quy trình xử lý sản phẩm mất phẩm chất. Các sản phẩm này được PLC ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ xử lý chất thải nguy hại được Nhà nước cấp phép thực hiện.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Là đơn vị kinh doanh các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, là các sản phẩm năng lượng không tái tạo, Tổng công ty luôn ý thức sử dụng tiết kiệm nhất nguyên liệu cũng như năng lượng điện và nhiên liệu hóa thạch.

GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh vừa nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời thể hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội. Việc cải tạo và nâng cấp hệ thống sản xuất hiện nay tại các nhà máy, đưa công nghệ mới vào sản xuất và bảo quản hàng hóa, chính là phương pháp mà PLC áp dụng để tiết kiệm nguồn năng lượng hiện đang sử dụng.



Tổng công ty PLC thực hiện giải pháp chiếu sáng tiết kiệm theo quy định về chiếu sáng tại Văn phòng và các khu vực sản xuất tại các Nhà máy, Kho DMN, NĐ, HC. Thống nhất sử dụng đèn Led thay thế cho đèn huỳnh quang để tiết kiệm năng lượng, đảm bảo các điều kiện an toàn vệ sinh lao động, an toàn phòng cháy và chữa cháy và tính thẩm mỹ.

NƯỚC

Quá trình sản xuất, bảo quản hàng hóa tại các kho, nhà máy của Tổng công ty không sử dụng nước và không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất.

Khối lượng nước tiêu thụ chủ yếu là để phục vụ cho sinh hoạt của khu nhà văn phòng.

Một lượng nước nhỏ chủ yếu được sử dụng làm nước dự trữ cứu hỏa, nước vệ sinh công nghiệp, lượng nước này không thuộc đối tượng phải theo dõi theo quy định của Luật tài nguyên nước.

Lượng nước này tùy theo chất lượng và mục đích sử dụng sẽ được kiểm soát trước khi thải ra môi trường. Đối với nước vệ sinh công nghiệp có lẫn dầu mỡ sẽ được đưa vào hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tổng công ty nhận thức được trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ môi trường. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, Tổng công ty đã phân công và bố trí cán bộ cập nhật và tuân thủ các qui định của pháp luật bảo vệ môi trường.

Thực hiện các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trước khi thực hiện dự án xây dựng và trong quá trình vận hành các Nhà máy dầu nhờn, Tổng công ty đều lập báo cáo và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM và lập kế hoạch BVMT.

Thông qua việc giám sát môi trường, Tổng công ty có thể nhận định: chất lượng môi trường không

khí, các thông số vi khí hậu và nước thải tại các khu vực Thượng Lũy, Nhà Bè, Đức Giang và các khu vực khác có kho, nhà máy của PLC đều đạt tiêu chuẩn cho phép. Sự quan tâm và ý thức bảo vệ môi trường đã được phổ biến, quán triệt tới toàn thể cán bộ, người lao động của Tổng công ty để thực hiện nghiêm các qui định của Pháp luật.

Bên cạnh việc đầu tư, phát triển hệ thống và công nghệ xử lý, Tổng công ty tiếp tục tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, xem công tác bảo vệ môi trường là mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Thông qua các Chương trình làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, TCT PLC đã có cơ hội được cập nhật, bổ sung các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường để trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu, thực hiện nghiêm các qui trình trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

4. HIỆU QUẢ KINH TẾ

Lập bảng số liệu tình hình kết quả kinh doanh giai đoạn 2018 – 2021

ĐVT: Triệu đồng

Năm	2018	2019	2020	2021	% Thay đổi 2021/2020
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	6.434.374	6.160.046	5.608.435	6.868.374	122,47%
Lợi nhuận trước thuế	194.953	185.361	189.948	220.718	116,20%
Lợi nhuận sau thuế	148.609	145.164	147.842	174.474	118,01%
Nộp ngân sách nhà nước	986.704	825.428	616.424	694.622	112,69%
Tổng tài sản	4.858.245	4.464.435	4.702.059	4.827.917	102,68%
Nợ phải trả	3.536.895	3.142.610	3.445.571	3.454.420	100,26%
Vốn chủ sở hữu	1.321.350	1.321.825	1.256.488	1.373.497	109,31%
Vốn cổ phần của chủ sở hữu	807.988	807.988	807.988	807.988	100,00%

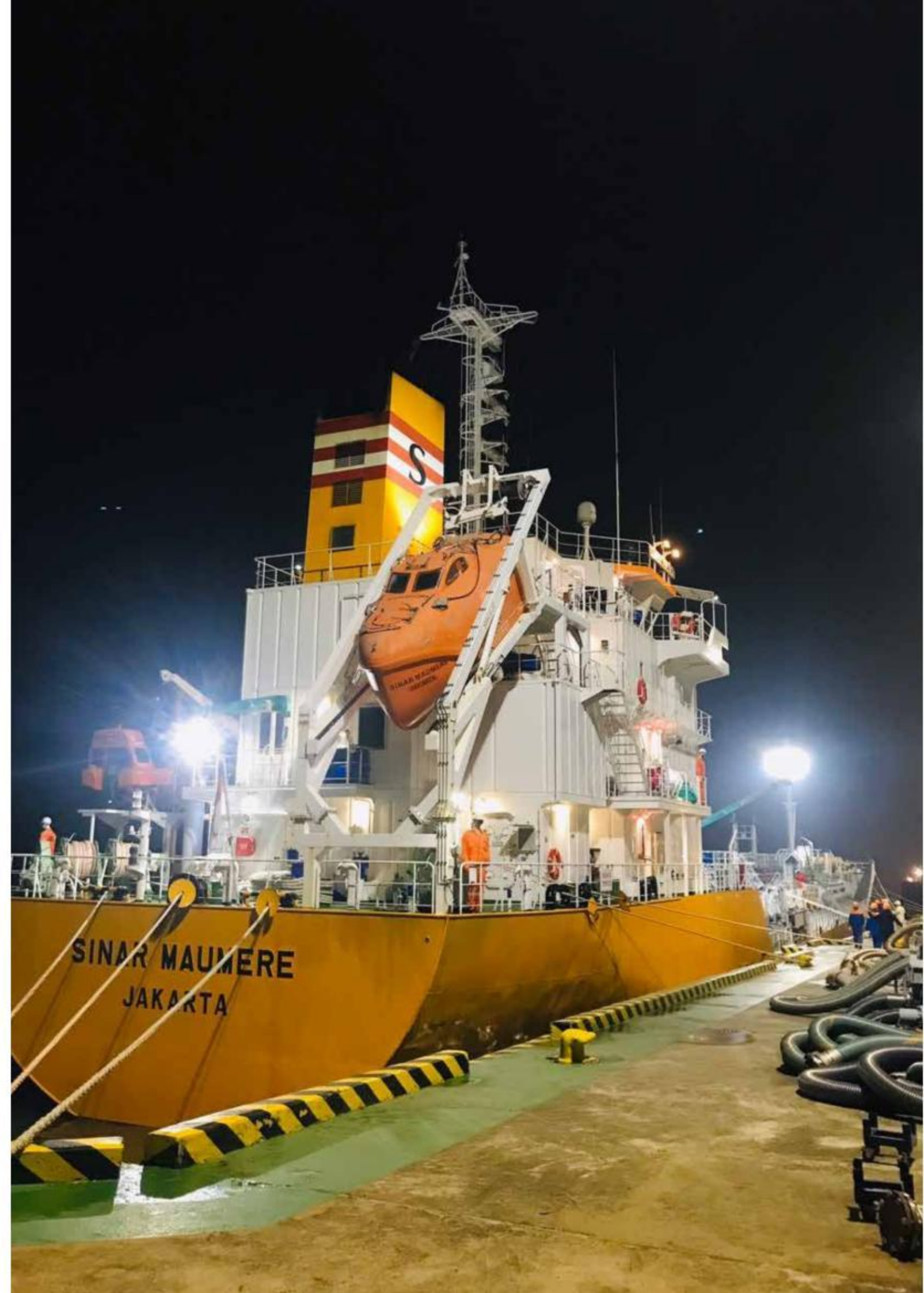
Bảng doanh thu theo vùng địa lý giai đoạn 2018 – 2021

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Doanh thu theo vùng địa lý		Tổng doanh thu
	Trong lãnh thổ Việt Nam	Ngoài lãnh thổ Việt Nam	
2018	6.272.872	161.502	6.434.374
2019	5.977.786	182.260	6.160.046
2020	5.394.040	214.394	5.608.435
2021	6.661.265	205.348	6.868.374

Khoản đóng góp ngân sách nhà nước

Tổng tiền thuế Tổng công ty nộp Ngân sách nhà nước trong năm 2021 là 694.442 triệu đồng, trong đó nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là 43.725 triệu đồng.



5. TIÊU CHUẨN XÃ HỘI

QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

TỔNG QUAN VỀ LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

Gần 30 năm xây dựng và trưởng thành, các thể hệ lãnh đạo tại Tổng công ty PLC luôn trân trọng những giá trị do người lao động tạo ra và đóng góp vào thành công chung của Tổng công ty PLC. Có thể nói, Tổng công ty PLC đã xây dựng được nguồn nhân lực vững mạnh, giàu nhiệt huyết, giỏi chuyên môn và gắn bó lâu dài với Tổng công ty. Do đó, Tổng công ty PLC không ngừng nâng cao các chính sách đãi ngộ, phúc lợi cho nhân viên nhằm tạo niềm tin và sự gắn kết lâu dài với Tổng công ty PLC.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Toàn Tổng công ty PLC tính đến 31/12/2021 gồm có 769 người, tăng 38 người so với thực tế tại thời điểm 01/01/2021.

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Về tiền lương, thu nhập :

Tổng công ty đã ban hành bản cấu trúc lương mới, thực hiện giao và quyết toán tiền lương cho các đơn vị theo lao động định biên, ngày càng gần tiền lương với năng suất lao động và hiệu quả công việc, hướng dẫn các đơn vị cơ sở thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo Quy chế.

Tiền lương bình quân của người lao động năm 2021 tăng 11,1% so với năm 2020.

Về các chế độ, chính sách đối với người lao động:

100 % NLĐ đều được lập sổ và đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ theo quy định của pháp luật, mua bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ cho toàn thể NLĐ. Áp dụng các biện pháp chống nóng, cải thiện điều kiện làm việc và sản xuất; Toàn Tổng công ty đã tổ chức tốt việc khám sức khỏe định kỳ, khám điều trị bệnh nghề nghiệp cho NLĐ, tổ chức khám bệnh chuyên khoa cho NLĐ nữ: 1 lần /năm theo đúng cam kết tại Thỏa ước LĐTĐ với tỷ lệ trên 96 % NLĐ tham gia khám bệnh.

Kế hoạch bảo hộ lao động của Tổng công ty, Công ty Nhựa đường, Công ty Hóa chất được xây dựng và triển khai thực hiện tốt, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ bồi dưỡng hiện vật, độc hại, trang cấp và sử dụng các phương tiện cá nhân theo tiêu chuẩn quy định có lợi nhất cho người lao động với tổng trị giá gần 01 tỷ đồng/năm; Công ty Hóa chất đã bổ sung thêm một số trang thiết bị bảo hộ chuyên ngành, đặc chủng cho người lao động. Ngoài quần áo bảo hộ lao động, Tổng công ty còn trang cấp đồng phục PLC cho cán bộ - người lao động.

Trích nộp kinh phí Công đoàn từ chi phí cho tổ chức Công đoàn hoạt động là 1,8 tỷ đồng (2% mức lương đóng bảo hiểm), trong đó nộp Công đoàn cấp trên là 609 triệu đồng.

Về chế độ ăn ca, bồi dưỡng hiện vật, trang bị bảo hộ lao động... đã thực hiện đầy đủ, đúng chế độ theo quy định.

Về các chế độ khác: Ngoài thực hiện chi trả các khoản theo quy định của Nhà nước và Tập đoàn, Tổng công ty còn áp dụng thêm các chính sách: Tặng quà cho Người lao động nhân ngày lễ tết, ngày thành lập Tổng công ty và khi về nghỉ hưu; Hỗ trợ công tác phí cho người lao động làm việc xa nhà; Tổ chức thăm hỏi hiếu, hỷ; Trợ cấp đột xuất cho CB-NLĐ khi gặp khó khăn, hoạn nạn

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Công tác khuyến học và chăm sóc thiếu niên, nhi đồng:

Tổng công ty tặng quà cho con CB - NLĐ trong độ tuổi thiếu niên, nhi đồng vào các dịp Quốc tế Thiếu nhi - 1/6 và Tết Trung thu; Thưởng cho con CB-NLĐ đạt học sinh giỏi trong học tập và đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi từ cấp huyện trở lên. Năm 2021, tại Tổng công ty PLC có 01 cháu là con CB-NLĐ đạt giải trong các kỳ thi cấp quốc gia, quốc tế năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021 được Công đoàn Công thương khen thưởng; 01 gia đình có con được khen thưởng cũng đạt Gia đình CNVC-LĐ tiêu biểu ngành Công thương năm 2021.

Công tác an sinh - xã hội:

Năm 2021, Tổng công ty PLC dành 3.246,500 triệu đồng để thực hiện công tác An sinh xã hội. Tổng công ty tiếp tục duy trì phụng dưỡng 01 Bà Mẹ VNAH tại Đà Nẵng từ 1996 đến nay; tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa, ủng hộ hội khuyến học, hội người cao tuổi, nạn nhân chất độc màu da cam, hội bảo trợ người già tàn tật và trẻ mồ côi, quỹ vì người nghèo, nhà tình thương, đồng bào bị thiên tai bão lụt, thảm họa, trường học, thương binh, gia đình liệt sĩ, sinh viên nghèo vượt khó....

Hưởng ứng Lễ phát động toàn dân chung tay phòng, chống dịch COVID-19 do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp phát động, TCT PLC đã tham gia ủng hộ kinh phí cho công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Công đoàn và Đoàn Thanh niên phối hợp tổ chức Giải chạy "PLC Race 27 Years" chào mừng Tháng Công nhân và 27 năm thành lập TCT PLC, mỗi km chạy được 2.700 đồng; Tổng cộng gây quỹ được 125 triệu đồng.

Bên cạnh đó, chung tay, đồng hành cùng CB-NLĐ Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương, Xí nghiệp kho vận Xăng dầu K132 đẩy lùi dịch bệnh; ngày 04/03/2021, Công đoàn TCT PLC đã trao 30 triệu đồng hỗ trợ CB-NLĐ Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương, Xí nghiệp kho vận Xăng dầu K132 để trang bị các dụng cụ, thiết bị phòng chống dịch Covid.

Thực hiện công văn số 45/2021/PLX-CV-CĐ ngày 21/05/2021 của Công đoàn Xăng dầu Việt Nam (CĐXDVN) v/v Hỗ trợ kinh phí phòng, chống Covid-19 lần thứ 4; Công đoàn Tổng công ty PLC đã thực hiện chi số tiền do CĐXDVN hỗ trợ là: 317.400.000 đồng đến đúng các đối tượng, kịp thời động viên các CB-NLĐ có bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Chi hỗ trợ bữa ăn cho CB-NLĐ thực hiện 3 tại chỗ theo công văn số 100/2021/PLX-CV-CĐ ngày 06/09/2021 số tiền 137.000.000 đồng. Chi thăm hỏi động viên nữ CB-NLĐ nhân ngày 20/10 Tổng công ty PLC đã thực hiện chi số tiền do CĐXDVN hỗ trợ là 90.500.000 đồng.

Công đoàn Tổng công ty PLC đã chi 661.800.000 đồng; Các Công đoàn CSTV đã chi 687.000.000 đồng. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã trích từ Quỹ Khen thưởng phúc lợi tập trung số tiền 383.800.000 đồng ; Chính quyền các đơn vị 1.434.000.000 đồng.





CHƯƠNG VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty") tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0101463614 ngày 28 tháng 10 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 28 tháng 10 năm 2020.

Hội đồng Quản trị	Ông Đỗ Hữu Tạo	Chủ tịch
	Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên
	Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên
	Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
	Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên
	Ông Nguyễn Thanh Khương	Thành viên
	Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên (đến hết ngày 31/7/2021)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Quang Tuấn	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Khương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Long	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2022)
	Bà Trần Hồng Diễm	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2022)
Ban Kiểm soát	Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
	Bà Đinh Thị Kiều Trang	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 19/4/2021)
	Ông Tống Văn Hải	Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 19/4/2021)
Trụ sở đăng ký	Tầng 18&19, Số 229 Phố Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

a. báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

b. tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày X tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 39 trong báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày vấn đề không chắc chắn trọng yếu liên quan đến các khoản nợ tiềm ẩn về thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm chưa bao gồm ảnh hưởng của các khoản nợ tiềm ẩn này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề trên.

Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam
 Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00197/1-22-2



Đàm Xuân Lâm
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số: 0861-2018-007-1
 Phó Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022



Đoàn Thanh Toàn
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.782.712.781.572	3.550.517.092.811
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	375.858.619.235	698.532.673.835
Tiền	111		215.858.619.235	258.532.673.835
Các khoản tương đương tiền	112		160.000.000.000	440.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		697.703.078.264	459.448.361.794
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	697.703.078.264	459.448.361.794
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.408.666.766.937	1.302.813.513.556
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.642.759.656.633	1.496.779.200.590
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.235.205.921	24.429.267.527
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	21.937.283.319	15.339.650.452
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(276.271.626.174)	(233.771.284.612)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		6.247.238	36.679.599
Hàng tồn kho	140	10	1.246.675.651.140	1.041.011.268.142
Hàng tồn kho	141		1.250.322.237.801	1.044.108.970.903
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.646.586.661)	(3.097.702.761)
Tài sản ngắn hạn khác	150		53.808.665.996	48.711.275.484
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.128.342.735	1.603.164.681
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		48.999.112.759	43.695.627.267
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	2.681.210.502	3.412.483.536

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.045.204.628.014	1.151.541.644.265
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.164.635.674	5.113.695.674
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	5.164.635.674	5.113.695.674
Tài sản cố định	220		818.660.394.469	879.626.601.997
Tài sản cố định hữu hình	221	11	815.107.137.626	875.357.823.678
Nguyên giá	222		1.678.635.162.387	1.637.487.316.264
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(863.528.024.761)	(762.129.492.586)
Tài sản cố định vô hình	227	12	3.553.256.843	4.268.778.319
Nguyên giá	228		11.569.415.312	11.569.415.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.016.158.469)	(7.300.636.993)
Tài sản dở dang dài hạn	240		30.929.120.736	52.164.580.380
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	30.929.120.736	52.164.580.380
Đầu tư tài chính dài hạn	250		23.143.116.923	31.646.105.597
Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	23.143.116.923	31.646.105.597
Tài sản dài hạn khác	260		167.307.360.212	182.990.660.617
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	163.072.443.118	182.990.660.617
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	4.234.917.094	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.827.917.409.586	4.702.058.737.076

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.454.420.467.766	3.445.570.605.727
Nợ ngắn hạn	310		3.453.252.593.685	3.403.973.245.480
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.720.501.355.026	1.365.651.698.318
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		60.565.446.810	77.841.931.283
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	38.494.879.480	21.984.237.388
Phải trả người lao động	314		62.238.651.818	33.154.764.492
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	11.816.871.895	15.151.412.699
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	8.386.133.471	42.755.249.550
Vay ngắn hạn	320	21	1.548.634.597.063	1.844.984.164.515
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	2.614.658.122	2.449.787.235
Nợ dài hạn	330		1.167.874.081	41.597.360.247
Vay dài hạn	338		-	39.868.546.141
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	1.167.874.081	1.728.814.106
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.373.496.941.820	1.256.488.131.349
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.373.496.941.820	1.256.488.131.349
Vốn cổ phần	411	24	807.988.390.000	807.988.390.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	24	(12.730.000)	(12.730.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(2.261.093.904)	(1.392.874.232)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	366.768.289.168	357.760.233.042
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		21.304.975.461	21.423.191.358
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		175.681.861.095	66.694.671.181
LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.207.438.640	-
LNST năm nay	421b		174.474.422.455	66.694.671.181
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.827.917.409.586	4.702.058.737.076

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:




Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	28	6.868.373.840.486	5.608.434.652.325
Giá vốn hàng bán	11	29	5.933.348.520.659	4.656.912.122.834
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		935.025.319.827	951.522.529.491
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	95.151.357.236	78.025.090.629
Chi phí tài chính	22	31	80.017.828.087	118.017.780.134
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		70.700.675.506	106.168.503.455
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	24		(8.502.988.674)	113.075.439
Chi phí bán hàng	25	32	542.271.696.598	528.106.657.024
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	187.301.419.993	204.213.715.090
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		212.082.743.711	179.322.543.311
Thu nhập khác	31	34	12.175.302.787	14.842.792.539
Chi phí khác	32		3.539.746.781	4.217.058.220
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		8.635.556.006	10.625.734.319
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		220.718.299.717	189.948.277.630
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	51.039.734.381	41.790.313.187
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	(4.795.857.119)	316.206.233
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		174.474.422.455	147.841.758.210
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ	61		174.474.422.455	147.841.758.210
				Đã điều chỉnh lại
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.960	1.631

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:




Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	220.718.299.717	189.948.277.630
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	107.708.332.734	98.512.665.043
Các khoản dự phòng	03	43.049.225.462	61.910.406.384
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.961.811.841)	(1.865.637.647)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(36.691.096.445)	(49.215.063.271)
Chi phí lãi vay	06	70.700.675.506	106.168.503.455
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động			
	08	403.523.625.133	405.459.151.594
Biến động các khoản phải thu			
Biến động các khoản phải thu	09	(150.924.729.169)	209.747.026.516
Biến động hàng tồn kho	10	(206.213.266.898)	(54.218.008.478)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	396.752.134.676	91.822.436.112
Biến động chi phí trả trước	12	16.863.620.763	(8.554.600.702)
		460.001.384.505	644.256.005.042
Tiền lãi vay đã trả	14	(72.338.172.935)	(105.588.953.032)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(44.286.241.482)	(41.355.388.877)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.915.522.542)	(15.427.330.429)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
	20	327.461.447.546	481.884.332.704
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(43.376.104.734)	(54.065.806.408)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	491.000.000	645.842.997
Tiền chi mua công cụ nợ thuần	23	(238.254.716.470)	(199.448.361.794)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	42.463.087.636	51.348.582.456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
	30	(238.676.733.568)	(201.519.742.749)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	4.337.873.138.692	4.088.669.599.539
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.673.996.313.789)	(3.917.631.338.951)
Tiền trả cổ tức	36	(74.320.893.550)	(167.786.153.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
	40	(410.444.068.647)	3.252.106.838
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)			
	50	(321.659.354.669)	283.616.696.793
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	698.532.673.835	416.998.526.083
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.014.699.931)	(2.082.549.041)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	375.858.619.235	698.532.673.835

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

a. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Petrolimex"), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty bao gồm Tổng công ty và các công ty con và lợi ích của Tổng công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

b. Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty và các công ty con là:

Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;

Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;

Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;

Kinh doanh bất động sản; và

Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

c. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

d. Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty có 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2 (1/1/2021: 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2) như sau:

			31/12/2021 và 1/1/2021
	Hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết
Công ty con cấp 1			
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
Công ty con cấp 2			
Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào (*)	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Viêng-chăn, Lào	100%

(*) Đây là công ty con của Công ty TNHH Nhựa Đường. Công ty được thành lập trong năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 14.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty và các công ty con có 769 nhân viên (1/1/2021: 731 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

a. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

b. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

c. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

d. Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

a. Cơ sở hợp nhất

i. Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

ii. Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

iii. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại công ty liên kết.

b. Ngoại tệ

i. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

ii. Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

c. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

d. Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

e. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

f. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

g. Tài sản cố định hữu hình

i. Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

ii. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 17 năm
dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

h. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 - 10 năm.

i. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

j. Chi phí trả trước dài hạn

i. Chi phí đầu tư sàn văn phòng

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc thuê văn phòng tại Tầng 18 và Tầng 19 Tòa nhà Mipex, Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm thuê đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

ii. Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

iii. Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định pháp luật hiện hành. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

iv. Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

v. Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí vận tải trả trước và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

k. Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

l. Dự phòng

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

m. Vốn cổ phần

i. Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

ii. Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

n. Vốn khác và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Khi quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phần được sử dụng được kết chuyển tăng vốn khác của Tổng Công ty.

o. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

p. Doanh thu và thu nhập khác

i. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

ii. Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

q. Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

r. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

s. Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty sau khi trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm kết thúc cùng ngày, Tổng công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

t. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

u. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan để cập tới công ty mẹ là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Tập đoàn") và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

v. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm trước.

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn;

Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường; và

Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Dầu mỡ nhờn		Nhựa đường		Hóa chất		Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.505.018.573.865	2.814.263.457.318	2.549.091.809.303						6.868.373.840.486	-
Doanh thu giữa các bộ phận	6.884.328.390	230.263.198	-				(7.114.591.588)		-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.511.902.902.255	2.814.493.720.516	2.549.091.809.303				(7.114.591.588)		6.868.373.840.486	
Giá vốn hàng bán	1.085.781.657.983	2.436.510.169.568	2.418.171.284.696				(7.114.591.588)		5.933.348.520.659	
Chi phí bán hàng	201.584.294.374	247.117.257.005	93.570.145.219				-		542.271.696.598	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	82.855.611.828	86.234.567.826	18.211.240.339				-		187.301.419.993	
Kết quả kinh doanh của bộ phận	141.681.338.070	44.631.726.117	19.139.139.049				-		205.452.203.236	
Doanh thu hoạt động tài chính	9.964.950.918	71.898.211.111	18.036.993.571				(4.748.798.364)		95.151.357.236	
Chi phí tài chính	18.218.517.026	32.307.566.626	37.994.733.109				(8.502.988.674)		80.017.828.087	
Phần lỗ trong công ty liên kết	-	-	-				(8.502.988.674)		(8.502.988.674)	
Thu nhập khác	6.306.968.937	4.219.177.628	1.649.156.222				-		12.175.302.787	
Chi phí khác	3.456.342.231	71.916.629	11.487.921				-		3.539.746.781	
Kết quả từ các hoạt động khác	(5.402.939.402)	43.737.905.484	(18.320.071.237)				(4.748.798.364)		15.266.096.481	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	136.278.398.668	88.369.631.601	819.067.812				(4.748.798.364)		220.718.299.717	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.842.365.680	23.966.068.284	231.300.417				-		51.039.734.381	
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(4.795.857.119)	-				-		(4.795.857.119)	
Lợi nhuận thuần sau thuế	109.436.032.988	69.199.420.436	587.767.395				(4.748.798.364)		174.474.422.455	

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Dấu mờ nhòe		Nhựa đường		Hóa chất	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất		Tổng cộng
	VND		VND		VND	VND	VND	
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.383.891.079.329		2.524.846.889.555		1.699.696.683.441	-	5.608.434.652.325	
Doanh thu giữa các bộ phận	5.811.286.736		457.150.072		11.110.000	(6.279.546.808)	-	
Tổng doanh thu của bộ phận	1.389.702.366.065		2.525.304.039.627		1.699.707.793.441	(6.279.546.808)	5.608.434.652.325	
Giá vốn hàng bán	940.521.431.257		2.171.053.974.368		1.551.616.264.017	(6.279.546.808)	4.656.912.122.834	
Chi phí bán hàng	208.680.806.878		227.808.994.897		91.616.855.249	-	528.106.657.024	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	78.720.908.872		107.215.438.613		18.277.367.605	-	204.213.715.090	
Kết quả kinh doanh của bộ phận	161.779.219.058		19.225.631.749		38.197.306.570	-	219.202.157.377	
Doanh thu hoạt động tài chính	17.965.282.729		59.458.427.546		15.451.859.920	(14.850.479.566)	78.025.090.629	
Chi phí tài chính	8.955.503.665		55.032.048.561		53.917.152.469	113.075.439	118.017.780.134	
Phần lãi trong công ty liên kết	-		-		-	113.075.439	113.075.439	
Thu nhập khác	4.521.057.899		8.607.039.472		1.714.695.168	-	14.842.792.539	
Chi phí khác	3.314.522.536		5.900.426		896.635.258	-	4.217.058.220	
Kết quả từ các hoạt động khác	10.216.314.427		13.027.518.031		(37.647.232.639)	(14.850.479.566)	(29.253.879.747)	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	171.995.533.485		32.253.149.780		550.073.931	(14.850.479.566)	189.948.277.630	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34.038.179.122		7.320.266.128		431.867.937	-	41.790.313.187	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-		316.206.233		-	-	316.206.233	
Lợi nhuận thuần sau thuế	137.957.354.363		24.616.677.419		118.205.994	(14.850.479.566)	147.841.758.210	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Dấu mờ nhòe		Nhựa đường		Hóa chất	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất		Tổng cộng
	VND		VND		VND	VND	VND	
Tài sản								
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.925.573.172		308.869.992.478		11.063.053.585	-		375.858.619.235
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-		697.703.078.264		-	-		697.703.078.264
Các khoản phải thu ngắn hạn	97.145.674.907		422.368.012.461		903.065.569.148	(13.912.489.579)		1.408.666.766.937
Hàng tồn kho	659.636.569.864		316.508.168.395		270.530.912.881	-		1.246.675.651.140
Tài sản ngắn hạn khác	20.917.748.482		15.733.173.229		17.157.744.285	-		53.808.665.996
Các khoản phải thu dài hạn	-		4.318.278.237		846.357.437	-		5.164.635.674
Tài sản cố định	277.981.239.765		361.791.296.498		178.887.858.206	-		818.660.394.469
Tài sản dở dang dài hạn	9.195.673.231		4.900.381.225		16.833.066.280	-		30.929.120.736
Đầu tư tài chính dài hạn	638.843.116.923		-		-	(615.700.000.000)		23.143.116.923
Tài sản dài hạn khác	76.609.968.484		25.536.119.538		65.161.272.190	-		167.307.360.212
Tổng tài sản	1.836.255.564.828		2.157.728.500.325		1.463.545.834.012	(629.612.489.579)		4.827.917.409.586
Nguồn vốn								
Nợ ngắn hạn	539.826.929.004		1.720.038.977.676		1.207.299.176.584	(13.912.489.579)		3.453.252.593.685
Nợ dài hạn	-		1.167.874.081		-	-		1.167.874.081
Vốn chủ sở hữu	1.296.428.635.824		436.521.648.568		256.246.657.428	(615.700.000.000)		1.373.496.941.820
Tổng nguồn vốn	1.836.255.564.828		2.157.728.500.325		1.463.545.834.012	(629.612.489.579)		4.827.917.409.586
Chỉ tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021								
Chỉ tiêu vốn	17.974.844.392		22.919.266.821		2.481.993.521	-		43.376.104.734
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	48.785.985.019		33.873.704.119		20.585.091.154	-		103.244.780.292
Khấu hao tài sản cố định vô hình	230.956.236		460.065.240		24.500.000	-		715.521.476

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2021

	Dấu mờ nhòe		Nhựa đường		Hóa chất		Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất		Tổng cộng
	VND		VND		VND		VND		VND
Tài sản									
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.587.710.609	649.116.613.641	6.828.349.585	-	-	-	-	698.532.673.835	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	459.448.361.794	-	-	-	-	-	459.448.361.794	
Các khoản phải thu ngắn hạn	100.233.705.149	443.058.681.474	768.798.363.048	(9.277.236.115)	-	-	-	1.302.813.513.556	
Hàng tồn kho	360.665.045.768	163.309.476.447	517.036.745.927	-	-	-	-	1.041.011.268.142	
Tài sản ngắn hạn khác	-	23.559.797.072	25.151.478.412	-	-	-	-	48.711.275.484	
Các khoản phải thu dài hạn	-	4.267.338.237	846.357.437	-	-	-	-	5.113.695.674	
Tài sản cố định	304.122.582.247	376.900.950.390	198.603.069.360	-	-	-	-	879.626.601.997	
Tài sản dở dang dài hạn	17.514.033.621	21.495.858.496	13.154.688.263	-	-	-	-	52.164.580.380	
Đầu tư tài chính dài hạn	647.346.105.597	-	-	(615.700.000.000)	-	-	-	31.646.105.597	
Tài sản dài hạn khác	83.087.474.725	30.121.104.177	69.782.081.715	-	-	-	-	182.990.660.617	
Tổng tài sản	1.555.556.657.716	2.171.278.181.728	1.600.201.133.747	(624.977.236.115)	4.702.058.737.076				
Nguồn vốn									
Nợ ngắn hạn	318.574.845.405	1.790.120.144.611	1.304.555.491.579	(9.277.236.115)	-	-	-	3.403.973.245.480	
Nợ dài hạn	-	1.728.814.106	39.868.546.141	-	-	-	-	41.597.360.247	
Vốn chủ sở hữu	1.236.981.812.311	379.429.223.011	255.777.096.027	(615.700.000.000)	-	-	-	1.256.488.131.349	
Tổng nguồn vốn	1.555.556.657.716	2.171.278.181.728	1.600.201.133.747	(624.977.236.115)	4.702.058.737.076				
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020									
Chi tiêu vốn	33.968.394.329	6.310.086.659	13.787.325.420	-	-	-	-	54.065.806.408	
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	44.193.857.077	18.097.270.681	33.401.045.050	-	-	-	-	95.692.172.808	
Khấu hao tài sản cố định vô hình	249.073.838	6.314.583	440.387.121	-	-	-	-	695.775.542	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	5.959.901.479	4.516.204.163
Tiền gửi ngân hàng	209.898.717.756	254.016.469.672
Các khoản tương đương tiền	160.000.000.000	440.000.000.000
	375.858.619.235	698.532.673.835

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất năm 4% (1/1/2021: 3,7% đến 4,25%).

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN – NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 đến 6 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 5,3% đến 5,5% một năm (1/1/2021: 5% đến 5,8% một năm).

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các công ty liên quan		
Các công ty thuộc Petrolimex	29.905.466.473	43.089.323.928
Các bên khác		
Công ty TNHH Hóa chất Thái Bình Dương	131.400.721.340	72.638.298.996
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Song Anh	120.270.859.801	112.791.232.775
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	117.033.496.910	87.528.814.795
Công ty TNHH Thương mại Hà Anh Phát	105.469.344.406	75.275.929.890
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Việt Quang Phát	93.796.995.473	92.168.381.288
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hà Anh Phát	79.767.977.337	82.550.019.609
Các khách hàng khác	965.114.794.893	930.737.199.309
	1.612.854.190.160	1.453.689.876.662
	1.642.759.656.633	1.496.779.200.590

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. PHẢI THU KHÁC

a. Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	11.064.134.170	9.207.870.074
Lãi tiền gửi dự thu	3.402.258.592	1.162.261.109
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.470.890.557	4.969.519.269
	21.937.283.319	15.339.650.452

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b. Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đặt cọc cho dự án Kho Nhựa Đường	3.825.000.000	3.825.000.000
Đặt cọc cho sử dụng dịch vụ khu công nghiệp	846.357.437	846.357.437
Đặt cọc thuê văn phòng	493.278.237	442.338.237
	5.164.635.674	5.113.695.674

9. NỢ XẤU VÀ NỢ KHÓ ĐÒI

31/12/2021	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	34.868.696.722	(11.997.570.751)	22.871.125.971
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	30.884.847.286	(25.602.429.023)	5.282.418.263
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	38.091.399.086	(36.141.597.718)	1.949.801.368
Từ 3 năm trở lên	202.530.028.682	(202.530.028.682)	-
	306.374.971.776	(276.271.626.174)	30.103.345.602
Trong đó:			
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn		(276.271.626.174)	

1/1/2021	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	66.937.697.015	(18.960.825.223)	47.976.871.792
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	56.288.680.822	(25.765.434.994)	30.523.245.828
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	42.601.427.348	(29.820.737.765)	12.780.689.583
Từ 3 năm trở lên	159.224.286.630	(159.224.286.630)	-
	325.052.091.815	(233.771.284.612)	91.280.807.203
Trong đó:			
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn		(233.771.284.612)	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	234.827.096.209	-	209.994.916.494	-
Nguyên vật liệu	289.538.979.866	-	199.414.515.151	-
Công cụ và dụng cụ	20.430.147.003	-	13.016.631.308	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.464.873.338	-	15.909.213.639	-
Thành phẩm	362.862.082.769	1.055.506.361	231.915.902.821	410.263.300
Hàng hóa	293.199.058.616	2.591.080.300	373.857.791.490	2.687.439.461
	1.250.322.237.801	3.646.586.661	1.044.108.970.903	3.097.702.761

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 3.657 triệu VND (1/1/2021: 3.112 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Dụng cụ văn phòng		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	862.053.409.081	532.273.465.937	211.136.887.312	32.023.553.934		1.637.487.316.264
Tăng trong năm	403.245.491	5.304.331.328	3.539.935.052	6.201.548.415		15.449.060.286
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.199.535.275	1.844.763.104	17.223.594.543	-		25.267.892.922
Thanh lý	-	-	(2.323.759.000)	-		(2.323.759.000)
Điều chỉnh khác	2.332.152.352	422.499.563	-	-		2.754.651.915
Số dư cuối năm	870.988.342.199	539.845.059.932	229.576.657.907	38.225.102.349		1.678.635.162.387
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	327.642.879.282	268.251.883.225	141.663.704.302	24.571.025.777		762.129.492.586
Khấu hao trong năm	50.503.841.664	36.011.928.648	12.807.329.342	3.921.680.638		103.244.780.292
Thanh lý	-	-	(2.323.759.000)	-		(2.323.759.000)
Điều chỉnh khác	219.409.196	314.051.168	(29.032.577)	(26.916.904)		477.510.883
Số dư cuối năm	378.366.130.142	304.577.863.041	152.118.242.067	28.465.789.511		863.528.024.761
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	534.410.529.799	264.021.582.712	69.473.183.010	7.452.528.157		875.357.823.678
Số dư cuối năm	492.622.212.057	235.267.196.891	77.458.415.840	9.759.312.838		815.107.137.626

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản với nguyên giá 304.130 triệu VND (1/1/2021: 268.945 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	11.569.415.312
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.300.636.993
Khấu hao trong năm	715.521.476
Số dư cuối năm	8.016.158.469
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.268.778.319
Số dư cuối năm	3.553.256.843

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có tài sản với nguyên giá 3.814 triệu VND (1/1/2021: 3.814 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	52.164.580.380	187.356.203.753
Tăng trong năm	11.574.777.066	53.522.388.618
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(25.267.892.922)	(174.692.260.766)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.218.612.284)	(12.320.677.371)
Giảm khác	(6.323.731.504)	(1.701.073.854)
Số dư cuối năm	30.929.120.736	52.164.580.380

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP		
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	430.000.000	1.496.667.824
Tài sản chờ lắp đặt	794.600.000	5.145.000.000
Các công trình khác	7.971.073.231	10.872.365.797
	9.195.673.231	17.514.033.621
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
Dự án xây dựng Kho Cam Ranh	2.233.225.499	2.233.225.499
Các dự án khác	2.667.155.726	19.262.632.997
	4.900.381.225	21.495.858.496
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
Công trình kho hóa chất dung môi Đình Vũ	16.191.201.985	12.390.401.113
Các dự án khác	641.864.295	764.287.150
	16.833.066.280	13.154.688.263
	30.929.120.736	52.164.580.380

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		31/12/2021		1/1/2021	
Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết
			VND		VND
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	6.600.000	43,78%	23.143.116.923	6.600.000
					43,78%
					31.646.105.597

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì trong năm số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	31.646.105.597	31.533.030.158
Phần (lỗ)/lợi nhuận trong công ty liên kết	(8.502.988.674)	113.075.439
Số dư cuối năm	23.143.116.923	31.646.105.597

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Chi phí đầu tư sàn văn phòng	Chi phí đất trả trước	Công cụ và dụng cụ	Chi phí sửa chữa lớn	Chi phí khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	59.007.574.930	64.790.548.402	14.728.113.476	23.904.086.062	20.560.337.747	182.990.660.617
Tăng trong năm	-	-	4.534.436.122	14.644.206.278	5.105.275.625	24.283.918.025
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	1.218.612.284	1.218.612.284
Phân bổ trong năm	(1.293.616.759)	(2.454.414.207)	(7.602.505.541)	(16.758.777.143)	(17.311.434.158)	(45.420.747.808)
Số dư cuối năm	57.713.958.171	62.336.134.195	11.660.044.057	21.789.515.197	9.572.791.498	163.072.443.118

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ ĐÃ ĐƯỢC GHI NHẬN

Thuế suất	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng phải thu khó đòi	20%	4.234.917.094
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Khác	10 - 14%	1.167.874.081
		1.728.814.106

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	196.533.294.114	89.804.848.721
Các công ty thuộc Petrolimex	6.684.581.986	8.237.807.997
Công ty TNHH Castrol BP PETCO	1.846.742.879	1.777.458.790
	205.064.618.979	99.820.115.508
Các bên khác		
Hiin Asia Pacific Pte. Ltd.	185.543.361.556	157.412.344.656
Nantong Baichuan New Materials Co., Ltd.	99.529.800.894	-
Sinopec Chemical Commercial Hong Kong	90.304.359.936	35.729.689.966
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hà Anh Phát	47.805.889.427	46.055.889.427
Orient-Salt Chemicals (Shanghai) Co., Ltd.	37.350.139.770	-
Exxonmobil Asia Pacific Pte. Ltd.	21.300.770.000	-
Petrochem Middle East Fze	-	76.153.526.060
Petronas Chemical Marketing	-	62.341.119.219
Yip's Industrial Holdings Limited	-	40.229.092.191
LC Upas (*)	893.231.248.383	633.502.384.856
Các nhà cung cấp khác	140.371.166.081	214.407.536.435
	1.515.436.736.047	1.265.831.582.810
	1.720.501.355.026	1.365.651.698.318

(*) Đây là các khoản phải trả nhà cung cấp đã được các ngân hàng thanh toán hộ dưới hình thức LC Upas. Tổng Công ty sẽ phải thanh toán lại cho ngân hàng trong vòng từ 3 đến 11 tháng kể từ ngày ngân hàng thanh toán hộ và chịu chi phí LC Upas theo quy định của ngân hàng.

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 - 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	1/1/2021		Số phát sinh trong năm		31/12/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	7.998.734.665	1.598.029.179.435	(573.030.210.454)	-	21.035.817.418
Thuế nhập khẩu	-	-	9.576.373.982	(9.576.373.982)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.246.321.265	6.033.452.039	51.039.734.381	(44.286.241.482)	2.294.971.352	11.835.595.025
Thuế bảo vệ môi trường	-	5.530.674.052	53.996.926.620	(55.033.087.220)	-	4.494.513.452
Thuế thu nhập cá nhân	1.317.271	2.419.630.400	8.959.155.581	(10.306.629.700)	56.391.220	1.127.230.230
Thuế khác	164.845.000	1.746.232	2.224.543.261	(2.389.569.068)	329.847.930	1.723.355
	3.412.483.536	21.984.237.388	1.723.825.913.260	(694.622.111.906)	2.681.210.502	38.494.879.480

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn	7.754.659.880	9.005.599.756
Chi phí lãi vay phải trả	-	579.550.423
Chi phí phải trả khác	4.062.212.015	5.566.262.520
	11.816.871.895	15.151.412.699

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả cổ tức	1.875.473.000	35.797.583.550
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.799.719.440	2.239.404.631
Các khoản phải trả khác	3.710.941.031	4.718.261.369
	8.386.133.471	42.755.249.550

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

21. VAY NGẮN HẠN

	1/1/2021	Biến động trong năm	31/12/2021
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay ngắn hạn	1.835.017.024.225	4.337.873.138.692	(4.624.160.627.358)
Vay dài hạn đến hạn trả	9.967.140.290	-	(9.967.140.290)
	1.844.984.164.515	4.337.873.138.692	(4.634.127.767.648)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm %	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2,8	257.377.368.696	264.681.561.260
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	2,6	77.513.747.358	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	4,0 – 5,4	-	60.237.669.970
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (*)	VND	4,7	113.963.606.268	118.038.444.932
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	4,0	47.996.258.136	125.346.467.009
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,0 – 5,2	380.947.303.429	615.422.533.268
Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	2,5	-	50.460.256.941
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	USD	3,5	125.520.390.775	117.424.428.752
Ngân hàng BNP Paribas (*)	VND	3,9 – 4,1	233.082.172.010	151.112.528.094
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	VND	5,1	184.986.269.770	332.293.133.999
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	USD	3,5	127.247.480.621	-
			1.548.634.597.063	1.835.017.024.225

(*) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC và các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng BNP Paribas của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex được bảo lãnh bởi Tổng công ty.

Các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 6 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	2.449.787.235	6.470.830.816
Trích lập trong năm	16.080.393.429	9.305.361.508
Tăng khác	-	2.100.925.340
Sử dụng trong năm	(15.915.522.542)	(15.427.330.429)
Số dư cuối năm	2.614.658.122	2.449.787.235

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

23. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	486.759.603	345.201.116.411	21.073.673.140	143.060.827.140	1.321.825.286.294
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	147.841.758.210	147.841.758.210
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(9.305.361.508)	(9.305.361.508)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	12.559.116.631	-	(12.559.116.631)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	-	(201.993.915.000)	(201.993.915.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(1.879.633.835)	-	-	-	(1.879.633.835)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	349.518.218	(349.521.030)	(2.812)
Số dư tại ngày 1/1/2021	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(1.392.874.232)	357.760.233.042	21.423.191.358	66.694.671.181	1.256.488.131.349
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	174.474.422.455	174.474.422.455
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(16.080.393.429)	(16.080.393.429)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	9.008.056.126	-	(9.008.056.126)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	-	(40.398.783.000)	(40.398.783.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(868.219.672)	-	-	-	(868.219.672)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(118.215.897)	14	(118.215.883)
Số dư tại ngày 31/12/2021	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(2.261.093.904)	366.768.289.168	21.304.975.461	175.681.861.095	1.373.496.941.820

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	VND	%
Cổ đông		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100,00%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. CỔ TỨC

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức 121.196 triệu VND (tương đương 1.500 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020; trong đó bao gồm 80.798 triệu VND (tương đương 1.000 VND trên một cổ phiếu) đã được tạm ứng và ghi nhận trong năm 2020 và 40.398 triệu VND (tương đương 500 VND trên một cổ phiếu) được ghi nhận trong năm 2021.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a. Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	133.372.325.307	114.050.378.538

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	1.242.801	28.141.197.667	1.442.399	33.237.572.729
Euro ("EUR")	496	13.245.304	508	14.191.862
Kíp Lào ("LAK")	18.608.164.769	36.240.496.571	14.766.311.754	35.866.679.024
		64.394.939.542		69.118.443.615

c. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	115.075.000.000	151.169.000.000

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. DOANH THU BÁN HÀNG

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường. Doanh thu thuần của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	2021 VND	2020 VND
Bán dầu mỡ nhờn	1.454.272.256.409	1.350.524.785.460
Bán nhựa đường	2.814.445.019.016	2.525.304.039.627
Bán hóa chất, dung môi	2.549.091.809.303	1.699.707.793.441
Bán hàng hóa khác	50.564.755.758	32.898.033.797
Doanh thu thuần	6.868.373.840.486	5.608.434.652.325

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	1.029.876.305.385	899.020.316.093
Giá vốn nhựa đường	2.436.461.468.068	2.171.053.974.368
Giá vốn hóa chất, dung môi	2.418.171.284.696	1.551.616.264.017
Giá vốn hàng hóa khác	48.290.578.610	32.123.865.595
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	548.883.900	3.097.702.761
	5.933.348.520.659	4.656.912.122.834

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	44.703.085.119	49.528.336.716
Lãi chênh lệch tỷ giá	46.238.195.545	19.619.076.901
Lãi hàng bán trả chậm	4.210.076.572	8.877.677.012
	95.151.357.236	78.025.090.629

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	70.700.675.506	106.168.503.455
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.395.435.414	10.626.731.297
Chi phí tài chính khác	2.921.717.167	1.222.545.382
	80.017.828.087	118.017.780.134

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	83.973.912.056	77.022.937.338
Chi phí vận chuyển	122.807.694.715	116.666.092.107
Chi phí hỗ trợ bán hàng	94.309.953.185	88.757.738.825
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	49.421.006.125	65.067.388.654
Chi phí sửa chữa	12.172.859.399	8.131.930.173
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.140.127.127	47.797.871.826
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	22.616.645.344	19.217.476.614
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.381.571.710	40.951.680.169
Chi phí bán hàng khác	63.447.926.937	64.493.541.318
	542.271.696.598	528.106.657.024

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	86.548.049.036	71.214.737.322
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.480.078.150	4.835.613.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.458.816.875	16.907.495.703
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	34.314.134.370	46.934.220.294
Dự phòng phải thu khó đòi	42.500.341.562	64.321.647.798
	187.301.419.993	204.213.715.090

34. THU NHẬP KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	491.000.000	516.115.724
Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước	6.469.766.762	-
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	804.319.763	7.911.803.805
Các khoản khác	4.410.216.262	6.414.873.010
	12.175.302.787	14.842.792.539

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.340.004.946.839	1.054.205.005.190
Chi phí nhân viên	205.622.572.260	187.952.950.570
Chi phí khấu hao và phân bổ	107.708.332.734	98.512.665.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	200.378.132.513	251.891.675.530
Chi phí khác	312.051.091.091	349.768.553.895

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

a. Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	51.039.734.381	41.447.703.040
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	342.610.147
	51.039.734.381	41.790.313.187
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(4.795.857.119)	316.206.233
Chi phí thuế thu nhập	46.243.877.262	42.106.519.420

b. Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	220.718.299.717	189.948.277.630
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	44.143.659.943	37.989.655.526
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	-	493.447.695
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.226.375.114	2.734.579.795
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	47.981.209	317.292.751
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	342.610.147
Các khoản khác	825.860.996	228.933.506
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	46.243.877.262	42.106.519.420

c. Thuế suất áp dụng

Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân.

	2021	2020
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	174.474.422.455	147.841.758.210
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(16.080.393.429)	(16.080.393.429)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	158.394.029.026	131.761.364.781
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân (cổ phiếu)	80.797.566	80.797.566
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.960	1.631

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở số đã trích cho năm 2020.

b. Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 6 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2020. Theo đó, Tổng công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 16.080.393.429 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại, như sau:

	2020 (điều chỉnh lại) VND/cổ phiếu	2020 (theo báo cáo trước đây) VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.631	1.715

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Các công ty liên quan		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Công ty mẹ		
Cổ tức	31.944.629.500	159.723.975.000
Petrolimex Singapore Pte Ltd.		
Mua hàng hóa	587.248.281.985	763.623.693.186
Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex		
Bán hàng hóa	1.220.021.446.988	1.117.028.041.190
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	53.147.710.795	66.699.974.762
Công ty TNHH Castrol BP PETCO		
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	65.301.813.444	15.415.125.386
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		
Các khoản vay	1.198.364.927.168	482.819.413.574
Trả nợ vay	1.267.636.881.757	188.684.183.257
Lãi vay	20.554.890.844	14.257.404.510
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP		
Bán hàng hóa	34.759.251.962	172.739.000
Mua dịch vụ	572.763.310	16.343.113.689

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2021 VND	2020 VND
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Tiền lương, thù lao và thưởng	1.230.510.595	1.047.071.000
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.181.628.638	920.841.000
Phó Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	817.946.450	799.366.000
Thành viên Hội đồng Quản trị 1		
Tiền lương, thù lao và thưởng	1.181.628.638	689.684.000
Thành viên Hội đồng Quản trị 2		
Tiền lương, thù lao và thưởng	845.725.284	585.231.000
Thành viên Hội đồng Quản trị 3		
Tiền lương, thù lao và thưởng	-	548.517.000
Thành viên Hội đồng Quản trị 4		
Tiền lương, thù lao và thưởng	817.946.450	228.956.000
Thành viên Hội đồng Quản trị 5		
Tiền lương, thù lao và thưởng	132.870.857	145.012.833
Thành viên Hội đồng Quản trị 6		
Tiền lương, thù lao và thưởng	181.600.857	145.012.833
Thành viên Hội đồng Quản trị 7		
Tiền lương, thù lao và thưởng	-	95.933.833
Thành viên Hội đồng Quản trị 8		
Tiền lương, thù lao và thưởng	155.465.258	49.079.000
Trưởng Ban Kiểm soát		
Tiền lương, thù lao và thưởng	845.725.284	585.231.000
Thành viên Ban Kiểm soát 1		
Tiền lương, thù lao và thưởng	494.297.100	403.202.000
Thành viên Ban Kiểm soát 2		
Tiền lương, thù lao và thưởng	49.518.000	-
Thành viên Ban Kiểm soát 3		
Tiền lương, thù lao và thưởng	58.231.420	87.211.833

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. CÁC KHOẢN TIẾM ẨN

Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (“Nghị định 132”) quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 và được áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020, tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế. Các quy định này được áp dụng hồi tố đối với năm tính thuế TNDN năm 2017, 2018 và 2019.

Trong năm 2021 và trong các năm 2017, 2018, 2019 và 2020 các công ty con của Tổng công ty có phát sinh giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết không phải là ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, hiện có những diễn giải khác nhau về việc quy định của Nghị định 132 có áp dụng hay không trong trường hợp doanh nghiệp có giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết không phải là ngân hàng thương mại. Theo diễn giải của Ban Giám đốc các công ty con, quy định này không áp dụng trong trường hợp các công ty con không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết không phải ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, việc có hay không áp dụng quy định này trong trường hợp các công ty con không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết không phải là ngân hàng thương mại phụ thuộc vào quan điểm của cơ quan thuế mà hiện tại các công ty con của Tổng công ty chưa nhận được hướng dẫn cụ thể. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, việc diễn giải phạm vi áp dụng của quy định nêu trên được xem là tiềm ẩn yếu tố không chắc chắn trọng yếu. Do vậy, Ban Giám đốc các công ty con không điều chỉnh ảnh hưởng của chi phí lãi vay có khả năng không được trừ, ước tính cho các năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021 lần lượt là 5.152 triệu VND, 7.204 triệu VND, 10.120 triệu VND, 4.156 triệu VND và 4.354 triệu VND khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã không điều chỉnh ảnh hưởng của các khoản chi phí lãi vay có khả năng không được trừ này trong báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp các khoản lãi vay này không được cơ quan thuế chấp nhận, các công ty con có thể phải nộp bổ sung các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng cho từng năm là 5.152 triệu VND, 7.204 triệu VND, 10.120 triệu VND, 4.156 triệu VND và 4.354 triệu VND và có thể phát sinh các khoản phạt chậm nộp thuế.

40. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Quản trị chuyển đổi
để tiến xa hơn





TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 18-19 ,Số 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3851 3205 - 38518 066 Fax: (024) 38513 207

E-mail: plc@petrolimex.com.vn